

**DANH SÁCH LỚP HỌC PHẦN KHÔNG ĐƯỢC MỞ SAU ĐỢT BỔ SUNG
DO SỐ SỐ NHỎ HỌC KỲ HK 1/NH 2024 - 2025 Khóa cũ (Mã HK 2431)**

STT	Mã HK	SHL	Mã học phần	Lớp	Tên học phần	Thứ	Giờ BD	Giờ KT	Phòng học	Sĩ số
1	2431	1078	ANH452DE01	0100	Graduation Internship	T2T3T4T5T6	13:00:00	17:30:00		0
2	2431	1079	ANH453DE01	0100	Graduation Paper	T2T3T4T5T6	13:00:00	17:30:00		0
3	2431	2113	ANH455DE01	0100	Graduation Paper	T2T3T4T5T6	7:00:00	17:30:00		0
4	2431	2115	ANH457DE01	0100	Graduation Paper	T2T3T4T5T6	7:00:00	17:30:00		0
5	2431	2111	ANH459DE01	0100	Graduation Paper	T2T3T4T5T6	7:00:00	17:30:00		0
6	2431	1448	BA304DV01	0100	Quản trị vận hành doanh nghiệp	T2	7:00:00	9:30:00	Phòng 301 - Nguyễn Văn Tráng	20
7	2431	1101	BLAW402DE01	0200	Law on Fintech	T2	13:00:00	15:30:00	Phòng 703 - CS Cao Thắng	14
8	2431	1511	DC143DV01	0500	Tư tưởng Hồ Chí Minh	T4	7:00:00	9:30:00	Phòng 406 - Nguyễn Văn Tráng	35
9	2431	1514	DC143DV01	0800	Tư tưởng Hồ Chí Minh	T6	7:00:00	9:30:00	Phòng 049 - CS Thành Thái	17
10	2431	1537	EC308DV01	0100	Công nghệ TT cơ bản TMĐT	T5	15:50:00	18:20:00	Phòng 307 - Nguyễn Văn Tráng	19
11	2431	1541	EM312DV02	0100	Quản lý đám đông trong sự kiện	T3	15:50:00	18:20:00	Phòng 506 - Nguyễn Văn Tráng	12
12	2431	1130	EM315DE01	0100	M.I.C.E Management	T5	15:50:00	18:20:00	Phòng 305 - Nguyễn Văn Tráng	18
13	2431	1545	EM451DV01	0100	Khóa luận tốt nghiệp	T2T3T4T5T6	13:00:00	17:30:00		0
14	2431	2139	GLAW201DV01	0100	Luật lao động	T4	13:00:00	15:30:00	Phòng 105 - CS Quang Trung 2	6
15	2431	1622	HAN102DV01	0200	Tiếng Hàn 2	T2T4	7:00:00	9:30:00	Phòng 404 - Nguyễn Văn Tráng	13
16	2431	2127	HRM305DV01	0100	Quản trị Thành tích	T2	13:00:00	15:30:00	Phòng 303 - Nguyễn Văn Tráng	13
17	2431	1685	JPS451DV01	0100	Khóa luận tốt nghiệp	T2T3T4T5T6	13:00:00	17:30:00		0
18	2431	1707	KT211DV04	0100	Kế toán Tài chính Việt Nam 1	T2	7:50:00	11:30:00	Phòng 219 - CS Quang Trung 2	7
19	2431	1708	KT301DV02	0100	Kế toán Quản trị Chi phí	T2	13:00:00	15:30:00	Phòng 219 - CS Quang Trung 2	7
20	2431	1709	KT302DV01	0100	Kế toán Quản trị	T5	7:00:00	9:30:00	Phòng 219 - CS Quang Trung 2	7
21	2431	1197	KT305DE02	0100	Cst Infor for Descision making	T3	13:00:00	16:40:00	Phòng 218 - CS Quang Trung 2	7
22	2431	1199	KT308DE03	0100	Financial Accounting 2 (IA 2)	T4	13:00:00	15:30:00	Phòng 019 - CS Thành Thái	4
23	2431	1203	KT314DE01	0100	Mgmt Accounting & Decisions 2	T5	9:50:00	12:20:00	Phòng 218 - CS Quang Trung 2	2
24	2431	1204	KT315DE01	0100	VN Financial Accounting System	T7	9:50:00	12:20:00	Phòng 029 - CS Thành Thái	4
25	2431	1205	KT317DE01	0100	Accounting Simulation	T2	7:50:00	11:30:00	Phòng 203 - CS Quang Trung 2	5

STT	Mã HK	SHL	Mã học phần	Lớp	Tên học phần	Thứ	Giờ BD	Giờ KT	Phòng học	Sĩ số
26	2431	2116	KT451DV01	0100	Khóa luận Tốt nghiệp	T2T3T4T5T6	7:00:00	17:30:00		0
27	2431	1725	LE103DV01	0400	Giới & Phát triển tại Việt Nam	T3	15:50:00	18:20:00	Phòng 406 - Nguyễn Văn Tráng	59
28	2431	1731	LE202DV01	0600	Tư duy Phân biện	T2	14:40:00	17:30:00	Phòng 112 - CS Quang Trung 2	13
29	2431	1210	LG201DE01	0100	Warehouse and Inventory Manage	T2	15:50:00	18:20:00	Phòng 024 - CS Thành Thái	15
30	2431	1743	LG306DV01	0200	Giao nhận HH và khai báo HQ	T4	7:00:00	9:30:00	Phòng 502 - Nguyễn Văn Tráng	16
31	2431	1744	LG306DV01	0201	Giao nhận HH và khai báo HQ	T4	7:00:00	9:30:00		16
32	2431	1240	MK307DE01	0400	Product management	T4	7:00:00	9:30:00	Phòng 221 - CS Quang Trung 2	16
33	2431	1797	MK308DV03	0100	QT truyền thông Mkt. tích hợp	T2	15:50:00	18:20:00	Phòng 401 - Nguyễn Văn Tráng	20
34	2431	1251	MK316DE01	0200	Pricing Strategy	T4	9:50:00	12:20:00	Phòng 204 - CS Quang Trung 2	10
35	2431	1809	MK318DV01	0200	PT truyền thông Marketing XH	T4	9:50:00	12:20:00	Phòng 022 - CS Thành Thái	23
36	2431	1275	MK409DE01	0100	Mobile Marketing	T6	7:00:00	9:30:00	Phòng 504 - Nguyễn Văn Tráng	13
37	2431	1847	NHAT103DV03	0100	Tiếng Nhật 3	T3T5	13:00:00	15:30:00	Phòng 304 - Nguyễn Văn Tráng	14
38	2431	1850	PB451DV01	0100	Khóa luận tốt nghiệp	T2T3T4T5T6	13:00:00	17:30:00		0
39	2431	1852	PE104DV01	0200	Bóng đá	T2	9:50:00	12:20:00	Sân Phú Thọ 1	13
40	2431	1861	PE107DV01	0300	Karatedo	T2	13:00:00	15:30:00	Phòng 301 - CS Thành Thái	9
41	2431	1862	PE107DV01	0400	Karatedo	T4	13:00:00	15:30:00	Phòng 301 - CS Thành Thái	10
42	2431	1869	PE109DV01	0700	Cầu lông	T5	7:00:00	9:30:00	Sân 046C - CS Thành Thái	14
43	2431	1872	PE110DV01	0200	Taekwondo	T2	9:50:00	12:20:00	Phòng 301 - CS Thành Thái	11
44	2431	1875	PE114DV01	0100	Kickboxing	T2	9:50:00	12:20:00	Sân Phú Thọ 2	7
45	2431	1878	PE114DV01	0400	Kickboxing	T5	13:00:00	15:30:00	Sân Phú Thọ 2	11
46	2431	1879	PE119DV01	0100	Muay	T3	9:50:00	12:20:00	Sân Phú Thọ 2	10
47	2431	1880	PE119DV01	0200	Muay	T4	13:00:00	15:30:00	Sân Phú Thọ 2	12
48	2431	1885	PE124DV01	0100	Golf	T2	15:50:00	18:20:00	Sân 046B - CS Thành Thái	3
49	2431	1886	PE124DV01	0200	Golf	T4	15:50:00	18:20:00	Sân 046B - CS Thành Thái	9
50	2431	2154	PHAP103DV02	0200	Tiếng Pháp 3	T2T4	7:00:00	9:30:00	Phòng 115 - CS Quang Trung 2	0
51	2431	2155	PHAP201DV02	0200	Tiếng Pháp 4	T2T4	13:00:00	15:30:00	Phòng 115 - CS Quang Trung 2	2
52	2431	1910	PR302DV01	0100	Nghiên cứu trong QHCC	T4	13:00:00	15:30:00	Phòng 604 - Nguyễn Văn Tráng	11
53	2431	1912	PR305DV01	0100	Quan hệ công chúng quốc tế	T7	9:50:00	12:20:00	Phòng 503 - Nguyễn Văn Tráng	15
54	2431	1923	PSY307DV02	0100	Tâm lý sinh học & TK học về HV	T4	15:50:00	18:20:00	Phòng 402 - Nguyễn Văn Tráng	15
55	2431	1932	RM304DV01	0102	Kỹ thuật làm bánh	T4	7:00:00	11:30:00	Phòng 015 - CS Quang Trung 2	7
56	2431	1970	SW401DV01	0100	Quản lý Chất lượng Phần mềm	T6	15:50:00	18:20:00	Phòng 102 - CS Quang Trung 2	19
57	2431	1338	TC304DE02	0200	Financial Management	T4	7:00:00	9:30:00	Phòng 307 - Nguyễn Văn Tráng	17

STT	Mã HK	SHL	Mã học phần	Lớp	Tên học phần	Thứ	Giờ BD	Giờ KT	Phòng học	Sĩ số
58	2431	1983	TC306DV02	0100	Quản trị rủi ro	T6	13:00:00	15:30:00	Phòng 032 - CS Thành Thái	16
59	2431	1991	TC403DV01	0100	T/Chính Doanh nghiệp nâng cao	T6	9:50:00	12:20:00	Phòng 303 - Nguyễn Văn Tráng	15
60	2431	1992	TC406DV01	0100	Tín dụng Ngân hàng	T6	15:50:00	18:20:00	Phòng 606 - Nguyễn Văn Tráng	12
61	2431	1994	TC419DV01	0100	Tài chính Tập đoàn Đa Quốc gia	T6	7:00:00	9:30:00	Phòng 401 - Nguyễn Văn Tráng	22
62	2431	2145	TC451DE01	0100	Graduation Paper	T2T3T4T5T6	7:00:00	17:30:00		0
63	2431	2069	TO453DE01	0100	Graduation Paper	T2T3T4T5T6	7:00:00	17:30:00		0
64	2431	2153	TQ103DV03	0200	Tiếng Trung 3	T3T5	13:00:00	15:30:00	Phòng 115 - CS Quang Trung 2	3

TP.Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 9 năm 2024

Trưởng Phòng

(ĐẤ KÝ)

Nguyễn Tiến Lập

DANH SÁCH SINH VIÊN THUỘC LỚP HỌC PHẦN BỊ HỦY SAU ĐỢT BỔ SUNG
DO SỐ SỐ NHỎ HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025 (MÃ HK: 2431)

STT	MSSV	Họ lót	Tên	Số hiệu lớp	Mã học phần	Lớp	Tên học phần	Ghi chú
1	22200335	Nguyễn Đức	Đức	1731	LE202DV01	0600	Tư duy Phản biện	
2	22105410	Nguyễn Bích	Thảo	1101	BLAW402DE01	0200	Law on Fintech	
3	22106120	Bùi Chí	Nghiệp	1101	BLAW402DE01	0200	Law on Fintech	
4	22112460	Lê Nguyễn Thanh	Lâm	1101	BLAW402DE01	0200	Law on Fintech	
5	22113544	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Thương	1101	BLAW402DE01	0200	Law on Fintech	
6	22114319	Hoàng Thị Phương	Uyên	1101	BLAW402DE01	0200	Law on Fintech	
7	22114878	Lý Quang	Bảo	1101	BLAW402DE01	0200	Law on Fintech	
8	22115220	Nguyễn Minh	Thuận	1101	BLAW402DE01	0200	Law on Fintech	
9	22118132	Nguyễn Vũ Hoàng Vân	Son	1101	BLAW402DE01	0200	Law on Fintech	
10	22118137	Nguyễn Thị Thanh	Nguyên	1101	BLAW402DE01	0200	Law on Fintech	
11	22118144	Nguyễn	Hung	1101	BLAW402DE01	0200	Law on Fintech	
12	22118152	Lê Quốc	Di	1101	BLAW402DE01	0200	Law on Fintech	
13	22118156	Lâm Quốc	Bình	1101	BLAW402DE01	0200	Law on Fintech	
14	22122934	Lê Thị Mỹ	Vy	2139	GLAW201DV01	0100	Luật lao động	
15	22122481	Đoàn Dương Minh	Thư	1101	BLAW402DE01	0200	Law on Fintech	
16	22122529	Đồng Nguyễn Ngọc	Ánh	1101	BLAW402DE01	0200	Law on Fintech	
17	22303193	Nguyễn Anh	Dương	1872	PE110DV01	0200	Taekwondo	
18	22303756	Nguyễn Cảnh Gia	Uyên	1872	PE110DV01	0200	Taekwondo	
19	22003842	Huỳnh Phạm Hoàng	Phát	1878	PE114DV01	0400	Kickboxing	
20	22116119	Liêu Bảo	Khoa	1725	LE103DV01	0400	Giới & Phát triển tại Việt Nam	
21	2194447	Diệp Hoàng	Hoàng	1878	PE114DV01	0400	Kickboxing	
22	2191489	Lâm Nhựt	Dân	1869	PE109DV01	0700	Cầu lông	
23	2183451	Phan Thành	Khoa	1879	PE119DV01	0100	Muay	
24	2190830	Nguyễn Thị Ngọc	Nguyên	1869	PE109DV01	0700	Cầu lông	
25	22008350	Nguyễn Hồng	Duy	1862	PE107DV01	0400	Karatado	
26	22100953	Hồ Ngọc Thảo	Nguyên	1514	DC143DV01	0800	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
27	22102093	Phạm Quốc	Cường	1511	DC143DV01	0500	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
28	22104760	Nguyễn Trần Mỹ	Hiền	1511	DC143DV01	0500	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
29	22106547	Lê Mẫn	Lợi	1511	DC143DV01	0500	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
30	22106967	Dương Thị Thùy	Hân	1511	DC143DV01	0500	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
31	22107641	Trần Long	Vân	1514	DC143DV01	0800	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
32	22113488	Nguyễn Thảo	Uyên	1514	DC143DV01	0800	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
33	22114589	Nguyễn Phương	Anh	1511	DC143DV01	0500	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
34	22114920	Lý Lê Công	Phong	1514	DC143DV01	0800	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
35	22115603	Nguyễn Trần Thiên	Kim	1511	DC143DV01	0500	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
36	22115605	Phạm Huy	Kiệt	1511	DC143DV01	0500	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
37	22115518	Mai Đình	Như	1511	DC143DV01	0500	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
38	22115671	Phan Viết	Đông	1511	DC143DV01	0500	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
39	22115684	Lê Hữu	Duy	1511	DC143DV01	0500	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
40	22115729	Nguyễn Hữu	An	1511	DC143DV01	0500	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
41	22115032	Đỗ Nguyệt	Nam	1886	PE124DV01	0200	Golf	
42	22115034	Đoàn Phú Ngọc	Minh	1886	PE124DV01	0200	Golf	
43	22204520	Ngô Thị Thùy	Vi	1725	LE103DV01	0400	Giới & Phát triển tại Việt Nam	
44	22140264	Lê Nhật	Nam	1514	DC143DV01	0800	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
45	22122996	Phùng Tuấn	Lộc	1514	DC143DV01	0800	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
46	22205785	Huỳnh Minh	Huy	1878	PE114DV01	0400	Kickboxing	

STT	MSSV	Họ lót	Tên	Số hiệu lớp	Mã học phần	Lớp	Tên học phần	Ghi chú
47	22011390	Phạm Ngọc Khánh	Vy	1130	EM315DE01	0100	M.I.C.E Management	
48	22115095	Hoàng Ngọc	Mai	1130	EM315DE01	0100	M.I.C.E Management	
49	22122800	Hỷ Hồng Ái	Trình	1130	EM315DE01	0100	M.I.C.E Management	
50	22119355	Từ Thảo	Vy	1130	EM315DE01	0100	M.I.C.E Management	
51	22119413	Đặng Thiện	Anh	1130	EM315DE01	0100	M.I.C.E Management	
52	22123024	Nguyễn Ngọc Bích	Ngân	1130	EM315DE01	0100	M.I.C.E Management	
53	22204499	Hồ Hoàng	Gia	1130	EM315DE01	0100	M.I.C.E Management	
54	22200132	Nguyễn Kim	Sang	1130	EM315DE01	0100	M.I.C.E Management	
55	22206165	Nguyễn Phi	Hùng	1130	EM315DE01	0100	M.I.C.E Management	
56	22100204	Lê Minh	Nhật	1797	MK308DV03	0100	QT truyền thông Mkt. tích hợp	
57	22107763	Trần Thảo	Anh	1275	MK409DE01	0100	Mobile Marketing	
58	22112401	Phạm Bích Thùy	Trang	1797	MK308DV03	0100	QT truyền thông Mkt. tích hợp	
59	22114121	Bùi Huỳnh Trúc	Duy	1797	MK308DV03	0100	QT truyền thông Mkt. tích hợp	
60	22114314	Nguyễn Trung	Kiên	1240	MK307DE01	0400	Product management	
61	22114488	Cao Thu	Quyên	1797	MK308DV03	0100	QT truyền thông Mkt. tích hợp	
62	22114540	Đào Thị Quỳnh	Huy	1797	MK308DV03	0100	QT truyền thông Mkt. tích hợp	
63	22115156	Nguyễn Tiến	Đạt	1275	MK409DE01	0100	Mobile Marketing	
64	22116989	Nguyễn Ngọc	Linh	1275	MK409DE01	0100	Mobile Marketing	
65	22117020	Bùi Thị Vân	Anh	1275	MK409DE01	0100	Mobile Marketing	
66	22200495	Nguyễn Lục	Phát	1869	PE109DV01	0700	Cầu lông	
67	22200328	Chu Khánh	Ngân	1275	MK409DE01	0100	Mobile Marketing	
68	22200387	Nguyễn Phạm Ngọc	Khánh	1275	MK409DE01	0100	Mobile Marketing	
69	22204526	Phạm Vi Mai	Anh	1251	MK316DE01	0200	Pricing Strategy	
70	22204738	Đoàn Ngọc Minh	Quân	1725	LE103DV01	0400	Giới & Phát triển tại Việt Nam	
71	22122540	Nguyễn Hà	Mi	1275	MK409DE01	0100	Mobile Marketing	
72	22122687	Trần Thị Thanh	Đào	1275	MK409DE01	0100	Mobile Marketing	
73	22122650	Trần Thị Thanh	Thùy	1275	MK409DE01	0100	Mobile Marketing	
74	22206280	Trịnh Minh	Phương	1511	DC143DV01	0500	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
75	22206473	Sơn Minh	Trường	1514	DC143DV01	0800	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
76	22205630	Nguyễn Thoại	Vy	1725	LE103DV01	0400	Giới & Phát triển tại Việt Nam	
77	22205525	Nguyễn Quỳnh	Kỳ	1275	MK409DE01	0100	Mobile Marketing	
78	22205929	Nguyễn Thị Tường	Vy	1251	MK316DE01	0200	Pricing Strategy	
79	22205099	Nguyễn Văn	Quang	1240	MK307DE01	0400	Product management	
80	22205099	Nguyễn Văn	Quang	1251	MK316DE01	0200	Pricing Strategy	
81	22205311	Trương Văn	Thuận	1240	MK307DE01	0400	Product management	
82	22205031	Lê Anh	Quân	1251	MK316DE01	0200	Pricing Strategy	
83	22205009	Trương Bảo	Ngọc	1251	MK316DE01	0200	Pricing Strategy	
84	22207614	Lê Thị Thanh	Hà	1809	MK318DV01	0200	PT truyền thông Marketing XH	
85	22207219	Nguyễn Thái Nhật	Thảo	1240	MK307DE01	0400	Product management	
86	22206983	Hoàng Huỳnh Minh	Việt	1240	MK307DE01	0400	Product management	
87	22400528	Phạm Xuân	Thư	1725	LE103DV01	0400	Giới & Phát triển tại Việt Nam	
88	22400544	Bùi Ngọc	Minh	1880	PE119DV01	0200	Muay	
89	22102648	Hoàng Ngọc	Tuân	1537	EC308DV01	0100	Công nghệ TT cơ bản TMĐT	
90	22102648	Hoàng Mai Hữu	Tuân	1886	PE124DV01	0200	Golf	
91	22100773	Nguyễn Quốc	Hoàng	1537	EC308DV01	0100	Công nghệ TT cơ bản TMĐT	
92	22112390	Đào Nguyễn Thảo	Hoàng	1537	EC308DV01	0100	Công nghệ TT cơ bản TMĐT	
93	22111885	Nguyễn Thùy Phương	Hằng	1537	EC308DV01	0100	Công nghệ TT cơ bản TMĐT	
94	22111175	Phan Ngọc	Hi	1537	EC308DV01	0100	Công nghệ TT cơ bản TMĐT	
95	22108627	Lê Ngọc	Huy	1537	EC308DV01	0100	Công nghệ TT cơ bản TMĐT	
96	22110078	Lương Thanh Thị Thảo	Ly	1537	EC308DV01	0100	Công nghệ TT cơ bản TMĐT	
97	22107515	Quách Hùng	Thịnh	1537	EC308DV01	0100	Công nghệ TT cơ bản TMĐT	
98	22117950	Phạm Hoàng Anh	Hung	1537	EC308DV01	0100	Công nghệ TT cơ bản TMĐT	
99	22114738	Đào Huy	Hoàng	1537	EC308DV01	0100	Công nghệ TT cơ bản TMĐT	
100	22114649	Đinh Trần Trúc	Minh	1537	EC308DV01	0100	Công nghệ TT cơ bản TMĐT	
101	22114590	Nguyễn Minh	Nhi	1537	EC308DV01	0100	Công nghệ TT cơ bản TMĐT	
102	22114473	Lữ Thị Kim	Quyên	1537	EC308DV01	0100	Công nghệ TT cơ bản TMĐT	
103	22114475	Nguyễn Hữu Huy	Hoàng	1537	EC308DV01	0100	Công nghệ TT cơ bản TMĐT	

STT	MSSV	Họ lót	Tên	Số hiệu lớp	Mã học phần	Lớp	Tên học phần	Ghi chú
104	22113693	Đặng Trọng	Hân	1537	EC308DV01	0100	Công nghệ TT cơ bản TMĐT	
105	22123159	Trương Mỹ	Man	1537	EC308DV01	0100	Công nghệ TT cơ bản TMĐT	
106	22204701	Nguyễn Thị Yến	Nhi	1210	LG201DE01	0100	Warehouse and Inventory Manage	
107	22204779	Tô Lan	Anh	1210	LG201DE01	0100	Warehouse and Inventory Manage	
108	22205786	Trần Trần Ngọc	Trân	1537	EC308DV01	0100	Công nghệ TT cơ bản TMĐT	
109	22205786	Trần Trần Ngọc	Trân	1725	LE103DV01	0400	Giới & Phát triển tại Việt Nam	
110	22205544	Lâm Khôi	Châu	1537	EC308DV01	0100	Công nghệ TT cơ bản TMĐT	
111	22207226	Huỳnh Hà Bảo	Thùy	1537	EC308DV01	0100	Công nghệ TT cơ bản TMĐT	
112	22207226	Huỳnh Hà Bảo	Thùy	1725	LE103DV01	0400	Giới & Phát triển tại Việt Nam	
113	22207529	Hoàng Hoàng Duy	Ngọc	1725	LE103DV01	0400	Giới & Phát triển tại Việt Nam	
114	22007535	Phó Nguyễn Mộng Thùy	Lam	1725	LE103DV01	0400	Giới & Phát triển tại Việt Nam	
115	22100020	Đặng Thùy	Thu	1852	PE104DV01	0200	Bóng đá	
116	22104066	Phạm Minh	Ngân	1541	EM312DV02	0100	Quản lý đám đông trong sự kiện	
117	22103230	Phan Ngọc Linh	Hy	1541	EM312DV02	0100	Quản lý đám đông trong sự kiện	
118	22103376	Vô Minh	Nhi	1541	EM312DV02	0100	Quản lý đám đông trong sự kiện	
119	22106917	Nguyễn Phương	Khoa	1541	EM312DV02	0100	Quản lý đám đông trong sự kiện	
120	22105816	Nguyễn Quỳnh Nhật	Thùy	1541	EM312DV02	0100	Quản lý đám đông trong sự kiện	
121	22105474	Đỗ Thị Ngọc	An	1869	PE109DV01	0700	Cầu lông	
122	22104638	Trần Thục	Ngân	1541	EM312DV02	0100	Quản lý đám đông trong sự kiện	
123	22108764	Đỗ Nhật Khánh	Vy	1541	EM312DV02	0100	Quản lý đám đông trong sự kiện	
124	22113652	Nguyễn Thụy Bảo	Lộc	1541	EM312DV02	0100	Quản lý đám đông trong sự kiện	
125	22204628	Trần Minh	Tiến	1541	EM312DV02	0100	Quản lý đám đông trong sự kiện	
126	22203151	Đặng Thanh Hàn	Thư	1541	EM312DV02	0100	Quản lý đám đông trong sự kiện	
127	22207545	Nguyễn Việt	Thành	1725	LE103DV01	0400	Giới & Phát triển tại Việt Nam	
128	22207545	Nguyễn Thị Ngọc	Thành	1852	PE104DV01	0200	Bóng đá	
129	22207097	Nguyễn Thị Kim	Ý	1130	EM315DE01	0100	M.I.C.E Management	
130	22112287	Trương Ngọc	Anh	1514	DC143DV01	0800	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
131	22115171	Nguyễn Lê Trung	Kiên	1514	DC143DV01	0800	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
132	22140024	Trần Vũ Minh	Phúc	1514	DC143DV01	0800	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
133	22101407	Lê Mỹ	Phát	1872	PE110DV01	0200	Taekwondo	
134	22000150	Trần Vũ Phương	Chi	1725	LE103DV01	0400	Giới & Phát triển tại Việt Nam	
135	22101319	Tổng Bùi	Hào	1861	PE107DV01	0300	Karatedo	
136	22111286	Tăng Thiên	Khải	1861	PE107DV01	0300	Karatedo	
137	22122698	Nguyễn Thị Kim	Quốc	1861	PE107DV01	0300	Karatedo	
138	22002762	Lê Quang	Minh	1130	EM315DE01	0100	M.I.C.E Management	
139	22004106	Nguyễn Khánh	Phúc	1886	PE124DV01	0200	Golf	
140	2199461	Lê Chí	Khanh	1622	HAN102DV01	0200	Tiếng Hàn 2	
141	2173732	Vô Lê Ý	Nghiêm	2153	TQ103DV03	0200	Tiếng Trung 3	
142	2190970	Lưu Huỳnh	Kiệt	1622	HAN102DV01	0200	Tiếng Hàn 2	
143	2191230	Nguyễn Trung	Linh	1725	LE103DV01	0400	Giới & Phát triển tại Việt Nam	
144	22011794	Hoàng Minh	Quân	1511	DC143DV01	0500	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
145	22011993	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	1878	PE114DV01	0400	Kickboxing	
146	22100172	Nguyễn Quốc	Ngọc	1622	HAN102DV01	0200	Tiếng Hàn 2	
147	22110876	Phan Minh Kim	Phát	1130	EM315DE01	0100	M.I.C.E Management	
148	22108710	Bành Thị Thủy	Hân	1725	LE103DV01	0400	Giới & Phát triển tại Việt Nam	
149	22108026	Vũ Ngọc Minh	Thư	1130	EM315DE01	0100	M.I.C.E Management	
150	22107274	Cao Hữu	Băng	1622	HAN102DV01	0200	Tiếng Hàn 2	
151	22113038	Nguyễn Ngọc Khánh	Trâm	1130	EM315DE01	0100	M.I.C.E Management	
152	22113331	Đặng Hoài	Thương	1130	EM315DE01	0100	M.I.C.E Management	
153	22122756	Trần Phạm Khánh	Uyên	1622	HAN102DV01	0200	Tiếng Hàn 2	
154	22122558	Trần Thị Thúy	Hằng	1130	EM315DE01	0100	M.I.C.E Management	
155	22122558	Trần Bảo	Hằng	1725	LE103DV01	0400	Giới & Phát triển tại Việt Nam	
156	22122947	Nguyễn Minh	Trang	1622	HAN102DV01	0200	Tiếng Hàn 2	
157	22201389	Lê Thành	Nhi	1622	HAN102DV01	0200	Tiếng Hàn 2	
158	22205616	Hoàng Phương	Huyền	1872	PE110DV01	0200	Taekwondo	
159	22006581	Nguyễn Đoàn Khánh	Mai	1708	KT301DV02	0100	Kế toán Quản trị Chi phí	
160	22002837	Vô Phương	Khôi	1707	KT211DV04	0100	Kế toán Tài chính Việt Nam 1	

STT	MSSV	Họ lót	Tên	Số hiệu lớp	Mã học phần	Lớp	Tên học phần	Ghi chú
161	22001593	Nguyễn Thị Thúy	Anh	1205	KT317DE01	0100	Accounting Simulation	
162	22001489	Nguyễn Thị Thúy	Vy	1205	KT317DE01	0100	Accounting Simulation	
163	22001489	Nguyễn Thị Thúy	Vy	1708	KT301DV02	0100	Kế toán Quản trị Chi phí	
164	22001489	Nguyễn Thị Thúy	Vy	1709	KT302DV01	0100	Kế toán Quản trị	
165	2191799	Hồ Hoàng	Anh	1205	KT317DE01	0100	Accounting Simulation	
166	2191799	Hồ Hoàng	Anh	1708	KT301DV02	0100	Kế toán Quản trị Chi phí	
167	2191799	Hồ Hoàng	Anh	1709	KT302DV01	0100	Kế toán Quản trị	
168	2193920	Châu Tiên	Thành	1205	KT317DE01	0100	Accounting Simulation	
169	2193920	Châu Tiên	Thành	1708	KT301DV02	0100	Kế toán Quản trị Chi phí	
170	22011520	Nguyễn Thị Tuyết	Tuyết	1707	KT211DV04	0100	Kế toán Tài chính Việt Nam 1	
171	22011520	Nguyễn Thị Khánh	Tuyết	1708	KT301DV02	0100	Kế toán Quản trị Chi phí	
172	22011520	Nguyễn Thị Khánh	Tuyết	1709	KT302DV01	0100	Kế toán Quản trị	
173	22010663	Trần Thị Kiều	Huyền	1708	KT301DV02	0100	Kế toán Quản trị Chi phí	
174	22010663	Trần Thị Kiều	Huyền	1709	KT302DV01	0100	Kế toán Quản trị	
175	22012021	Cao Gia	Nghi	1709	KT302DV01	0100	Kế toán Quản trị	
176	22012511	Lý Gia	Như	1205	KT317DE01	0100	Accounting Simulation	
177	22012511	Lý Gia	Như	1708	KT301DV02	0100	Kế toán Quản trị Chi phí	
178	22012511	Lý Gia	Như	1709	KT302DV01	0100	Kế toán Quản trị	
179	22012388	Nguyễn Quỳnh	Anh	1709	KT302DV01	0100	Kế toán Quản trị	
180	22103554	Nguyễn Mỹ	Như	1862	PE107DV01	0400	Karatedo	
181	22113448	Nguyễn Quỳnh Anh	Thư	1197	KT305DE02	0100	Cst Infor for Descision making	
182	22113614	Nguyễn Đình	Bình	1197	KT305DE02	0100	Cst Infor for Descision making	
183	22113614	Nguyễn Đình	Bình	1199	KT308DE03	0100	Financial Accounting 2 (IA 2)	
184	22114090	Đoàn Thịnh Kim	Hoàng	1197	KT305DE02	0100	Cst Infor for Descision making	
185	22114118	Vũ Tiến	Đạt	1197	KT305DE02	0100	Cst Infor for Descision making	
186	22114118	Vũ Tiến	Đạt	1199	KT308DE03	0100	Financial Accounting 2 (IA 2)	
187	22114882	Lê Thị Yến	My	1197	KT305DE02	0100	Cst Infor for Descision making	
188	22114882	Lê Thị Yến	My	1204	KT315DE01	0100	VN Financial Accounting System	
189	22114949	Nguyễn Minh	Trí	1879	PE119DV01	0100	Muay	
190	22114790	Nguyễn Thị Thúy	Quyên	1204	KT315DE01	0100	VN Financial Accounting System	
191	22114515	Nguyễn Trần Y	Như	1204	KT315DE01	0100	VN Financial Accounting System	
192	22117745	Nguyễn Thái	Hà	1197	KT305DE02	0100	Cst Infor for Descision making	
193	22123085	Hồ Minh	Thanh	1199	KT308DE03	0100	Financial Accounting 2 (IA 2)	
194	22123085	Hồ Minh	Thanh	1203	KT314DE01	0100	Mgmt Accounting & Decisions 2	
195	22123085	Hồ Hoàng Bích	Thanh	1204	KT315DE01	0100	VN Financial Accounting System	
196	22122971	Huỳnh Nguyễn Thảo	Như	1862	PE107DV01	0400	Karatedo	
197	22122528	Dương Nguyễn Thảo	Uyên	1879	PE119DV01	0100	Muay	
198	22122476	Phùng Hạnh	Nhi	1203	KT314DE01	0100	Mgmt Accounting & Decisions 2	
199	22122476	Phùng Hạnh	Nhi	1338	TC304DE02	0200	Financial Management	
200	22122672	Phạm Nguyễn Phúc	Anh	1197	KT305DE02	0100	Cst Infor for Descision making	
201	22122672	Phạm Nguyễn Phúc	Anh	1199	KT308DE03	0100	Financial Accounting 2 (IA 2)	
202	22206350	Nguyễn Thị Quỳnh	Đạt	1338	TC304DE02	0200	Financial Management	
203	22206350	Nguyễn Thị Quỳnh	Đạt	1707	KT211DV04	0100	Kế toán Tài chính Việt Nam 1	
204	22205061	Trần Thị Kiều	Vy	1707	KT211DV04	0100	Kế toán Tài chính Việt Nam 1	
205	22300102	Trần Huy	Linh	1511	DC143DV01	0500	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
206	22207729	Phạm Huỳnh Tâm	Long	1707	KT211DV04	0100	Kế toán Tài chính Việt Nam 1	
207	22207392	Nguyễn Ngọc Khánh	Anh	1707	KT211DV04	0100	Kế toán Tài chính Việt Nam 1	
208	22207154	Bùi Hoài Yên	Hường	1707	KT211DV04	0100	Kế toán Tài chính Việt Nam 1	
209	2196499	Lê Ngọc Phương	Khánh	1861	PE107DV01	0300	Karatedo	
210	2198202	Nguyễn Giang	Tuyền	1725	LE103DV01	0400	Giới & Phát triển tại Việt Nam	
211	2195738	Vũ Hoàng Huy	Anh	1210	LG201DE01	0100	Warehouse and Inventory Manage	
212	2192728	Nguyễn Nguyễn Phương	Trân	1210	LG201DE01	0100	Warehouse and Inventory Manage	
213	2193222	Bùi Tuấn	Tú	1210	LG201DE01	0100	Warehouse and Inventory Manage	
214	22003716	Nguyễn Viết	Minh	1210	LG201DE01	0100	Warehouse and Inventory Manage	
215	22102929	Nguyễn Hoàng Thanh	Phong	1210	LG201DE01	0100	Warehouse and Inventory Manage	
216	22100071	Nguyễn Thị Lệ	Cường	1725	LE103DV01	0400	Giới & Phát triển tại Việt Nam	
217	22011544	Nguyễn Chí	Bảo	1210	LG201DE01	0100	Warehouse and Inventory Manage	

STT	MSSV	Họ lót	Tên	Số hiệu lớp	Mã học phần	Lớp	Tên học phần	Ghi chú
218	22010702	Bùi Huỳnh Hoàng	Tiến	1210	LG201DE01	0100	Warehouse and Inventory Manage	
219	22105509	Trịnh Diễm	Saly	1725	LE103DV01	0400	Giới & Phát triển tại Việt Nam	
220	22112579	Lê Anh	Quân	1210	LG201DE01	0100	Warehouse and Inventory Manage	
221	22112846	Nguyễn Ánh	Nguyễn	1725	LE103DV01	0400	Giới & Phát triển tại Việt Nam	
222	22114356	Trần Doãn Thái	Anh	1210	LG201DE01	0100	Warehouse and Inventory Manage	
223	22114561	Nguyễn Phúc Minh	Quân	1725	LE103DV01	0400	Giới & Phát triển tại Việt Nam	
224	22114637	Huỳnh Trí	Hùng	1210	LG201DE01	0100	Warehouse and Inventory Manage	
225	22114695	Nguyễn Văn	Thắng	1725	LE103DV01	0400	Giới & Phát triển tại Việt Nam	
226	22114941	Nguyễn Nguyễn Kiều	Hằng	1861	PE107DV01	0300	Karatedo	
227	22114890	Lê Võ Minh	Khánh	1725	LE103DV01	0400	Giới & Phát triển tại Việt Nam	
228	22114890	Lê Võ Minh	Khánh	1862	PE107DV01	0400	Karatedo	
229	22114183	Nguyễn Ngọc Yến	Thịnh	1731	LE202DV01	0600	Tư duy Phản biện	
230	22114279	Phan Đăng	Khoa	1869	PE109DV01	0700	Cầu lông	
231	22113945	Đỗ Thu	Ngân	1725	LE103DV01	0400	Giới & Phát triển tại Việt Nam	
232	22113704	Trần Hữu	Anh	1861	PE107DV01	0300	Karatedo	
233	22118642	Phạm Vĩ	Ngân	1725	LE103DV01	0400	Giới & Phát triển tại Việt Nam	
234	22123042	Hồ Việt	Duy	1743	LG306DV01	0200	Giao nhận HH và khai báo HQ	
235	22123042	Hồ Việt	Duy	1744	LG306DV01	0201	Giao nhận HH và khai báo HQ	
236	22205331	Hoàng Ngọc Anh	Bảo	1210	LG201DE01	0100	Warehouse and Inventory Manage	
237	22302405	Lại Vũ	Hung	1725	LE103DV01	0400	Giới & Phát triển tại Việt Nam	
238	22400368	Nguyễn Hoàng	Vy	1869	PE109DV01	0700	Cầu lông	
239	22009940	Phan Thị Xuân	Cảnh	1275	MK409DE01	0100	Mobile Marketing	
240	22007980	Ngô Thị Mộng	Linh	1809	MK318DV01	0200	PT truyền thông Marketing XH	
241	22006965	Âu Ngọc Mai	Thanh	1797	MK308DV03	0100	QT truyền thông Mkt. tích hợp	
242	22006510	Nguyễn Thanh	Như	1869	PE109DV01	0700	Cầu lông	
243	22003560	Nguyễn Lâm	Thông	1797	MK308DV03	0100	QT truyền thông Mkt. tích hợp	
244	22000734	Nguyễn Thanh	Nhi	1797	MK308DV03	0100	QT truyền thông Mkt. tích hợp	
245	22000858	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	1809	MK318DV01	0200	PT truyền thông Marketing XH	
246	2191065	Trần Văn	Thành	1878	PE114DV01	0400	Kickboxing	
247	2182833	Nguyễn Lê Đức	Trung	1511	DC143DV01	0500	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
248	2194001	Trịnh Lê Quốc	Nhi	1797	MK308DV03	0100	QT truyền thông Mkt. tích hợp	
249	2198911	Nguyễn Thị Thùy	Trang	1809	MK318DV01	0200	PT truyền thông Marketing XH	
250	22011789	Phạm Trần Ngọc	Anh	1275	MK409DE01	0100	Mobile Marketing	
251	22011763	Tiết Khải	Đông	1251	MK316DE01	0200	Pricing Strategy	
252	22013668	Phạm Văn	Toàn	1875	PE114DV01	0100	Kickboxing	
253	22013682	Nguyễn Võ Phương	Thắng	1809	MK318DV01	0200	PT truyền thông Marketing XH	
254	22013695	Nguyễn Ngọc Kiều	Quyên	1809	MK318DV01	0200	PT truyền thông Marketing XH	
255	22012358	Nguyễn Đặng Thanh	Hoàng	1809	MK318DV01	0200	PT truyền thông Marketing XH	
256	22100120	Nguyễn Hương	Thùy	1251	MK316DE01	0200	Pricing Strategy	
257	22100277	Nguyễn Phước	Thảo	1879	PE119DV01	0100	Muay	
258	22112842	Du Trần Minh	Ngọc	1809	MK318DV01	0200	PT truyền thông Marketing XH	
259	22110860	Nguyễn Thanh	Huy	1809	MK318DV01	0200	PT truyền thông Marketing XH	
260	22111632	Hồ Thị Minh	Vũ	1809	MK318DV01	0200	PT truyền thông Marketing XH	
261	22105429	Huỳnh Mỹ	Lâm	1797	MK308DV03	0100	QT truyền thông Mkt. tích hợp	
262	22104873	Nguyễn Khả	Uyên	1809	MK318DV01	0200	PT truyền thông Marketing XH	
263	22105079	Nguyễn Ngọc Phương	Trúc	1809	MK318DV01	0200	PT truyền thông Marketing XH	
264	22104819	Ngô Châu Khải	Ngân	1797	MK308DV03	0100	QT truyền thông Mkt. tích hợp	
265	22113818	Mai Thị Tuyết	Nhi	1240	MK307DE01	0400	Product management	
266	22114626	Huỳnh Thu	Tuyền	1809	MK318DV01	0200	PT truyền thông Marketing XH	
267	22114832	Nguyễn Thị Huế	Huy	1809	MK318DV01	0200	PT truyền thông Marketing XH	
268	22114581	Nguyễn Anh	Uyên	1878	PE114DV01	0400	Kickboxing	
269	22115065	Huỳnh Huỳnh Khánh	Nhi	1797	MK308DV03	0100	QT truyền thông Mkt. tích hợp	
270	22116613	Vũ Triệu	Dũng	1875	PE114DV01	0100	Kickboxing	
271	22116749	Mai Ngọc Thiên	Kỳ	1809	MK318DV01	0200	PT truyền thông Marketing XH	
272	22116761	Vũ Bùi Quốc	Khoa	1879	PE119DV01	0100	Muay	
273	22117602	Huỳnh Hồng	Nghĩa	1809	MK318DV01	0200	PT truyền thông Marketing XH	
274	22117534	Lê Châu	Phát	1809	MK318DV01	0200	PT truyền thông Marketing XH	

STT	MSSV	Họ lót	Tên	Số hiệu lớp	Mã học phần	Lớp	Tên học phần	Ghi chú
275	22117301	Nguyễn Thị Bảo	Vy	1878	PE114DV01	0400	Kickboxing	
276	22117463	Trần Thị Thanh	Thảo	1872	PE110DV01	0200	Taekwondo	
277	22117472	Phạm Duy	Thanh	1809	MK318DV01	0200	PT truyền thông Marketing XH	
278	22122932	Trần Ngọc Trúc	Nghi	1797	MK308DV03	0100	QT truyền thông Mkt. tích hợp	
279	22200288	Lê Trần Anh	Thư	1240	MK307DE01	0400	Product management	
280	22203160	Trần Ngọc Mỹ	Hân	1797	MK308DV03	0100	QT truyền thông Mkt. tích hợp	
281	22206532	Trần Thị Như	Ngọc	1240	MK307DE01	0400	Product management	
282	22206418	Nguyễn Minh	Khang	1240	MK307DE01	0400	Product management	
283	22206418	Nguyễn Thành	Khang	1251	MK316DE01	0200	Pricing Strategy	
284	22206742	Châu Minh	Thịnh	1240	MK307DE01	0400	Product management	
285	22206766	Vũ Quỳnh	Mai	1240	MK307DE01	0400	Product management	
286	22206232	Phạm Công	Thành	1240	MK307DE01	0400	Product management	
287	22206004	Trần Phúc	Khang	1240	MK307DE01	0400	Product management	
288	22206004	Trần Văn	Khang	1251	MK316DE01	0200	Pricing Strategy	
289	22206037	Nguyễn Phạm Uyên	Nhi	1240	MK307DE01	0400	Product management	
290	22205477	Nguyễn Mi Na	Thi	1511	DC143DV01	0500	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
291	22205623	A Mi Na	Binrojak	1240	MK307DE01	0400	Product management	
292	22204842	Huỳnh Gia	Huy	1240	MK307DE01	0400	Product management	
293	22300007	Hoàng Thành	Nhu	1725	LE103DV01	0400	Giới & Phát triển tại Việt Nam	
294	22207406	Vũ Nguyễn Cát	Lượng	1251	MK316DE01	0200	Pricing Strategy	
295	22207436	Nguyễn Châu Huyền	Hường	1275	MK409DE01	0100	Mobile Marketing	
296	22000061	Đình Minh	Đức	1130	EM315DE01	0100	M.I.C.E Management	
297	2198042	Trần Kiến	Toàn	1880	PE119DV01	0200	Muay	
298	2181091	Lê Thảo	Vy	1541	EM312DV02	0100	Quản lý đám đông trong sự kiện	
299	2190193	Lê Đa	Nguyên	1932	RM304DV01	0102	Kỹ thuật làm bánh	
300	22000713	Trương Bảo	Luân	1541	EM312DV02	0100	Quản lý đám đông trong sự kiện	
301	22001992	Thân Xuân	Duy	1932	RM304DV01	0102	Kỹ thuật làm bánh	
302	22002590	Ngô Gia	Huy	1878	PE114DV01	0400	Kickboxing	
303	22003960	Lê Phúc	Đạt	1932	RM304DV01	0102	Kỹ thuật làm bánh	
304	22011892	Đỗ Trâm	Thảo	1932	RM304DV01	0102	Kỹ thuật làm bánh	
305	22011112	Tô Huỳnh Thảo	Trúc	1932	RM304DV01	0102	Kỹ thuật làm bánh	
306	22011231	Lê Phạm Thùy	Tuấn	1932	RM304DV01	0102	Kỹ thuật làm bánh	
307	22104467	Huỳnh Huỳnh Tuyết	Ngọc	1886	PE124DV01	0200	Golf	
308	22203880	Nguyễn Bảo	Linh	1622	HAN102DV01	0200	Tiếng Hàn 2	
309	22119031	Nguyễn Thị Thiên	Thương	1932	RM304DV01	0102	Kỹ thuật làm bánh	
310	22206440	Nguyễn Văn Quốc	Duy	1622	HAN102DV01	0200	Tiếng Hàn 2	
311	22300049	Nguyễn Đức	Anh	1511	DC143DV01	0500	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
312	22003790	Ngô Công	Hải	2139	GLAW201DV01	0100	Luật lao động	
313	22008198	Nguyễn Đỗ Phương	Tín	2139	GLAW201DV01	0100	Luật lao động	
314	22006614	Phan Thị Quỳnh	Thi	2127	HRM305DV01	0100	Quản trị Thành tích	
315	22013364	Mai Hồng Minh	Đức	1861	PE107DV01	0300	Karatedo	
316	22014782	Nguyễn Như	Vy	1872	PE110DV01	0200	Taekwondo	
317	22014782	Nguyễn Như	Vy	2127	HRM305DV01	0100	Quản trị Thành tích	
318	22112612	Ngô Công	Đức	2127	HRM305DV01	0100	Quản trị Thành tích	
319	22109550	Nguyễn Ngọc Phương	Linh	2127	HRM305DV01	0100	Quản trị Thành tích	
320	22109687	Vũ Nhật Thảo	Linh	2139	GLAW201DV01	0100	Luật lao động	
321	22108232	Phạm Thảo	Phát	2127	HRM305DV01	0100	Quản trị Thành tích	
322	22104354	Huỳnh Ngọc Phương	Trần	1885	PE124DV01	0100	Golf	
323	22113610	Nguyễn Đoàn Xuân	Cương	2127	HRM305DV01	0100	Quản trị Thành tích	
324	22114112	Nguyễn Ngô Thanh	Anh	1872	PE110DV01	0200	Taekwondo	
325	22114524	Hồ Lê Như	Thông	2127	HRM305DV01	0100	Quản trị Thành tích	
326	22117632	Lương Đăng	Minh	2127	HRM305DV01	0100	Quản trị Thành tích	
327	22117642	Trần Hữu	Khôi	2127	HRM305DV01	0100	Quản trị Thành tích	
328	22117649	Phạm Thu	Hoàng	2127	HRM305DV01	0100	Quản trị Thành tích	
329	22140078	Nguyễn Đỗ Quỳnh	Trúc	2127	HRM305DV01	0100	Quản trị Thành tích	
330	22140033	Lương Trần Thu	Giao	2127	HRM305DV01	0100	Quản trị Thành tích	
331	22122576	Nguyễn Thùy	Hà	2127	HRM305DV01	0100	Quản trị Thành tích	

STT	MSSV	Họ lót	Tên	Số hiệu lớp	Mã học phần	Lớp	Tên học phần	Ghi chú
332	22122612	Trần Nữ Linh	Linh	2139	GLAW201DV01	0100	Luật lao động	
333	22204875	Đinh Lê Ngọc	Minh	2139	GLAW201DV01	0100	Luật lao động	
334	22205106	Trần Ngọc Trúc	Vy	1725	LE103DV01	0400	Giới & Phát triển tại Việt Nam	
335	22206889	Phạm Mai Kim	Việt	1511	DC143DV01	0500	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
336	22206895	Nguyễn Ngọc Khánh	An	1511	DC143DV01	0500	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
337	2181332	Vô Thị Hoàng	Trúc	1210	LG201DE01	0100	Warehouse and Inventory Manage	
338	2182105	Nguyễn Thị Hoàng	Phượng	1725	LE103DV01	0400	Giới & Phát triển tại Việt Nam	
339	2180627	Nguyễn Trinh Thùy	Tuấn	1210	LG201DE01	0100	Warehouse and Inventory Manage	
340	2183538	Nguyễn Bá	Nhi	1862	PE107DV01	0400	Karatedo	
341	22001185	Trần Hoàng Duy	Thịnh	1511	DC143DV01	0500	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
342	22001995	Tạ Thị Phương	Nhi	1725	LE103DV01	0400	Giới & Phát triển tại Việt Nam	
343	22001995	Tạ Thị Phương	Nhi	1869	PE109DV01	0700	Cầu lông	
344	22001902	Lâm Phạm Hồng	Kiệt	1725	LE103DV01	0400	Giới & Phát triển tại Việt Nam	
345	22102178	Đào Tấn	Trường	1852	PE104DV01	0200	Bóng đá	
346	22100653	Nguyễn Ngọc	Hà	1743	LG306DV01	0200	Giao nhận HH và khai báo HQ	
347	22100653	Nguyễn Ngọc	Hà	1744	LG306DV01	0201	Giao nhận HH và khai báo HQ	
348	22011847	Trần Minh	Tuấn	1725	LE103DV01	0400	Giới & Phát triển tại Việt Nam	
349	22010890	Võ Anh Tường	Ngân	1725	LE103DV01	0400	Giới & Phát triển tại Việt Nam	
350	22011197	Lư Tấn	Huy	1869	PE109DV01	0700	Cầu lông	
351	22106340	Phạm Thị Trà	Bảo	1725	LE103DV01	0400	Giới & Phát triển tại Việt Nam	
352	22106575	Đỗ Thảo Linh	Hậu	1725	LE103DV01	0400	Giới & Phát triển tại Việt Nam	
353	22109358	Lê Thùy	Tiên	1852	PE104DV01	0200	Bóng đá	
354	22108678	Nguyễn Thị Diễm	Kỳ	1511	DC143DV01	0500	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
355	22111828	Hoàng Phùng Đỗ	Khôi	1743	LG306DV01	0200	Giao nhận HH và khai báo HQ	
356	22111828	Hoàng Phùng Đỗ	Khôi	1744	LG306DV01	0201	Giao nhận HH và khai báo HQ	
357	22112729	Vũ Đỗ Thiên	Quyên	1743	LG306DV01	0200	Giao nhận HH và khai báo HQ	
358	22112729	Vũ Đỗ Thiên	Quyên	1744	LG306DV01	0201	Giao nhận HH và khai báo HQ	
359	22116079	Nguyễn Uyên	An	1743	LG306DV01	0200	Giao nhận HH và khai báo HQ	
360	22116079	Nguyễn Uyên	An	1744	LG306DV01	0201	Giao nhận HH và khai báo HQ	
361	22117995	Trương Thị Thanh	Trúc	1743	LG306DV01	0200	Giao nhận HH và khai báo HQ	
362	22117995	Trương Thị Thanh	Trúc	1744	LG306DV01	0201	Giao nhận HH và khai báo HQ	
363	22118020	Lưu Phương	Thư	1852	PE104DV01	0200	Bóng đá	
364	22117169	Lê Nguyễn Hoàng	Nga	1725	LE103DV01	0400	Giới & Phát triển tại Việt Nam	
365	22117216	Nguyễn Tấn	Hương	1878	PE114DV01	0400	Kickboxing	
366	22117244	Nguyễn	Đạt	1725	LE103DV01	0400	Giới & Phát triển tại Việt Nam	
367	22117255	Trần Đức	Châu	1743	LG306DV01	0200	Giao nhận HH và khai báo HQ	
368	22117255	Trần Đức	Châu	1744	LG306DV01	0201	Giao nhận HH và khai báo HQ	
369	22201863	Nguyễn Hoàng	Hung	1743	LG306DV01	0200	Giao nhận HH và khai báo HQ	
370	22201863	Nguyễn Hoàng	Hung	1744	LG306DV01	0201	Giao nhận HH và khai báo HQ	
371	22202296	Lê Hoàng Bảo	Phúc	1725	LE103DV01	0400	Giới & Phát triển tại Việt Nam	
372	22201329	Hà Thị Phương	Kiệt	1743	LG306DV01	0200	Giao nhận HH và khai báo HQ	
373	22201329	Hà Thị Phương	Kiệt	1744	LG306DV01	0201	Giao nhận HH và khai báo HQ	
374	22200467	Nguyễn Thị Phương	Khánh	1731	LE202DV01	0600	Tư duy Phản biện	
375	22200282	Lê Tâm	Mai	1725	LE103DV01	0400	Giới & Phát triển tại Việt Nam	
376	22123062	Nguyễn Minh	Nam	1886	PE124DV01	0200	Golf	
377	22122982	Vũ Anh	Bảo	1725	LE103DV01	0400	Giới & Phát triển tại Việt Nam	
378	22122879	Nguyễn Thị Kim	Thư	1743	LG306DV01	0200	Giao nhận HH và khai báo HQ	
379	22122879	Nguyễn Thị Kim	Thư	1744	LG306DV01	0201	Giao nhận HH và khai báo HQ	
380	22204807	Nguyễn Tú	Lan	1743	LG306DV01	0200	Giao nhận HH và khai báo HQ	
381	22204807	Nguyễn Tú	Lan	1744	LG306DV01	0201	Giao nhận HH và khai báo HQ	
382	22205893	Đinh Quốc Nam	Bích	1743	LG306DV01	0200	Giao nhận HH và khai báo HQ	
383	22205893	Đinh Quốc Nam	Bích	1744	LG306DV01	0201	Giao nhận HH và khai báo HQ	
384	22205527	Nguyễn Hoàng Minh	Hùng	1743	LG306DV01	0200	Giao nhận HH và khai báo HQ	
385	22205527	Nguyễn Hoàng Minh	Hùng	1744	LG306DV01	0201	Giao nhận HH và khai báo HQ	
386	22205561	Trương Dương Phước	Duy	1743	LG306DV01	0200	Giao nhận HH và khai báo HQ	
387	22205561	Trương Dương Phước	Duy	1744	LG306DV01	0201	Giao nhận HH và khai báo HQ	
388	22206408	Đặng Ngọc Phương	Hoàng	1743	LG306DV01	0200	Giao nhận HH và khai báo HQ	

STT	MSSV	Họ lót	Tên	Số hiệu lớp	Mã học phần	Lớp	Tên học phần	Ghi chú
389	22206408	Đặng Ngọc Phương	Hoàng	1744	LG306DV01	0201	Giao nhận HH và khai báo HQ	
390	22206945	Phạm Trần Bảo	Khôi	1743	LG306DV01	0200	Giao nhận HH và khai báo HQ	
391	22206945	Phạm Trần Bảo	Khôi	1744	LG306DV01	0201	Giao nhận HH và khai báo HQ	
392	22011760	Nhâm Chí	Quân	1725	LE103DV01	0400	Giới & Phát triển tại Việt Nam	
393	22206381	Nguyễn Đăng	Khang	1879	PE119DV01	0100	Muay	
394	22205110	Lê Huỳnh Anh	Thành	1880	PE119DV01	0200	Muay	
395	22102695	Nguyễn Thế Minh	Triệu	1912	PR305DV01	0100	Quan hệ công chúng quốc tế	
396	22103698	Nguyễn Thế Minh	Châu	1725	LE103DV01	0400	Giới & Phát triển tại Việt Nam	
397	22103834	Nguyễn Minh	Quyên	1912	PR305DV01	0100	Quan hệ công chúng quốc tế	
398	22103978	Nguyễn Trần Anh	Nhi	1910	PR302DV01	0100	Nghiên cứu trong QHCC	
399	22103986	Lê Thị Ngọc	Thư	1910	PR302DV01	0100	Nghiên cứu trong QHCC	
400	22111276	Phạm Bích	Ngân	1725	LE103DV01	0400	Giới & Phát triển tại Việt Nam	
401	22111276	Phạm Bích	Ngân	1875	PE114DV01	0100	Kickboxing	
402	22111276	Phạm Ngọc Anh	Ngân	1912	PR305DV01	0100	Quan hệ công chúng quốc tế	
403	22108886	Trần Hoàng Minh	Doanh	1912	PR305DV01	0100	Quan hệ công chúng quốc tế	
404	22106799	Nguyễn Trần Phương	Anh	1912	PR305DV01	0100	Quan hệ công chúng quốc tế	
405	22106684	Nguyễn Trần Phương	Nghi	1731	LE202DV01	0600	Tư duy Phản biện	
406	22104799	Vô Thanh	Uyên	1912	PR305DV01	0100	Quan hệ công chúng quốc tế	
407	22105094	Lai Phương	Thảo	1910	PR302DV01	0100	Nghiên cứu trong QHCC	
408	22104111	Đinh Ngọc	Quỳnh	1912	PR305DV01	0100	Quan hệ công chúng quốc tế	
409	22105585	Khổng Bảo	Uyên	1912	PR305DV01	0100	Quan hệ công chúng quốc tế	
410	22105588	Trần Bảo	Ngọc	1797	MK308DV03	0100	QT truyền thông Mkt. tích hợp	
411	22105588	Trần Lăng Tử	Ngọc	1912	PR305DV01	0100	Quan hệ công chúng quốc tế	
412	22113249	Đào Đình Yển	Ánh	1912	PR305DV01	0100	Quan hệ công chúng quốc tế	
413	22115069	Huỳnh Như Anh	Ngân	1878	PE114DV01	0400	Kickboxing	
414	22115256	Lưu Ngọc	Như	1910	PR302DV01	0100	Nghiên cứu trong QHCC	
415	22115256	Lưu Diễm	Như	1912	PR305DV01	0100	Quan hệ công chúng quốc tế	
416	22115744	Ngô Phạm An	An	1912	PR305DV01	0100	Quan hệ công chúng quốc tế	
417	22203190	Nguyễn Lê Phương	Anh	1880	PE119DV01	0200	Muay	
418	22202440	Phạm Hoàng Mai	Thảo	1910	PR302DV01	0100	Nghiên cứu trong QHCC	
419	22200573	Ôn Hải	Linh	1910	PR302DV01	0100	Nghiên cứu trong QHCC	
420	22200391	Võ Ngọc Anh	Quỳnh	1910	PR302DV01	0100	Nghiên cứu trong QHCC	
421	22122854	Nguyễn Thu	Vy	1912	PR305DV01	0100	Quan hệ công chúng quốc tế	
422	22122585	Phạm Gia	An	1912	PR305DV01	0100	Quan hệ công chúng quốc tế	
423	22122487	Trần Nguyễn Ngọc	Vương	1912	PR305DV01	0100	Quan hệ công chúng quốc tế	
424	22123011	Vũ Ngọc	Kim	1910	PR302DV01	0100	Nghiên cứu trong QHCC	
425	22205184	Phan Thị Diễm	My	1880	PE119DV01	0200	Muay	
426	22205859	Phạm Thị Ngọc	Bảo	1910	PR302DV01	0100	Nghiên cứu trong QHCC	
427	22206153	Danh Gia Bảo	Anh	1910	PR302DV01	0100	Nghiên cứu trong QHCC	
428	22206151	Lê Gia Bảo	Uyên	1880	PE119DV01	0200	Muay	
429	22206097	Quách Hoa	Vinh	1725	LE103DV01	0400	Giới & Phát triển tại Việt Nam	
430	22207168	Huỳnh Huỳnh Thảo	Thư	1910	PR302DV01	0100	Nghiên cứu trong QHCC	
431	2180760	Trịnh Khánh	Bình	1869	PE109DV01	0700	Câu lông	
432	22001141	Tổng Nhật	Ấn	1731	LE202DV01	0600	Tư duy Phản biện	
433	22102542	Nguyễn Huy	Long	1970	SW401DV01	0100	Quản lý Chất lượng Phần mềm	
434	22101504	Nguyễn Hưng	Toàn	1970	SW401DV01	0100	Quản lý Chất lượng Phần mềm	
435	22101102	Phan Hồng	Thành	1970	SW401DV01	0100	Quản lý Chất lượng Phần mềm	
436	22100118	Bùi Trung	Trường	1970	SW401DV01	0100	Quản lý Chất lượng Phần mềm	
437	22100214	Huỳnh Khả	Hân	1511	DC143DV01	0500	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
438	22012405	Vương Gia	Dân	1970	SW401DV01	0100	Quản lý Chất lượng Phần mềm	
439	22012296	Nguyễn Trung	Hiếu	1731	LE202DV01	0600	Tư duy Phản biện	
440	22012065	Phạm Tuấn	Thiện	1970	SW401DV01	0100	Quản lý Chất lượng Phần mềm	
441	22011127	Nguyễn Phan	Duy	1970	SW401DV01	0100	Quản lý Chất lượng Phần mềm	
442	22106132	Cao Văn	Bình	1511	DC143DV01	0500	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
443	22108154	Huỳnh Minh	Quang	1731	LE202DV01	0600	Tư duy Phản biện	
444	22108483	Đinh Chu Minh	Huy	1970	SW401DV01	0100	Quản lý Chất lượng Phần mềm	
445	22111512	Lê Đăng	Vũ	1970	SW401DV01	0100	Quản lý Chất lượng Phần mềm	

STT	MSSV	Họ lót	Tên	Số hiệu lớp	Mã học phần	Lớp	Tên học phần	Ghi chú
446	22115249	Đỗ Hữu Minh	Hào	1970	SW401DV01	0100	Quản lý Chất lượng Phần mềm	
447	22115267	Nguyễn Đăng Quang	Quân	1970	SW401DV01	0100	Quản lý Chất lượng Phần mềm	
448	22115160	Nguyễn Chí	Huy	1970	SW401DV01	0100	Quản lý Chất lượng Phần mềm	
449	22114550	Đinh Ngọc	Vinh	1970	SW401DV01	0100	Quản lý Chất lượng Phần mềm	
450	22122966	Trương Gia	Khoa	1970	SW401DV01	0100	Quản lý Chất lượng Phần mềm	
451	22123044	Đỗ Trung	Thân	1970	SW401DV01	0100	Quản lý Chất lượng Phần mềm	
452	22123164	Phạm Nguyễn Minh	Trúc	1970	SW401DV01	0100	Quản lý Chất lượng Phần mềm	
453	22123120	Lâm Cẩm	Thắng	1970	SW401DV01	0100	Quản lý Chất lượng Phần mềm	
454	22122511	Đặng Hoàng	Thịnh	1970	SW401DV01	0100	Quản lý Chất lượng Phần mềm	
455	22122752	Trương Thanh	Anh	1970	SW401DV01	0100	Quản lý Chất lượng Phần mềm	
456	22206856	Lê Thái Bảo	Đức	1511	DC143DV01	0500	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
457	22206315	Vũ Gia	Bảo	1514	DC143DV01	0800	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
458	22207467	Trần Quang	Đạt	1852	PE104DV01	0200	Bóng đá	
459	22207278	Đinh Minh	Dinh	1514	DC143DV01	0800	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
460	22401425	MURARD	Margaux	1130	EM315DE01	0100	M.I.C.E Management	
461	22005618	Nguyễn Nguyễn Cẩm	Tiên	1847	NHAT103DV03	0100	Tiếng Nhật 3	
462	2192890	Bùi Tấn	Nghi	1862	PE107DV01	0400	Karatedo	
463	2191583	Nguyễn Hà Yến	Thư	1847	NHAT103DV03	0100	Tiếng Nhật 3	
464	2191060	Nguyễn Văn	Mỹ	1622	HAN102DV01	0200	Tiếng Hàn 2	
465	2190356	Phạm Công	Nghĩa	2153	TQ103DV03	0200	Tiếng Trung 3	
466	2185755	Phạm Quới	Duy	1847	NHAT103DV03	0100	Tiếng Nhật 3	
467	2196469	Đinh Anh Thành	Huy	1731	LE202DV01	0600	Tư duy Phản biện	
468	2195700	Lê Nguyễn Bảo	Bảo	1880	PE119DV01	0200	Muay	
469	2195505	Lê Trường	Dùng	1875	PE114DV01	0100	Kickboxing	
470	2198968	Nguyễn Thị Kim	Long	1861	PE107DV01	0300	Karatedo	
471	22000101	Đặng Đỗ Đức	Nhi	1622	HAN102DV01	0200	Tiếng Hàn 2	
472	22011531	Phạm Trần Thảo	Ngân	1885	PE124DV01	0100	Golf	
473	22011021	Nguyễn Maria	Thái	1725	LE103DV01	0400	Giới & Phát triển tại Việt Nam	
474	22011550	Trà Hoàng	Khoa	1869	PE109DV01	0700	Cầu lông	
475	22011550	Trà Hoàng	Khoa	2153	TQ103DV03	0200	Tiếng Trung 3	
476	22014159	Trần Quốc	Mạnh	1847	NHAT103DV03	0100	Tiếng Nhật 3	
477	22014577	Bùi Trung	Lộc	1847	NHAT103DV03	0100	Tiếng Nhật 3	
478	22014697	Ngô Phương	Hiếu	1731	LE202DV01	0600	Tư duy Phản biện	
479	22012076	Trần Xuân	Cẩm	1725	LE103DV01	0400	Giới & Phát triển tại Việt Nam	
480	22012218	Trần Bá Thành	Trình	1847	NHAT103DV03	0100	Tiếng Nhật 3	
481	22100218	Nguyễn Thùy	Linh	1847	NHAT103DV03	0100	Tiếng Nhật 3	
482	22103017	Nguyễn Nhật	Son	1872	PE110DV01	0200	Taekwondo	
483	22108674	Vũ Thanh	Nhi	1622	HAN102DV01	0200	Tiếng Hàn 2	
484	22109596	Nguyễn Nguyễn Yến	Niên	1862	PE107DV01	0400	Karatedo	
485	22107631	Nguyễn Trần Thảo	Hung	1511	DC143DV01	0500	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
486	22106070	Trần Thị Thùy	Nhi	1847	NHAT103DV03	0100	Tiếng Nhật 3	
487	22114206	Nguyễn Như	Hương	1852	PE104DV01	0200	Bóng đá	
488	22113164	Đỗ Đức	Giao	1847	NHAT103DV03	0100	Tiếng Nhật 3	
489	22114546	Lê Vũ Anh	Khang	1852	PE104DV01	0200	Bóng đá	
490	22116064	Quách Thị Hoài	Anh	1852	PE104DV01	0200	Bóng đá	
491	22115901	Lê Hà	Thảo	2155	PHAP201DV02	0200	Tiếng Pháp 4	
492	22204737	Nguyễn Ngọc Nam	Bích	1847	NHAT103DV03	0100	Tiếng Nhật 3	
493	22122646	Đoàn Trần Lan	Chi	1847	NHAT103DV03	0100	Tiếng Nhật 3	
494	22140252	Nguyễn Hiền	Kiệt	1862	PE107DV01	0400	Karatedo	
495	22205415	Lê Thị Tuyết	Giang	1725	LE103DV01	0400	Giới & Phát triển tại Việt Nam	
496	22204824	Nguyễn Duy	Nhi	1847	NHAT103DV03	0100	Tiếng Nhật 3	
497	22206194	Nguyễn Nguyễn Thanh	Chinh	1852	PE104DV01	0200	Bóng đá	
498	22300103	Lê Hùng	Loan	1622	HAN102DV01	0200	Tiếng Hàn 2	
499	22300499	Nguyễn Ngọc	Ngân	1511	DC143DV01	0500	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
500	22014987	Nguyễn Diệu	Bảo	1847	NHAT103DV03	0100	Tiếng Nhật 3	
501	22005124	Trần Tố Anh	Nhã	1847	NHAT103DV03	0100	Tiếng Nhật 3	
502	22109675	Phan Khánh	Thư	1923	PSY307DV02	0100	Tâm lý sinh học & TK học về HV	

STT	MSSV	Họ lót	Tên	Số hiệu lớp	Mã học phần	Lớp	Tên học phần	Ghi chú
503	22106453	Nguyễn Quốc	Duyên	1923	PSY307DV02	0100	Tâm lý sinh học & TK học về HV	
504	22114162	Đàm Hà Minh	Dung	1923	PSY307DV02	0100	Tâm lý sinh học & TK học về HV	
505	2192322	Trần Phan Ngọc	Quân	2155	PHAP201DV02	0200	Tiếng Pháp 4	
506	2180606	Nguyễn Thị Thùy	Nam	1991	TC403DV01	0100	T/Chính Doanh nghiệp nâng cao	
507	2182324	Đỗ Hoàng	Dương	1983	TC306DV02	0100	Quản trị rủi ro	
508	2192742	Đỗ Trần Diệu	Như	1983	TC306DV02	0100	Quản trị rủi ro	
509	2191558	Trần Ngọc Bảo	Long	1338	TC304DE02	0200	Financial Management	
510	22001022	Nguyễn Trọng	Tín	1861	PE107DV01	0300	Karatedo	
511	22001022	Nguyễn Khánh	Tín	1991	TC403DV01	0100	T/Chính Doanh nghiệp nâng cao	
512	22001022	Nguyễn Khánh	Tín	1994	TC419DV01	0100	Tài chính Tập đoàn Đa Quốc gia	
513	22008110	Lê	Phát	1338	TC304DE02	0200	Financial Management	
514	22009883	Phan Mai Mỹ	Lộc	1511	DC143DV01	0500	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
515	22009883	Phan Mai Mỹ	Lộc	1991	TC403DV01	0100	T/Chính Doanh nghiệp nâng cao	
516	22014723	Trần Khải	Trần	1994	TC419DV01	0100	Tài chính Tập đoàn Đa Quốc gia	
517	22100206	Lâm Tuấn	Thịnh	1991	TC403DV01	0100	T/Chính Doanh nghiệp nâng cao	
518	22100206	Lâm Tuấn	Thịnh	1994	TC419DV01	0100	Tài chính Tập đoàn Đa Quốc gia	
519	22101298	Quách Chí	Kiệt	1992	TC406DV01	0100	Tín dụng Ngân hàng	
520	22101018	Nguyễn Kiều	Thành	1991	TC403DV01	0100	T/Chính Doanh nghiệp nâng cao	
521	22101018	Nguyễn Kiều	Thành	1994	TC419DV01	0100	Tài chính Tập đoàn Đa Quốc gia	
522	22014529	Trương Phan Yến	Vy	1991	TC403DV01	0100	T/Chính Doanh nghiệp nâng cao	
523	22013416	Trần Thanh	Vỹ	1991	TC403DV01	0100	T/Chính Doanh nghiệp nâng cao	
524	22013416	Trần Thanh	Vỹ	1994	TC419DV01	0100	Tài chính Tập đoàn Đa Quốc gia	
525	22011313	Nguyễn Kim	Như	1994	TC419DV01	0100	Tài chính Tập đoàn Đa Quốc gia	
526	22010730	Nguyễn Thị Lan	Tân	1983	TC306DV02	0100	Quản trị rủi ro	
527	22011058	Võ Khải	Anh	1991	TC403DV01	0100	T/Chính Doanh nghiệp nâng cao	
528	22011749	Dương Ái	Phú	1511	DC143DV01	0500	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
529	22011749	Dương Ái	Phú	1991	TC403DV01	0100	T/Chính Doanh nghiệp nâng cao	
530	22011769	Trần Thị Khánh	Ngân	1511	DC143DV01	0500	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
531	22011910	Nguyễn Thị Khánh	Kha	1983	TC306DV02	0100	Quản trị rủi ro	
532	22111506	Nguyễn Thị Thu	Thùy	1886	PE124DV01	0200	Golf	
533	22111506	Nguyễn Thị Thu	Thùy	1983	TC306DV02	0100	Quản trị rủi ro	
534	22109481	Cái Nguyễn Mỹ	Sang	1983	TC306DV02	0100	Quản trị rủi ro	
535	22108640	Trần Hồ Phương	Đức	1983	TC306DV02	0100	Quản trị rủi ro	
536	22104232	Hồ Võ Ngọc Phương	Hằng	1992	TC406DV01	0100	Tín dụng Ngân hàng	
537	22117821	Phan Tấn	Quý	1991	TC403DV01	0100	T/Chính Doanh nghiệp nâng cao	
538	22117829	Nguyễn Thị Ngọc	Phát	1992	TC406DV01	0100	Tín dụng Ngân hàng	
539	22117836	Nguyễn Thảo	Như	1994	TC419DV01	0100	Tài chính Tập đoàn Đa Quốc gia	
540	22117847	Kheo Thảo	Nguyên	1338	TC304DE02	0200	Financial Management	
541	22117864	Phạm Đặng Thùy	Linh	1983	TC306DV02	0100	Quản trị rủi ro	
542	22117868	Nguyễn Tuấn	Kiệt	1992	TC406DV01	0100	Tín dụng Ngân hàng	
543	22117872	Nguyễn Gia	Khanh	1992	TC406DV01	0100	Tín dụng Ngân hàng	
544	22117874	Đoàn Ngọc Thúy	Khang	1983	TC306DV02	0100	Quản trị rủi ro	
545	22117884	La Hoàng Phương	Huy	1992	TC406DV01	0100	Tín dụng Ngân hàng	
546	22117760	Trần Ngọc Thúy	Vy	1983	TC306DV02	0100	Quản trị rủi ro	
547	22117790	Phạm Hoàng Thái	Tiên	1983	TC306DV02	0100	Quản trị rủi ro	
548	22117801	Nguyễn Hoàng Thái	Thông	1991	TC403DV01	0100	T/Chính Doanh nghiệp nâng cao	
549	22117801	Nguyễn Lê Minh	Thông	1994	TC419DV01	0100	Tài chính Tập đoàn Đa Quốc gia	
550	22114239	Huỳnh Ngọc	Dương	1992	TC406DV01	0100	Tín dụng Ngân hàng	
551	22113888	Cao Ngọc	Hân	1338	TC304DE02	0200	Financial Management	
552	22113888	Cao Diệp Phương	Hân	1994	TC419DV01	0100	Tài chính Tập đoàn Đa Quốc gia	
553	22113047	Nguyễn Hồng	Phương	1992	TC406DV01	0100	Tín dụng Ngân hàng	
554	22114428	Trần Thị Phúc	Hoàng	1994	TC419DV01	0100	Tài chính Tập đoàn Đa Quốc gia	
555	22114578	Hồ Yến	Nhi	1983	TC306DV02	0100	Quản trị rủi ro	
556	22114580	Nguyễn Hoàng Yến	Như	1983	TC306DV02	0100	Quản trị rủi ro	
557	22122631	Nguyễn Thị Ái	Trang	1991	TC403DV01	0100	T/Chính Doanh nghiệp nâng cao	
558	22122631	Nguyễn Thị Ái	Trang	1994	TC419DV01	0100	Tài chính Tập đoàn Đa Quốc gia	
559	22122563	Ngũ Bích	Quân	1991	TC403DV01	0100	T/Chính Doanh nghiệp nâng cao	

STT	MSSV	Họ lót	Tên	Số hiệu lớp	Mã học phần	Lớp	Tên học phần	Ghi chú
560	22122563	Ngũ Khải	Quân	1994	TC419DV01	0100	Tài chính Tập đoàn Đa Quốc gia	
561	22122951	Nguyễn Thanh	Quân	1991	TC403DV01	0100	T/Chính Doanh nghiệp nâng cao	
562	22122951	Nguyễn Thanh	Quân	1994	TC419DV01	0100	Tài chính Tập đoàn Đa Quốc gia	
563	22123072	Hồ Thanh	Trình	1991	TC403DV01	0100	T/Chính Doanh nghiệp nâng cao	
564	22140117	Cao Võ Doãn	Vy	1983	TC306DV02	0100	Quản trị rủi ro	
565	22140169	Phan Võ Doãn	Long	1983	TC306DV02	0100	Quản trị rủi ro	
566	22140169	Phan Ngọc Thanh	Long	1992	TC406DV01	0100	Tín dụng Ngân hàng	
567	22140127	Nguyễn Ngọc Khánh	Trúc	1983	TC306DV02	0100	Quản trị rủi ro	
568	22200477	Huỳnh Ngọc Thảo	Linh	1338	TC304DE02	0200	Financial Management	
569	22201384	Nguyễn Khiết	Tâm	1338	TC304DE02	0200	Financial Management	
570	22203605	Vũ Ngọc Yến	Hiệp	1994	TC419DV01	0100	Tài chính Tập đoàn Đa Quốc gia	
571	22204615	Cung Thị Anh	Ân	1994	TC419DV01	0100	Tài chính Tập đoàn Đa Quốc gia	
572	22206444	Nguyễn Thành	Uyên	1992	TC406DV01	0100	Tín dụng Ngân hàng	
573	22205954	Lê Vương Mỹ	Quý	1992	TC406DV01	0100	Tín dụng Ngân hàng	
574	22206193	Đỗ Anh	Ngân	1994	TC419DV01	0100	Tài chính Tập đoàn Đa Quốc gia	
575	22206289	Trần Dũ	Đào	1994	TC419DV01	0100	Tài chính Tập đoàn Đa Quốc gia	
576	22205469	Võ Thiên	Kiệt	1994	TC419DV01	0100	Tài chính Tập đoàn Đa Quốc gia	
577	22204908	Huỳnh Kim	Phước	1994	TC419DV01	0100	Tài chính Tập đoàn Đa Quốc gia	
578	22205333	Trần Thành	Thanh	1994	TC419DV01	0100	Tài chính Tập đoàn Đa Quốc gia	
579	22205427	Nguyễn Ngọc Phương	Đạt	1994	TC419DV01	0100	Tài chính Tập đoàn Đa Quốc gia	
580	22300006	Lưu Thế	Đăng	1885	PE124DV01	0100	Golf	
581	22207378	Trần Minh Bảo	Huy	1992	TC406DV01	0100	Tín dụng Ngân hàng	
582	22207159	Mai Tuấn	Hùng	1725	LE103DV01	0400	Giới & Phát triển tại Việt Nam	
583	22207159	Mai Tuấn	Hùng	1852	PE104DV01	0200	Bóng đá	
584	22207161	Lê Thanh	Thảo	1994	TC419DV01	0100	Tài chính Tập đoàn Đa Quốc gia	
585	22009833	Trương Ngọc	Nhi	1725	LE103DV01	0400	Giới & Phát triển tại Việt Nam	
586	22009737	Nguyễn	Tài	1725	LE103DV01	0400	Giới & Phát triển tại Việt Nam	
587	2184367	Lâm Ái	Cường	1852	PE104DV01	0200	Bóng đá	
588	2191136	Ngô Anh	Như	1923	PSY307DV02	0100	Tâm lý sinh học & TK học về HV	
589	22100049	Phạm Thị Hà	Quang	1923	PSY307DV02	0100	Tâm lý sinh học & TK học về HV	
590	22108788	Vũ Hồng Bảo	Nhi	1923	PSY307DV02	0100	Tâm lý sinh học & TK học về HV	
591	22107698	Trần Thành	Linh	1886	PE124DV01	0200	Golf	
592	22107701	Văn Tường Vân	Vinh	1923	PSY307DV02	0100	Tâm lý sinh học & TK học về HV	
593	22107467	Lê Thùy	Trân	1923	PSY307DV02	0100	Tâm lý sinh học & TK học về HV	
594	22115812	Nguyễn Phương	Hùng	1923	PSY307DV02	0100	Tâm lý sinh học & TK học về HV	
595	22204637	Phạm Lợi Tường	Chi	1923	PSY307DV02	0100	Tâm lý sinh học & TK học về HV	
596	22205659	Lê Thanh	Nhi	1923	PSY307DV02	0100	Tâm lý sinh học & TK học về HV	
597	22204855	Trần Nhật	Long	1923	PSY307DV02	0100	Tâm lý sinh học & TK học về HV	
598	22205205	Lê Huỳnh Yến	Nhi	1725	LE103DV01	0400	Giới & Phát triển tại Việt Nam	
599	22301898	Phan Quốc	Phương	1923	PSY307DV02	0100	Tâm lý sinh học & TK học về HV	
600	22105856	Nguyễn Khải	Nhân	1923	PSY307DV02	0100	Tâm lý sinh học & TK học về HV	
601	22112411	Nguyễn Hoài	Hương	1923	PSY307DV02	0100	Tâm lý sinh học & TK học về HV	
602	2170264	Ngô Nhật Doan	Vi	1875	PE114DV01	0100	Kickboxing	
603	22001954	Diệp Thành	Nhân	1511	DC143DV01	0500	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
604	22100622	Đỗ Quốc	Thi	1875	PE114DV01	0100	Kickboxing	
605	22200353	Phạm	Huyền	1879	PE119DV01	0100	Muay	
606	22207272	Võ Ngọc	Quyền	1725	LE103DV01	0400	Giới & Phát triển tại Việt Nam	
607	22400020	Hoàng Phú	An	1869	PE109DV01	0700	Cầu lông	
608	22007962	Nguyễn Yến	Nhi	1797	MK308DV03	0100	QT truyền thông Mkt. tích hợp	
609	22008246	Hà Sơn	Lâm	1725	LE103DV01	0400	Giới & Phát triển tại Việt Nam	
610	22000682	Võ Thái Phương	Ngọc	1809	MK318DV01	0200	PT truyền thông Marketing XH	
611	2181027	Cao Minh	Thư	1809	MK318DV01	0200	PT truyền thông Marketing XH	
612	2190321	Huỳnh Nguyễn Thùy	Phúc	1875	PE114DV01	0100	Kickboxing	
613	2191196	Hứa Thế	Lan	1809	MK318DV01	0200	PT truyền thông Marketing XH	
614	2199277	Phạm Hải Vân	Hải	1862	PE107DV01	0400	Karatedo	
615	22000303	Trần Tấn	Hiếu	1797	MK308DV03	0100	QT truyền thông Mkt. tích hợp	
616	22011268	Nguyễn Kim	Hậu	1514	DC143DV01	0800	Tư tưởng Hồ Chí Minh	

STT	MSSV	Họ lót	Tên	Số hiệu lớp	Mã học phần	Lớp	Tên học phần	Ghi chú
617	22011347	Hoàng Văn	Anh	1809	MK318DV01	0200	PT truyền thông Marketing XH	
618	22012359	Trần Phương Thanh	Nguyên	1725	LE103DV01	0400	Giới & Phát triển tại Việt Nam	
619	22012064	Lê Thịnh	Minh	1511	DC143DV01	0500	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
620	22100042	Vũ Tố	Đức	1797	MK308DV03	0100	QT truyền thông Mkt. tích hợp	
621	22103380	Nguyễn Ngọc Xuân	Như	1797	MK308DV03	0100	QT truyền thông Mkt. tích hợp	
622	22112695	Ngô Trung	Hải	1725	LE103DV01	0400	Giới & Phát triển tại Việt Nam	
623	22113496	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	1725	LE103DV01	0400	Giới & Phát triển tại Việt Nam	
624	22114930	Trần	Linh	1809	MK318DV01	0200	PT truyền thông Marketing XH	
625	22115207	Hoàng Ngọc Phượng	Vi	1725	LE103DV01	0400	Giới & Phát triển tại Việt Nam	
626	22200401	Nguyễn Ngọc Minh	Quang	1879	PE119DV01	0100	Muay	
627	22200135	Trần Quốc	Linh	1797	MK308DV03	0100	QT truyền thông Mkt. tích hợp	
628	22200489	Nguyễn Thiện	Thư	1878	PE114DV01	0400	Kickboxing	
629	22200435	Nguyễn Kim Tường	Anh	1872	PE110DV01	0200	Taekwondo	
630	22206498	Nguyễn Nguyễn Bảo	Hợp	1879	PE119DV01	0100	Muay	
631	22300139	Lâm Thanh	Bừu	1514	DC143DV01	0800	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
632	22300139	Lâm Thanh	Bừu	1869	PE109DV01	0700	Cầu lông	
633	22000399	Quách Vương Như	Vy	1448	BA304DV01	0100	Quản trị vận hành doanh nghiệp	
634	22000040	Nguyễn Thái Gia	Thành	1448	BA304DV01	0100	Quản trị vận hành doanh nghiệp	
635	2192252	Lê Đỗ Trường	Thuận	1448	BA304DV01	0100	Quản trị vận hành doanh nghiệp	
636	2192286	Lê Hữu	Nhạc	1448	BA304DV01	0100	Quản trị vận hành doanh nghiệp	
637	2192286	Lê Hà Phương	Nhạc	1880	PE119DV01	0200	Muay	
638	2191461	Lương Gia	Thiên	1448	BA304DV01	0100	Quản trị vận hành doanh nghiệp	
639	2182718	Lê Trung	Quân	1338	TC304DE02	0200	Financial Management	
640	22001144	Dương Ngọc Yến	Nghi	1725	LE103DV01	0400	Giới & Phát triển tại Việt Nam	
641	22004078	Dương Nhật	Trung	1448	BA304DV01	0100	Quản trị vận hành doanh nghiệp	
642	22009934	Nguyễn Nguyễn Gia	Mai	1852	PE104DV01	0200	Bóng đá	
643	22101125	Phan Ngọc	Tỷ	1886	PE124DV01	0200	Golf	
644	22100719	Phan Nguyễn Thanh	Hương	1448	BA304DV01	0100	Quản trị vận hành doanh nghiệp	
645	22012473	Trần Gia	Khoa	1862	PE107DV01	0400	Karatedo	
646	22012066	Hồ Văn	Huy	1725	LE103DV01	0400	Giới & Phát triển tại Việt Nam	
647	22012297	Hồ Nữ Quỳnh	Long	1872	PE110DV01	0200	Taekwondo	
648	22011243	Tổng Xuân	Hào	1725	LE103DV01	0400	Giới & Phát triển tại Việt Nam	
649	22011741	Cao Lê Phương	Thủy	1511	DC143DV01	0500	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
650	22011687	Nguyễn Văn	Hung	1448	BA304DV01	0100	Quản trị vận hành doanh nghiệp	
651	22112755	Nguyễn Chí	Anh	1869	PE109DV01	0700	Cầu lông	
652	22110996	Lê Hồ Gia	Bảo	1448	BA304DV01	0100	Quản trị vận hành doanh nghiệp	
653	22110273	Bùi Kim	Ngọc	1448	BA304DV01	0100	Quản trị vận hành doanh nghiệp	
654	22110422	Bùi Hồng	Lan	1880	PE119DV01	0200	Muay	
655	22110322	Vô Hồng	Việt	1448	BA304DV01	0100	Quản trị vận hành doanh nghiệp	
656	22108349	Ninh Tường Lâm	Hung	1448	BA304DV01	0100	Quản trị vận hành doanh nghiệp	
657	22115119	Nguyễn Minh	Khang	1448	BA304DV01	0100	Quản trị vận hành doanh nghiệp	
658	22116634	Phan Đình	Chánh	1448	BA304DV01	0100	Quản trị vận hành doanh nghiệp	
659	22116458	Nguyễn Thành	Luân	1448	BA304DV01	0100	Quản trị vận hành doanh nghiệp	
660	22114828	Lưu Trần Thục	Thành	1731	LE202DV01	0600	Tư duy Phản biện	
661	22113856	Hồ Văn Quang	Khải	1448	BA304DV01	0100	Quản trị vận hành doanh nghiệp	
662	22114203	Lê Triệu	Huy	1731	LE202DV01	0600	Tư duy Phản biện	
663	22140256	Triệu Anh	Thư	1448	BA304DV01	0100	Quản trị vận hành doanh nghiệp	
664	22140261	Trần Minh	Dương	1448	BA304DV01	0100	Quản trị vận hành doanh nghiệp	
665	22140248	Vũ Minh	Quang	1448	BA304DV01	0100	Quản trị vận hành doanh nghiệp	
666	22200003	Vô Thành	Danh	1880	PE119DV01	0200	Muay	
667	22200054	Lê Thị Tiến	Thủy	1338	TC304DE02	0200	Financial Management	
668	22122730	Trương Thị Hiếu	Mẫn	1880	PE119DV01	0200	Muay	
669	22200937	Nguyễn Khôi	Nguyên	1338	TC304DE02	0200	Financial Management	
670	22201420	Lê Bảo Minh	Lâm	1731	LE202DV01	0600	Tư duy Phản biện	
671	22205054	Hồ Diệp Minh	Thị	1338	TC304DE02	0200	Financial Management	
672	22205928	Nguyễn Thị Thanh	Tuấn	1514	DC143DV01	0800	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
673	22205953	Thái Thị Minh	Tuấn	1731	LE202DV01	0600	Tư duy Phản biện	

STT	MSSV	Họ lót	Tên	Số hiệu lớp	Mã học phần	Lớp	Tên học phần	Ghi chú
674	22205771	Hoàng Hải	Lâm	1511	DC143DV01	0500	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
675	22205530	Phan Minh	Luân	1514	DC143DV01	0800	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
676	22206411	Bàng Minh	Vĩ	1514	DC143DV01	0800	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
677	22206707	Đỗ Trường	Nam	1511	DC143DV01	0500	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
678	22206739	Mạch Vĩ	Hào	1338	TC304DE02	0200	Financial Management	
679	22207252	Phan Thanh	Văn	1338	TC304DE02	0200	Financial Management	
680	22207255	Lê Trần Kim	Ngân	1338	TC304DE02	0200	Financial Management	
681	22207223	Đặng Quang	Khánh	1338	TC304DE02	0200	Financial Management	
682	22207647	Nguyễn Trung	Quốc	1448	BA304DV01	0100	Quản trị vận hành doanh nghiệp	
683	22207582	Nguyễn Xuân	Long	1725	LE103DV01	0400	Giới & Phát triển tại Việt Nam	
684	22207597	Huỳnh Kim	Nhi	1338	TC304DE02	0200	Financial Management	
685	22301382	Liêu Lê Trúc	Vy	1879	PE119DV01	0100	Muay	
686	22301977	Lê Lan	Vỹ	1880	PE119DV01	0200	Muay	
687	22006978	Nguyễn Hoàng Phương	Uyên	1511	DC143DV01	0500	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
688	22006978	Nguyễn Anh Cát	Uyên	1872	PE110DV01	0200	Taekwondo	

TP.Hồ Chí Minh, Ngày 10/09/2024

Trưởng Phòng

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Tiến Lập

DANH SÁCH LHP ĐƯỢC MỞ BỔ SUNG HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2023 (MÃ HK 2431)

SV Lưu ý:

Sinh viên cần hỗ trợ, có thắc mắc liên hệ email: dkmh@hoasen.edu.vn

Học kỳ	Số hiệu lớp	MSHP	Lớp	Tên học phần	Số lượng được đăng ký thêm	Thứ	Giờ bắt đầu	Giờ kết thúc	Tên Phòng học cơ sở	Họ lót của GV	Tên	Ghi chú
2431	1389	AI101DV01	0100	Cấu trúc rời rạc	23	T6	7:00:00	9:30:00	Phòng 031 - CS Thành Thái	Trang Hồng	Son	
2431	1390	AI203DV01	0100	Tối ưu hoá	22	T2	7:50:00	9:30:00	Phòng 218 - CS Quang Trung 2	Vũ Đình	Khôi	
2431	1391	AI203DV01	0101	Tối ưu hoá	22	T2	9:50:00	11:30:00	Phòng 202 - CS Quang Trung 2	Vũ Đình	Khôi	
2431	1013	AI204DE01	0100	Systems Analysis & Design	23	T7	7:50:00	9:30:00	Phòng 021 - CS Thành Thái	Trưởng Đơn	vị	
2431	1014	AI204DE01	0101	Systems Analysis & Design	23	T7	9:50:00	11:30:00	Phòng 039 - CS Thành Thái	Trưởng Đơn	vị	
2431	2072	AI206DV01	0100	Đồ án lập trình máy học	194					Lê Thanh	Tùng	
2431	1392	AI208DV01	0100	Phân tích và tối ưu hoá số	21	T5	13:00:00	15:30:00	Phòng 032 - CS Thành Thái	Vũ Đình	Khôi	
2431	1393	AI208DV01	0101	Phân tích và tối ưu hoá số	21	T5	15:50:00	18:20:00	Phòng 034 - CS Thành Thái	Vũ Đình	Khôi	
2431	1015	AI301DE01	0200	Machine Learning	47	T3	7:00:00	8:40:00	Phòng 048 - CS Thành Thái	Trang Hồng	Son	
2431	1016	AI301DE01	0201	Machine Learning	17	T3	8:40:00	10:40:00	Phòng 037 - CS Thành Thái	Trang Hồng	Son	
2431	1394	AI301DV01	0100	Máy học	7	T4	7:50:00	9:30:00	Phòng 021 - CS Thành Thái	Dương Tổ	Hương	
2431	1395	AI301DV01	0101	Máy học	7	T4	9:50:00	11:30:00	Phòng 037 - CS Thành Thái	Dương Tổ	Hương	
2431	1018	AI306DE01	0100	Data analytics	14	T5	7:50:00	9:30:00	Phòng 021 - CS Thành Thái	Trưởng Đơn	vị	
2431	1019	AI306DE01	0101	Data analytics	14	T5	9:50:00	11:30:00	Phòng 038 - CS Thành Thái	Trưởng Đơn	vị	
2431	1396	AI402DV01	0100	LT ứng dụng trí tuệ nhân tạo	26	T2	7:00:00	8:40:00	Phòng 024 - CS Thành Thái	Nguyễn Hữu	Phát	
2431	1399	AI404DV01	0100	Hệ quản lý tri thức	9	T5	9:50:00	12:20:00	Phòng 114 - CS Quang Trung 2	Nguyễn Phụng	Hoàng	
2431	1020	AI416DE01	0100	Data Visualization	19	T3	13:50:00	15:30:00	Phòng 039 - CS Thành Thái	Trưởng Đơn	vị	
2431	1021	AI416DE01	0101	Data Visualization	19	T3	15:50:00	17:30:00	Phòng 039 - CS Thành Thái	Trưởng Đơn	vị	
2431	1025	ANH203DE03	0100	Listening and Speaking 3	3	T6	13:00:00	15:30:00	Phòng 030 - CS Thành Thái	Trịnh Bình Thanh	Son	
2431	1026	ANH203DE03	0200	Listening and Speaking 3	11	T3	7:00:00	9:30:00	Phòng 032 - CS Thành Thái	Trịnh Bình Thanh	Son	
2431	1027	ANH203DE03	0300	Listening and Speaking 3	8	T3	9:50:00	12:20:00	Phòng 032 - CS Thành Thái	Trịnh Bình Thanh	Son	
2431	1028	ANH210DE03	0100	English Public Speaking	4	T2	7:00:00	9:30:00	Phòng 020 - CS Thành Thái	Trà Thanh	Tuấn	
2431	1029	ANH210DE03	0200	English Public Speaking	6	T6	7:00:00	9:30:00	Phòng 033 - CS Thành Thái	Trà Thanh	Tuấn	
2431	1030	ANH210DE03	0300	English Public Speaking	7	T6	9:50:00	12:20:00	Phòng 033 - CS Thành Thái	Trà Thanh	Tuấn	
2431	1031	ANH212DE03	0100	British and American Culture	7	T2	13:00:00	15:30:00	Phòng 005 - CS Thành Thái	Trần Nhật Linh	Chi	
2431	2119	ANH212DE03	0200	Văn hoá Anh Mỹ	20	T2	15:50:00	18:20:00	Phòng 005 - CS Thành Thái	Vô Thị Kiều	Loan	
2431	1034	ANH222DE03	0100	Project 1: Secondary Source DC	107	T5	13:00:00	15:30:00	e-Learning 004	Nguyễn Văn	Chương	
2431	1035	ANH223DE02	0100	English Reading and Writing 3	3	T4	7:50:00	11:30:00	Phòng 033 - CS Thành Thái	Nguyễn Văn	Chương	
2431	1036	ANH223DE02	0200	English Reading and Writing 3	7	T3	13:00:00	16:40:00	Phòng 020 - CS Thành Thái	Trần Nhật Linh	Chi	
2431	1037	ANH223DE02	0300	English Reading and Writing 3	7	T5	13:00:00	16:40:00	Phòng 020 - CS Thành Thái	Trần Nhật Linh	Chi	
2431	1038	ANH303DE03	0100	English Syntax and Morphology	8	T2	13:00:00	16:40:00	Phòng 033 - CS Thành Thái	Ngô Thị Thanh	Thanh	
2431	1039	ANH303DE03	0200	English Syntax and Morphology	2	T6	7:50:00	11:30:00	Phòng 024 - CS Thành Thái	Ngô Thị Thanh	Thanh	
2431	1040	ANH307DE05	0200	English Phonetics and Phonolog	9	T4	7:50:00	11:30:00	Phòng 218 - CS Quang Trung 2	Trịnh Bình Thanh	Son	
2431	1041	ANH307DE05	0300	English Phonetics and Phonolog	15	T4	13:00:00	16:40:00	Phòng 218 - CS Quang Trung 2	Trịnh Bình Thanh	Son	
2431	1042	ANH307DE05	0400	English Phonetics and Phonolog	1	T2	13:00:00	16:40:00	Phòng 218 - CS Quang Trung 2	Trịnh Bình Thanh	Son	
2431	1043	ANH314DE04	0100	Teaching the E. Language Skill	4	T3	13:00:00	15:30:00	Phòng 114 - CS Quang Trung 2	Ngô Thị Thanh	Thanh	

2431	1044	ANH314DE04	0200	Teaching the E. Language Skill	9	T6	7:50:00	11:30:00	Phòng 218 - CS Quang Trung 2	Trần Ngọc	Dung
2431	1045	ANH318DE03	0100	Internal Communication	2	T6	9:50:00	12:20:00	Phòng 030 - CS Thành Thái	Lê Thanh	Tùng
2431	1046	ANH320DE02	0100	Project 2: Primary Source Data	154	T5	13:00:00	15:30:00	e-Learning 007	Ngô Thị Thanh	Thanh
2431	1047	ANH321DE01	0100	Pro 2: Specialized Imple Proj	156	T5	15:50:00	18:20:00	e-Learning 007	Ngô Thị Thanh	Thanh
2431	1048	ANH322DE01	0100	English for Effective BW	1	T2	13:00:00	16:40:00	Phòng 114 - CS Quang Trung 2	Nguyễn Văn	Chương
2431	1049	ANH323DE01	0100	English for Corporate Commu	1	T4	13:00:00	15:30:00	Phòng 032 - CS Thành Thái	Võ Thị Kiều	Loan
2431	1050	ANH323DE01	0200	English for Corporate Commu	3	T4	15:50:00	18:20:00	Phòng 032 - CS Thành Thái	Võ Thị Kiều	Loan
2431	1051	ANH324DE01	0100	Advanced English for Business	1	T6	7:50:00	11:30:00	Phòng 108 - CS Quang Trung 2	Võ Thị Kiều	Loan
2431	1052	ANH324DE01	0200	Advanced English for Business	5	T4	7:50:00	11:30:00	Phòng 219 - CS Quang Trung 2	Bùi Yến	Ngọc
2431	1053	ANH325DE01	0100	Fundam of Marketing & Sales	9	T4	7:50:00	11:30:00	Phòng 114 - CS Quang Trung 2	Thái Ngọc	Son
2431	1054	ANH326DE02	0100	Essentials Skills for PR	2	T4	9:50:00	12:20:00	Phòng 602 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Thị Thanh	Phương
2431	1055	ANH326DE02	0200	Essentials Skills for PR	1	T6	13:00:00	15:30:00	Phòng 506 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Thị Thanh	Phương
2431	1056	ANH331DE01	0100	Language and Intercultural Com	21	T3	9:50:00	12:20:00	Phòng 304 - Nguyễn Văn Tráng	Huỳnh Văn	Tài
2431	1057	ANH331DE01	0200	Language and Intercultural Com	15	T3	13:00:00	15:30:00	Phòng 303 - Nguyễn Văn Tráng	Huỳnh Văn	Tài
2431	2125	ANH333DE01	0100	Teaching English Language Cons	1	T4	9:50:00	12:20:00	Phòng 116 - CS Quang Trung 2	Trần Ngọc	Dung
2431	1058	ANH334DE01	0100	Teaching CLIL Classes	9	T3	9:50:00	12:20:00	Phòng 505 - Nguyễn Văn Tráng	Biện Thị Thanh	Mai
2431	1061	ANH403DE01	0200	Practice in Business Transla	18	T6	13:00:00	16:40:00	Phòng 405 - Nguyễn Văn Tráng	Trần Văn	Dương
2431	1062	ANH405DE04	0100	Teaching English for Children	1	T6	13:00:00	16:40:00	Phòng 020 - CS Thành Thái	Ngô Thị Thanh	Thanh
2431	1063	ANH406DE03	0100	Lesson Plan&Material Developmt	7	T3	13:00:00	15:30:00	Phòng 405 - Nguyễn Văn Tráng	Biện Thị Thanh	Mai
2431	1064	ANH406DE03	0200	Lesson Plan&Material Developmt	20	T4	9:50:00	12:20:00	Phòng 030 - CS Thành Thái	Biện Thị Thanh	Mai
2431	1065	ANH408DE05	0100	American Literature	7	T6	13:00:00	16:40:00	Phòng 114 - CS Quang Trung 2	Trần Ngọc	Dung
2431	1067	ANH408DE05	0300	American Literature	7	T7	7:50:00	11:30:00	Phòng 030 - CS Thành Thái	Nguyễn Thị Châu	Anh
2431	1068	ANH408DE05	0400	American Literature	5	T3	7:50:00	11:30:00	Phòng 507 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Thị Châu	Anh
2431	1070	ANH410DE03	0100	Corporate Communication Strate	2	T2	9:50:00	12:20:00	Phòng 022 - CS Thành Thái	Nguyễn Thị Thanh	Phương
2431	2142	ANH410DE03	0200	Corporate Communication Strate	16	T6	15:50:00	18:20:00	Phòng 503 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Thị Thanh	Phương
2431	1071	ANH411DE01	0100	Classroom-based Language Asses	2	T4	13:00:00	15:30:00	Phòng 106 - CS Quang Trung 2	Nguyễn Văn	Chương
2431	2121	ANH412DE01	0100	Intergrated Marketing & Commu	1	T3	13:00:00	15:30:00	Phòng 106 - CS Quang Trung 2	Thái Ngọc	Son
2431	1074	ANH421DE01	0100	Customer Service & Relations Mg	8	T2	13:00:00	16:40:00	Phòng 022 - CS Thành Thái	Nguyễn Thị Thanh	Phương
2431	1076	ANH421DE01	0300	Customer Service & Relations Mg	12	T4	13:00:00	16:40:00	Phòng 505 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Thị Thanh	Phương
2431	1077	ANH450DE03	0100	Graduation Internship	77	T2T3T4T5T6	13:00:00	17:30:00		Bùi Yến	Ngọc
2431	2112	ANH454DE01	0100	Graduation Internship	27	T2T3T4T5T6	7:00:00	17:30:00		Bùi Yến	Ngọc
2431	2114	ANH456DE01	0100	Graduation Internship	29	T2T3T4T5T6	7:00:00	17:30:00		Bùi Yến	Ngọc
2431	2063	ANH458DE01	0100	Graduation Internship	44	T2T3T4T5T6	7:00:00	17:30:00		Bùi Yến	Ngọc
2431	1400	ART103DV02	0100	Tạo hình ứng dụng	1	T4	13:50:00	17:30:00	Phòng 302 - CS Cao Thắng	Bùi Thế	Vỹ
2431	1405	ART103DV02	0600	Tạo hình ứng dụng	5	T2	13:50:00	17:30:00	Phòng 302 - CS Cao Thắng	Bùi Thế	Vỹ
2431	2138	ART103DV02	0700	Tạo hình ứng dụng	12	T5	13:00:00	16:40:00	Phòng 102 - CS Cao Thắng	Biện Xuân	Trường
2431	1406	ART205DV01	0100	Nhiếp ảnh 2 (nâng cao)	4	T3	13:00:00	15:30:00	Phòng 104 - CS Cao Thắng	Biện Xuân	Trường
2431	1407	ART205DV01	0200	Nhiếp ảnh 2 (nâng cao)	6	T3	15:50:00	18:20:00	Phòng 104 - CS Cao Thắng	Biện Xuân	Trường
2431	1408	ART205DV01	0300	Nhiếp ảnh 2 (nâng cao)	2	T6	13:00:00	15:30:00	Phòng 104 - CS Cao Thắng	Biện Xuân	Trường
2431	1409	ART205DV01	0400	Nhiếp ảnh 2 (nâng cao)	6	T2	13:00:00	15:30:00	Phòng 104 - CS Cao Thắng	Biện Xuân	Trường
2431	1410	ART205DV01	0500	Nhiếp ảnh 2 (nâng cao)	5	T2	15:50:00	18:20:00	Phòng 104 - CS Cao Thắng	Biện Xuân	Trường
2431	1411	ART207DV01	0100	Kỹ thuật phác họa và phối cảnh	2	T5T7	13:00:00	15:30:00	Phòng 003 - CS Cao Thắng	Nguyễn Phước	Thiện
2431	1416	ART207DV01	0600	Kỹ thuật phác họa và phối cảnh	4	T5T7	15:50:00	18:20:00	Phòng 004 - CS Cao Thắng	Nguyễn Phước	Thiện
2431	1417	BA102DV01	0100	Kinh tế Vĩ mô	4	T4	9:50:00	12:20:00	Phòng 106 - CS Quang Trung 2	Lê Ngọc	Đức
2431	1419	BA103DV01	0100	Đạo đức Kinh doanh	4	T3	13:00:00	15:30:00	Phòng 306 - Nguyễn Văn Tráng	Trần Duy Nghiêm	Luật
2431	1080	BA104DE01	0100	Introduction to Management	3	T2	9:50:00	12:20:00	Phòng 302 - Nguyễn Văn Tráng	Bùi Thị Vân	Quỳnh
2431	1420	BA107DV01	0100	Kinh tế học	9	T4	7:00:00	9:30:00	Phòng 043 - CS Thành Thái	Châu Tấn	Lực
2431	1421	BA107DV01	0200	Kinh tế học	15	T5	15:50:00	18:20:00	Phòng 003 - CS Thành Thái	Châu Tấn	Lực
2431	1422	BA107DV01	0300	Kinh tế học	14	T3T5	15:50:00	18:20:00	Phòng 048 - CS Thành Thái	Đinh Thị	Lợi

2431	1424	BA107DV01	0500	Kinh tế học	7	T5	13:00:00	15:30:00	Phòng 033 - CS Thành Thái	Lê Hữu	Đức
2431	1425	BA107DV01	0600	Kinh tế học	35	T2T4	13:00:00	15:30:00	Phòng 020 - CS Thành Thái	Lê Hữu	Đức
2431	1426	BA107DV01	0700	Kinh tế học	17	T2T4	15:50:00	18:20:00	Phòng 003 - CS Thành Thái	Lê Hữu	Đức
2431	1427	BA107DV01	0800	Kinh tế học	5	T3T6	7:00:00	9:30:00	Phòng 021 - CS Thành Thái	Nguyễn Minh Cao	Hoàng
2431	1428	BA107DV01	0900	Kinh tế học	16	T4	15:50:00	18:20:00	Hội trường 302 - CS Thành Thái	Nguyễn Minh Cao	Hoàng
2431	1429	BA107DV01	1000	Kinh tế học	8	T5	9:50:00	12:20:00	Hội trường 302 - CS Thành Thái	La Hoàng	Lâm
2431	1430	BA107DV01	1100	Kinh tế học	24	T3T6	15:50:00	18:20:00	Phòng 003 - CS Thành Thái	La Hoàng	Lâm
2431	1431	BA107DV01	1200	Kinh tế học	4	T5	13:00:00	15:30:00	Phòng 048 - CS Thành Thái	Lê Ngọc	Đức
2431	1432	BA107DV01	1300	Kinh tế học	5	T6	9:50:00	12:20:00	Phòng 003 - CS Thành Thái	La Hoàng	Lâm
2431	1433	BA107DV01	1400	Kinh tế học	3	T3T6	13:00:00	15:30:00	Phòng 003 - CS Thành Thái	La Hoàng	Lâm
2431	1434	BA107DV01	1500	Kinh tế học	14	T3T5	7:00:00	9:30:00	Phòng 049 - CS Thành Thái	Lê Hữu	Đức
2431	1435	BA107DV01	1600	Kinh tế học	13	T2T5	7:00:00	9:30:00	Phòng 033 - CS Thành Thái	Nguyễn Minh Cao	Hoàng
2431	1436	BA107DV01	1700	Kinh tế học	13	T2T5	9:50:00	12:20:00	Phòng 033 - CS Thành Thái	Nguyễn Minh Cao	Hoàng
2431	1437	BA107DV01	1800	Kinh tế học	12	T5	9:50:00	12:20:00	Phòng 049 - CS Thành Thái	Lê Hữu	Đức
2431	1438	BA107DV01	1900	Kinh tế học	16	T5	7:00:00	9:30:00	Phòng 020 - CS Thành Thái	Lê Ngọc	Đức
2431	1081	BA201DE01	0100	Negotiation Skills	1	T4	9:50:00	12:20:00	Phòng 102 - CS Quang Trung 2	Lê Tấn	Lộc
2431	1439	BA201DV01	0100	Kỹ thuật Thương lượng	1	T3	15:50:00	18:20:00	Phòng 306 - Nguyễn Văn Tráng	Trần Duy Nghiêm	Luật
2431	1083	BA204DE01	0100	Change Management	3	T2	13:00:00	15:30:00	Phòng 305 - Nguyễn Văn Tráng	Bùi Thị Vân	Quỳnh
2431	1084	BA204DE01	0200	Change Management	3	T3	9:50:00	12:20:00	Phòng 302 - Nguyễn Văn Tráng	Bùi Thị Vân	Quỳnh
2431	1085	BA204DE01	0300	Change Management	1	T2	13:00:00	15:30:00	Phòng 302 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Thanh	Nam
2431	1440	BA204DV01	0100	Quản trị Sự Thay đổi	8	T6	9:50:00	12:20:00	Phòng 305 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Thanh	Nam
2431	1441	BA204DV01	0300	Quản trị Sự Thay đổi	29	T6	13:00:00	15:30:00	Phòng 305 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Thanh	Nam
2431	1442	BA205DV01	0100	Khởi nghiệp	1	T6	7:00:00	9:30:00	Phòng 105 - CS Quang Trung 2	Lê Ngọc	Đức
2431	1443	BA205DV01	0300	Khởi nghiệp	1	T6	9:50:00	12:20:00	Phòng 105 - CS Quang Trung 2	Lê Ngọc	Đức
2431	1087	BA206DE01	0200	Organizational Behaviour	5	T3	13:00:00	15:30:00	Phòng 305 - Nguyễn Văn Tráng	Bùi Thị Vân	Quỳnh
2431	2073	BA301DV02	0100	Đề án lập Kế hoạch Kinh doanh	23					Lê Ngọc	Đức
2431	1088	BA302DE01	0100	Strategic Management	6	T3	9:50:00	12:20:00	Phòng 305 - Nguyễn Văn Tráng	Trần Thị	Út
2431	1089	BA302DE01	0200	Strategic Management	22	T3	13:00:00	15:30:00	Phòng 307 - Nguyễn Văn Tráng	Trần Thị	Út
2431	1445	BA302DV01	0200	Quản trị Chiến lược	19	T5	7:00:00	9:30:00	Phòng 302 - Nguyễn Văn Tráng	Châu Tấn	Lực
2431	1446	BA303DV01	0100	Quản trị Dự án	5	T2	15:50:00	18:20:00	Phòng 302 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Thanh	Nam
2431	1447	BA303DV01	0200	Quản trị Dự án	24	T5	15:50:00	18:20:00	Phòng 601 - Nguyễn Văn Tráng	Đặng Hoàng Minh	Quân
2431	1092	BA304DE01	0100	Business Operations Management	1	T4	9:50:00	12:20:00	Phòng 305 - Nguyễn Văn Tráng	Hồ Trung	Thảo
2431	1093	BA304DE01	0200	Business Operations Management	22	T4	7:00:00	9:30:00	Phòng 305 - Nguyễn Văn Tráng	Hồ Trung	Thảo
2431	1449	BA304DV01	0200	Quản trị vận hành doanh nghiệp	11	T2	9:50:00	12:20:00	Phòng 305 - Nguyễn Văn Tráng	Trần Duy Nghiêm	Luật
2431	1450	BA306DV01	0200	Quản trị Chất lượng	1	T2	15:50:00	18:20:00	Phòng 307 - Nguyễn Văn Tráng	Đặng Hoàng Minh	Quân
2431	1451	BA306DV01	0300	Quản trị Chất lượng	11	T5	18:30:00	21:00:00	Phòng 307 - Nguyễn Văn Tráng	Đặng Hoàng Minh	Quân
2431	1452	BA306DV01	0400	Quản trị Chất lượng	2	T2	13:00:00	15:30:00	Phòng 307 - Nguyễn Văn Tráng	Đặng Hoàng Minh	Quân
2431	1453	BA307DV01	0200	PP nghiên cứu trong KD	1	T5	9:50:00	12:20:00	Phòng 307 - Nguyễn Văn Tráng	Trần Thị	Út
2431	1454	BA307DV01	0300	PP nghiên cứu trong KD	9	T5	13:00:00	15:30:00	Phòng 307 - Nguyễn Văn Tráng	Trần Thị	Út
2431	1094	BA308DE01	0100	Leadership	4	T4	13:00:00	15:30:00	Phòng 102 - CS Quang Trung 2	Lê Tấn	Lộc
2431	1456	BA309DV01	0100	ERP trong kinh doanh	1	T5	7:00:00	9:30:00	Phòng 048 - CS Thành Thái	Nguyễn Bá	Trung
2431	1097	BA401DE01	0100	Supply Chain Management	27	T3	7:00:00	9:30:00	Phòng 307 - Nguyễn Văn Tráng	Hồ Trung	Thảo
2431	1098	BA401DE01	0200	Supply Chain Management	7	T3	9:50:00	12:20:00	Phòng 307 - Nguyễn Văn Tráng	Hồ Trung	Thảo
2431	1457	BA401DV01	0100	Quản trị Cung ứng	9	T4	9:50:00	12:20:00	Phòng 108 - CS Quang Trung 2	Nguyễn Minh Cao	Hoàng
2431	1458	BA401DV01	0200	Quản trị Cung ứng	18	T4	7:00:00	9:30:00	Phòng 108 - CS Quang Trung 2	Nguyễn Minh Cao	Hoàng
2431	1459	BA450DV01	0100	Thực tập Tốt nghiệp	57	T2T3T4T5T6	13:00:00	17:30:00		Lê Ngọc	Đức
2431	1460	BLAW301DV01	0100	Luật Chứng khoán	24	T5	18:30:00	21:00:00	Phòng 306 - Nguyễn Văn Tráng	Mai Lan	Phương
2431	1462	BLAW304DV01	0100	PL về Kinh doanh quốc tế	21	T5	13:00:00	15:30:00	Phòng 405 - Nguyễn Văn Tráng	Phạm Dương Hoàng	Phúc
2431	1463	BLAW309DV01	0100	Luật Thương mại Điện tử	12	T6	9:50:00	12:20:00	Phòng 405 - Nguyễn Văn Tráng	Trần Ngọc Nhã	Trân

2431	1099	BLAW310DE01	0100	Cybersecurity Law & GD Privacy	5	T7	7:00:00	9:30:00	Phòng 302 - Nguyễn Văn Tráng	Trưởng Đơn	vi
2431	1100	BLAW402DE01	0100	Law on Fintech	13	T3	13:00:00	15:30:00	Phòng 703 - CS Cao Thắng	Trưởng Đơn	vi
2431	1464	CN103DV01	0100	Mạng máy tính cơ sở	4	T3	13:00:00	14:40:00	Phòng 215 - CS Quang Trung 2	Nguyễn Ngọc Như	Hằng
2431	1465	CN103DV01	0101	Mạng máy tính cơ sở	4	T3	14:40:00	16:40:00	Phòng 215 - CS Quang Trung 2	Nguyễn Ngọc Như	Hằng
2431	1468	CN203DV01	0102	Lý thuyết Hệ điều hành	1	T2	10:40:00	12:20:00	Phòng 215 - CS Quang Trung 2	Phan Đình Thế	Huân
2431	1469	CN203DV01	0200	Lý thuyết Hệ điều hành	3	T5	7:00:00	8:40:00	Phòng 220 - CS Quang Trung 2	Phan Đình Thế	Huân
2431	1471	CN203DV01	0202	Lý thuyết Hệ điều hành	3	T5	10:40:00	12:20:00	Phòng 203 - CS Quang Trung 2	Phan Đình Thế	Huân
2431	2151	CN302DV01	0100	Thực hành mạng 3	23	T7	9:50:00	12:20:00	Phòng 215 - CS Quang Trung 2	Lộc Đức	Huy
2431	2098	CN450DV01	0100	Thực tập tốt nghiệp	47	T2T3T4T5T6	7:00:00	17:30:00		Lộc Đức	Huy
2431	2110	CP450DV01	0100	Thực tập Tốt nghiệp	98	T2T3T4T5T6	7:00:00	17:30:00		Lê Nguyễn Tường	Vy
2431	1475	DA202DV01	0400	Sản xuất sản phẩm truyền thông	2	T5	13:00:00	16:40:00	Phòng 203 - CS Cao Thắng	Trần Thị Nhật	Trâm
2431	1476	DA302DV01	0100	Đồ họa bao bì	2	T5	13:00:00	17:30:00	Phòng 704 - CS Cao Thắng	Hoàng Lê Thiên	Hương
2431	1482	DA305DV01	0400	Hoạt hình nâng cao	8	T4	13:00:00	16:40:00	Phòng 504 - CS Cao Thắng	Trưởng Đơn	vi
2431	1102	DA306DE01	0100	Character Design	3	T6	7:50:00	11:30:00	Phòng 607 - CS Cao Thắng	Nguyễn Phước	Thiện
2431	1103	DA306DE01	0200	Character Design	3	T6	13:00:00	16:40:00	Phòng 607 - CS Cao Thắng	Nguyễn Phước	Thiện
2431	1104	DA307DE01	0100	Creature Design	2	T2	7:50:00	11:30:00	Phòng 705 - CS Cao Thắng	Lê Xuân	Giang
2431	1105	DA307DE01	0200	Creature Design	4	T2	13:00:00	16:40:00	Phòng 704 - CS Cao Thắng	Phan Vũ	Linh
2431	1106	DA310DE01	0100	3D Sculpture - ZBrush	4	T2	13:00:00	16:40:00	Phòng 705 - CS Cao Thắng	Lê Xuân	Giang
2431	1107	DA310DE01	0200	3D Sculpture - ZBrush	6	T2	7:50:00	11:30:00	Phòng 704 - CS Cao Thắng	Phan Vũ	Linh
2431	1483	DA403DV01	0100	Đồ họa minh họa sách	1	T3	7:50:00	11:30:00	Phòng 704 - CS Cao Thắng	Trịnh Tuấn	Dũng
2431	2137	DA403DV01	0300	Đồ họa minh họa sách	8	T2	7:50:00	11:30:00	Phòng 605 - CS Cao Thắng	Trịnh Tuấn	Dũng
2431	2074	DA404DV01	0100	Khởi nghiệp Nghệ thuật số	28					Phan Vũ	Linh
2431	2120	DA450DV01	0100	Đồ án tốt nghiệp	41	T2T3T4T5T6	7:00:00	17:30:00		Phan Vũ	Linh
2431	1485	DC141DV01	0100	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	10	T3	9:50:00	12:20:00	Phòng 043 - CS Thành Thái	Nguyễn Thị	Điệp
2431	1486	DC141DV01	0200	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	7	T6	15:50:00	18:20:00	Phòng 048 - CS Thành Thái	Dương Hoàng	Oanh
2431	1487	DC141DV01	1000	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	26	T5	7:00:00	9:30:00	Phòng 047 - CS Thành Thái	Phạm Hữu Thanh	Nhã
2431	1488	DC141DV01	1100	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	16	T5	9:50:00	12:20:00	Phòng 047 - CS Thành Thái	Phạm Hữu Thanh	Nhã
2431	1489	DC141DV01	1200	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	8	T2	13:00:00	15:30:00	Phòng 048 - CS Thành Thái	Dương Hoàng	Oanh
2431	1490	DC141DV01	1300	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	19	T3	15:50:00	18:20:00	Hội trường 302 - CS Thành Thái	Dương Hoàng	Oanh
2431	1491	DC141DV01	1400	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	12	T7	7:00:00	9:30:00	Phòng 047 - CS Thành Thái	Dương Hoàng	Oanh
2431	1492	DC141DV01	1500	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	17	T3	13:00:00	15:30:00	Hội trường 302 - CS Thành Thái	Dương Hoàng	Oanh
2431	1493	DC141DV01	1600	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	14	T2	15:50:00	18:20:00	Phòng 049 - CS Thành Thái	Đỗ Đình	Nghĩa
2431	1494	DC141DV01	1700	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	19	T7	9:50:00	12:20:00	Phòng 047 - CS Thành Thái	Dương Hoàng	Oanh
2431	1495	DC141DV01	1800	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	8	T4	13:00:00	15:30:00	Phòng 048 - CS Thành Thái	Đỗ Đình	Nghĩa
2431	1496	DC141DV01	1900	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	10	T4	15:50:00	18:20:00	Phòng 048 - CS Thành Thái	Đỗ Đình	Nghĩa
2431	1497	DC141DV01	2000	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	16	T6	7:00:00	9:30:00	Hội trường 302 - CS Thành Thái	Nguyễn Thị	Điệp
2431	1498	DC141DV01	2100	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	13	T3	7:00:00	9:30:00	Phòng 043 - CS Thành Thái	Nguyễn Thị	Điệp
2431	1499	DC141DV01	2200	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	8	T2	15:50:00	18:20:00	Phòng 048 - CS Thành Thái	Dương Hoàng	Oanh
2431	1500	DC141DV01	2300	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	10	T6	9:50:00	12:20:00	Hội trường 302 - CS Thành Thái	Nguyễn Thị	Điệp
2431	1501	DC141DV01	2500	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	19	T2	7:00:00	9:30:00	Hội trường 302 - CS Thành Thái	Nguyễn Thị	Điệp
2431	1502	DC141DV01	2600	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	7	T2	9:50:00	12:20:00	Hội trường 302 - CS Thành Thái	Nguyễn Thị	Điệp
2431	1503	DC142DV01	0100	Chủ nghĩa xã hội khoa học	46	T3	7:00:00	9:30:00	Phòng 406 - Nguyễn Văn Tráng	Phạm Thị Ngọc	Anh
2431	1504	DC142DV01	0200	Chủ nghĩa xã hội khoa học	11	T3	9:50:00	12:20:00	Phòng 406 - Nguyễn Văn Tráng	Phạm Thị Ngọc	Anh
2431	1505	DC142DV01	0300	Chủ nghĩa xã hội khoa học	6	T6	15:50:00	18:20:00	Phòng 049 - CS Thành Thái	Hồ Thị	Trình
2431	1506	DC142DV01	0400	Chủ nghĩa xã hội khoa học	24	T6	13:00:00	15:30:00	Phòng 049 - CS Thành Thái	Phạm Thị Ngọc	Anh
2431	1508	DC143DV01	0200	Tư tưởng Hồ Chí Minh	12	T4	13:00:00	15:30:00	Phòng 406 - Nguyễn Văn Tráng	Huỳnh Thị Bích	Vân
2431	1509	DC143DV01	0300	Tư tưởng Hồ Chí Minh	31	T2	9:50:00	12:20:00	Phòng 406 - Nguyễn Văn Tráng	Huỳnh Thị Bích	Vân
2431	1510	DC143DV01	0400	Tư tưởng Hồ Chí Minh	31	T2	13:00:00	15:30:00	Phòng 406 - Nguyễn Văn Tráng	Huỳnh Thị Bích	Vân
2431	1513	DC143DV01	0700	Tư tưởng Hồ Chí Minh	31	T6	9:50:00	12:20:00	Phòng 021 - CS Thành Thái	Hồ Thị	Trình

2431	1515	DC144DV01	0100	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	6	T6	7:00:00	9:30:00	Phòng 406 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Minh	Quang
2431	1517	DC144DV01	0300	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	6	T2	9:50:00	12:20:00	Phòng 303 - CS Quang Trung 2	Nguyễn Minh	Quang
2431	1518	DC144DV01	0400	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	5	T2	7:00:00	9:30:00	Phòng 303 - CS Quang Trung 2	Nguyễn Minh	Quang
2431	2134	DC144DV01	0500	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	8	T4	9:50:00	12:20:00	Hội trường 302 - CS Thành Thái	Nguyễn Minh	Quang
2431	1108	DM302DE01	0100	Digital Marketing	9	T6	9:50:00	12:20:00	Phòng 402 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Vũ Diệu	Linh
2431	1109	DM304DE01	0100	Intro. to Digital Marketing	9	T6	13:00:00	15:30:00	Phòng 304 - Nguyễn Văn Tráng	Ngô Minh	Trà
2431	1519	DM305DV01	0100	Truyền thông kỹ thuật số	5	T6	13:00:00	15:30:00	Phòng 501 - Nguyễn Văn Tráng	Hồng	Quý
2431	1110	DM306DE01	0200	E-Customer RM & Online Str.	3	T3	9:50:00	12:20:00	Phòng 501 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Vũ Diệu	Linh
2431	1520	DM306DV01	0100	Quản trị QHKK & CL trực tuyến	18	T7	7:00:00	9:30:00	Phòng 307 - Nguyễn Văn Tráng	Đỗ Trọng	Danh
2431	1521	DM306DV01	0200	Quản trị QHKK & CL trực tuyến	6	T7	9:50:00	12:20:00	Phòng 307 - Nguyễn Văn Tráng	Đỗ Trọng	Danh
2431	2064	DM308DE01	0100	Digital Marketing Project	40					Nguyễn Thị Kiều	Chi
2431	2076	DM308DV01	0100	Đề án: Dự án Marketing KTS	69					Nguyễn Thị Kiều	Chi
2431	1112	DM401DE01	0100	Search Engine Optimization	5	T5	7:00:00	9:30:00	Phòng 303 - Nguyễn Văn Tráng	Bùi Anh	Dũng
2431	1113	DM401DE01	0200	Search Engine Optimization	3	T5	9:50:00	12:20:00	Phòng 401 - Nguyễn Văn Tráng	Đặng Trương Thủy	Anh
2431	1114	DM401DE01	0300	Search Engine Optimization	2	T6	13:00:00	15:30:00	Phòng 507 - Nguyễn Văn Tráng	Trần Thị Mỹ	Hạnh
2431	1523	DM401DV01	0100	Tối ưu hóa công cụ tìm kiếm	9	T6	15:50:00	18:20:00	Phòng 302 - Nguyễn Văn Tráng	Hồng	Quý
2431	1524	DM401DV01	0200	Tối ưu hóa công cụ tìm kiếm	11	T5	13:00:00	15:30:00	Phòng 305 - Nguyễn Văn Tráng	Đỗ Trọng	Danh
2431	1525	DM401DV01	0300	Tối ưu hóa công cụ tìm kiếm	12	T5	15:50:00	18:20:00	Phòng 407 - Nguyễn Văn Tráng	Đỗ Trọng	Danh
2431	1527	DM450DV01	0100	Thực tập tốt nghiệp	176	T2T3T4T5T6	13:00:00	17:30:00		Phạm Văn	Phát
2431	1116	EC201DE01	0100	Electronic Commerce	4	T5	15:50:00	18:20:00	Phòng 301 - Nguyễn Văn Tráng	Ngô Minh	Trà
2431	1117	EC201DE01	0200	Electronic Commerce	2	T3	13:00:00	15:30:00	Phòng 301 - Nguyễn Văn Tráng	Ngô Minh	Trà
2431	1118	EC201DE01	0300	Electronic Commerce	3	T3	15:50:00	18:20:00	Phòng 301 - Nguyễn Văn Tráng	Ngô Minh	Trà
2431	1528	EC201DV01	0100	Thương mại Điện tử	2	T5	9:50:00	12:20:00	Phòng 305 - Nguyễn Văn Tráng	Ngô Minh	Trà
2431	1529	EC201DV01	0200	Thương mại Điện tử	9	T2	13:00:00	15:30:00	Phòng 301 - Nguyễn Văn Tráng	Ngô Minh	Trà
2431	1119	EC203DE01	0400	Digital Tec in Global Business	3	T2	9:50:00	12:20:00	Phòng 505 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Quang	Minh
2431	1530	EC203DV01	0100	CN số trong k/doanh toàn cầu	27	T3	7:00:00	9:30:00	Phòng 024 - CS Thành Thái	Hồ Quốc	Đức
2431	1531	EC203DV01	0300	CN số trong k/doanh toàn cầu	1	T5	9:50:00	12:20:00	Phòng 302 - Nguyễn Văn Tráng	Đỗ Thị Bích	Ngọc
2431	1532	EC301DV01	0100	Sàn Giao dịch TMĐT	14	T2	15:50:00	18:20:00	Phòng 301 - Nguyễn Văn Tráng	Ngô Minh	Trà
2431	1533	EC302DV01	0100	Bán lẻ Điện tử	20	T2	13:00:00	15:30:00	Phòng 032 - CS Thành Thái	Đỗ Thị Bích	Ngọc
2431	1534	EC303DV01	0100	Chính phủ Điện tử	41	T4	7:00:00	9:30:00	Phòng 402 - Nguyễn Văn Tráng	Đỗ Thị Bích	Ngọc
2431	1122	EC306DE01	0100	E-Business	15	T4	9:50:00	12:20:00	Phòng 601 - Nguyễn Văn Tráng	Đỗ Thị Bích	Ngọc
2431	2077	EC309DV01	0100	Đề án Lập kế hoạch kinh doanh	194					Ngô Minh	Trà
2431	2105	EC311DV01	0100	Quản trị dự án TMĐT	29	T3	15:50:00	18:20:00	Phòng 024 - CS Thành Thái	Hồ Quốc	Đức
2431	1538	EC312DV01	0100	Kinh doanh trên mạng xã hội	14	T4	13:00:00	15:30:00	Phòng 306 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Vũ Diệu	Linh
2431	1123	EC401DE01	0100	Advanced E-Commerce	22	T5	9:50:00	12:20:00	Phòng 031 - CS Thành Thái	Nguyễn Quang	Minh
2431	2100	EC450DV01	0100	Thực tập tốt nghiệp	188	T2T3T4T5T6	7:00:00	17:30:00		Nguyễn Quang	Minh
2431	1124	EM201DE01	0100	HR Management in Events	5	T2	15:50:00	18:20:00	Phòng 502 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Thị	Bê
2431	1539	EM203DV01	0100	VBPL & QT xin giấy phép SK	27	T3	13:00:00	15:30:00	Phòng 507 - Nguyễn Văn Tráng	Lê Nguyễn Tường	Vy
2431	1126	EM302DE01	0200	Risk Management&Visitor Safety	11	T3	9:50:00	12:20:00	Phòng 021 - CS Thành Thái	Nguyễn Thị Trung	Trình
2431	1127	EM302DE01	0300	Risk Management&Visitor Safety	12	T2	7:00:00	9:30:00	Phòng 606 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Thị Trung	Trình
2431	1540	EM311DV01	0100	Khai thác văn hóa TCSK	2	T6	13:00:00	15:30:00	Phòng 303 - Nguyễn Văn Tráng	Lê Hoàng Phương	Linh
2431	1542	EM313DV01	0100	Quản trị sự kiện bền vững	31	T3	9:50:00	12:20:00	Phòng 603 - Nguyễn Văn Tráng	Dương Chí	Thanh
2431	1128	EM314DE01	0100	Introduction to Events Managem	19	T4	15:50:00	18:20:00	Phòng 506 - Nguyễn Văn Tráng	Lê Âu Ngân	Anh
2431	1129	EM314DE01	0200	Introduction to Events Managem	3	T4	13:00:00	15:30:00	Phòng 506 - Nguyễn Văn Tráng	Lê Âu Ngân	Anh
2431	1131	EM315DE01	0200	M.I.C.E Management	15	T6	7:00:00	9:30:00	Phòng 305 - Nguyễn Văn Tráng	Lê Minh	Phương
2431	1133	EM316DE01	0200	Catering for Events	7	T2	15:50:00	18:20:00	Phòng 506 - Nguyễn Văn Tráng	Đậu Thị Ngọc	Phụng
2431	1134	EM401DE01	0100	Project Management in Events	5	T3	13:00:00	15:30:00	Phòng 506 - Nguyễn Văn Tráng	Dương Chí	Thanh
2431	1543	EM402DV01	0100	Tài chính & KS ngân sách SK	15	T2	9:50:00	12:20:00	Phòng 602 - Nguyễn Văn Tráng	Hồ Vũ	Như
2431	1135	EM403DE01	0100	Recreation- Cuture- Art E.M.	1	T2	13:00:00	15:30:00	Phòng 401 - Nguyễn Văn Tráng	Hồ Vũ	Như

2431	1136	EM406DE02	0100	Event Operation & Production	17	T2	9:50:00	12:20:00	Phòng 503 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Thị Trung	Trinh
2431	1544	EM450DV01	0100	Thực tập tốt nghiệp	190	T2T3T4T5T6	13:00:00	17:30:00		Lê Âu Ngân	Anh
2431	1138	FM206DE01	0100	Introduction to Image & Sound	18	T2T4	15:50:00	18:20:00	Phòng 050 - CS Thành Thái	Đoàn Tuấn	Đức
2431	1546	FM207DV01	0100	Điện ảnh Việt Nam	12	T5	9:50:00	12:20:00	Phòng 402 - Nguyễn Văn Tráng	Phạm Thu	Hằng
2431	1547	FM305DV01	0100	Chuyên đề điện ảnh Châu Á	15	T2	18:30:00	21:00:00	Phòng 304 - Nguyễn Văn Tráng	Vũ Ánh	Dương
2431	1139	FM307DE01	0100	Project: Thesis Development	15	T3	9:50:00	12:20:00	Phòng 204 - CS Cao Thắng	Hoàng Thanh	Thanh
2431	1548	FM311DV01	0100	Biên kịch điện ảnh và tr/hình	12	T5	7:50:00	11:30:00	Phòng 050 - CS Thành Thái	Quản Phương	Thanh
2431	1549	FM312DV01	0100	Sản xuất phim tài liệu	12	T5	15:50:00	18:20:00	Phòng 103 - CS Cao Thắng	Trưởng Đơn	vị
2431	1550	FM402DV01	0100	Sản xuất phim nhiều tập	17	T6	15:50:00	18:20:00	Phòng 204 - CS Cao Thắng	Trưởng Đơn	vị
2431	2094	FM402DV01	0101	Sản xuất phim nhiều tập	17	T6	15:50:00	18:20:00		Trưởng Đơn	vị
2431	1140	GD205DE01	0100	Layout Design	5	T6	7:50:00	11:30:00	Phòng 504 - CS Cao Thắng	Hoàng Lê Thiên	Hương
2431	1141	GD205DE01	0200	Layout Design	6	T6	13:00:00	16:40:00	Phòng 504 - CS Cao Thắng	Hoàng Lê Thiên	Hương
2431	1142	GD205DE01	0300	Layout Design	3	T3	13:00:00	16:40:00	Phòng 504 - CS Cao Thắng	Hoàng Lê Thiên	Hương
2431	1143	GD205DE01	0400	Layout Design	7	T5	13:00:00	16:40:00	Phòng 504 - CS Cao Thắng	Nguyễn Ngọc Minh	Như
2431	1144	GD205DE01	0500	Layout Design	9	T5	7:50:00	11:30:00	Phòng 504 - CS Cao Thắng	Nguyễn Ngọc Minh	Như
2431	2136	GD205DE01	0600	Layout Design	1	T3	7:50:00	11:30:00	Phòng 203 - CS Cao Thắng	Hoàng Lê Thiên	Hương
2431	1552	GD209DV01	0100	Tư duy Thiết kế	1	T2	13:00:00	15:30:00	Phòng 507 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Ngọc Minh	Như
2431	1553	GD212DV01	0100	Tin học thiết kế ứng dụng	3	T2T4	7:00:00	9:30:00	Phòng 405 - CS Cao Thắng	Phan Thị Kiều	My
2431	1554	GD212DV01	0200	Tin học thiết kế ứng dụng	5	T3T5	7:00:00	9:30:00	Phòng 405 - CS Cao Thắng	Nguyễn Thị Lan	Trúc
2431	1555	GD212DV01	0300	Tin học thiết kế ứng dụng	12	T2T4	9:50:00	12:20:00	Phòng 405 - CS Cao Thắng	Phan Thị Kiều	My
2431	1556	GD212DV01	0400	Tin học thiết kế ứng dụng	3	T3T5	9:50:00	12:20:00	Phòng 405 - CS Cao Thắng	Nguyễn Thị Lan	Trúc
2431	1557	GD212DV01	0500	Tin học thiết kế ứng dụng	4	T3T5	7:00:00	9:30:00	Phòng 605 - CS Cao Thắng	Ngô Hùng	Dũng
2431	1559	GD212DV01	0700	Tin học thiết kế ứng dụng	4	T2T4	9:50:00	12:20:00	Phòng 406 - CS Cao Thắng	Nguyễn Thị Lan	Trúc
2431	1560	GD212DV01	0800	Tin học thiết kế ứng dụng	3	T2T4	13:00:00	15:30:00	Phòng 605 - CS Cao Thắng	Ngô Hùng	Dũng
2431	1561	GD212DV01	0900	Tin học thiết kế ứng dụng	13	T3T5	9:50:00	12:20:00	Phòng 406 - CS Cao Thắng	Phan Thị Kiều	My
2431	2118	GD212DV01	1000	Tin học thiết kế ứng dụng	10	T3T5	7:00:00	9:30:00	Phòng 406 - CS Cao Thắng	Phan Thị Kiều	My
2431	3004	GD212DV01	1100	Tin học thiết kế ứng dụng	2	T4T6	13:00:00	15:30:00	Phòng 406 - CS Cao Thắng	Nguyễn Thị Lan	Trúc
2431	1145	GD304DE01	0100	Script and Storyboard	1	T4	7:50:00	11:30:00	Phòng 704 - CS Cao Thắng	Trịnh Tuấn	Dũng
2431	1146	GD304DE01	0200	Script and Storyboard	2	T4	13:00:00	16:40:00	Phòng 704 - CS Cao Thắng	Trịnh Tuấn	Dũng
2431	1563	GD307DV01	0200	Đồ họa động	11	T5	13:00:00	16:40:00	Phòng 705 - CS Cao Thắng	Võ Anh	Tuấn
2431	1565	GD307DV01	0400	Đồ họa động	6	T3	13:00:00	16:40:00	Phòng 607 - CS Cao Thắng	Võ Anh	Tuấn
2431	1566	GD307DV01	0500	Đồ họa động	2	T4	13:00:00	16:40:00	Phòng 607 - CS Cao Thắng	Võ Anh	Tuấn
2431	1567	GD308DV01	0300	Thiết kế kỹ xảo hình ảnh	1	T2	7:50:00	11:30:00	Phòng 607 - CS Cao Thắng	Lê Đức	Huân
2431	1569	GD310DV01	0100	Thiết kế UI – UX 1	5	T4	7:50:00	11:30:00	Phòng 705 - CS Cao Thắng	Lê Minh	Thành
2431	1570	GD310DV01	0200	Thiết kế UI – UX 1	6	T4	13:00:00	16:40:00	Phòng 705 - CS Cao Thắng	Lê Minh	Thành
2431	1571	GD310DV01	0300	Thiết kế UI – UX 1	3	T6	7:50:00	11:30:00	Phòng 705 - CS Cao Thắng	Lê Minh	Thành
2431	1572	GD310DV01	0400	Thiết kế UI – UX 1	8	T6	13:00:00	16:40:00	Phòng 705 - CS Cao Thắng	Lê Minh	Thành
2431	2096	GD310DV01	0500	Thiết kế UI – UX 1	7	T3	13:00:00	16:40:00	Phòng 705 - CS Cao Thắng	Lê Minh	Thành
2431	2135	GD310DV01	0600	Thiết kế UI – UX 1	1	T5	7:50:00	11:30:00	Phòng 607 - CS Cao Thắng	Lê Minh	Thành
2431	2065	GD401DE01	0100	Project: Design Entrepreneur	16					Trần Thị Nhật	Trâm
2431	2066	GD401DE01	0200	Project: Design Entrepreneur	21					Nguyễn Ngọc Minh	Như
2431	2067	GD401DE01	0300	Project: Design Entrepreneur	24					Nguyễn Ngọc Minh	Như
2431	2103	GD450DV01	0100	Đồ án Tốt nghiệp	160	T2T3T4T5T6	7:00:00	17:30:00		Nguyễn Dương Quý	Anh
2431	1573	GE102DV01	0100	Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 5	5	T4T6	13:00:00	15:30:00	Phòng 025 - CS Thành Thái	Nguyễn Chí	Thành
2431	1574	GE102DV01	0200	Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 5	1	T6	13:00:00	15:30:00	Phòng 026 - CS Thành Thái	Duong Nam	Pham
2431	1575	GE102DV01	0300	Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 5	5	T4	13:00:00	15:30:00	Phòng 027 - CS Thành Thái	Gulmatico Jonald R	Zamora
2431	1576	GE102DV01	0400	Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 5	3	T6	13:00:00	15:30:00	Phòng 028 - CS Thành Thái	Danh Xuong	Van
2431	1577	GE102DV01	0500	Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 5	3	T6	13:00:00	15:30:00	Phòng 029 - CS Thành Thái	Gulmatico Jonald R	Zamora
2431	1578	GE102DV01	0600	Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 5	6	T4T6	9:50:00	12:20:00	Phòng 025 - CS Thành Thái	Nguyễn Chí	Thành

2431	1579	GE102DV01	0700	Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 5	2	T6	9:50:00	12:20:00	Phòng 026 - CS Thành Thái	Duong Nam	Pham
2431	1580	GE102DV01	0800	Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 5	6	T4	9:50:00	12:20:00	Phòng 027 - CS Thành Thái	Gulmatico Jonald R	Zamora
2431	1581	GE102DV01	0900	Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 5	4	T6	9:50:00	12:20:00	Phòng 028 - CS Thành Thái	Danh Xuong	Van
2431	1582	GE102DV01	1000	Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 5	8	T6	9:50:00	12:20:00	Phòng 029 - CS Thành Thái	Nguyễn Tuấn	Minh
2431	1583	GE102DV01	1100	Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 5	1	T4T6	7:00:00	9:30:00	Phòng 025 - CS Thành Thái	Lê Kim	Hòa
2431	1584	GE102DV01	1200	Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 5	6	T6	7:00:00	9:30:00	Phòng 026 - CS Thành Thái	Duong Nam	Pham
2431	1585	GE102DV01	1300	Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 5	6	T4	7:00:00	9:30:00	Phòng 027 - CS Thành Thái	Gulmatico Jonald R	Zamora
2431	1586	GE102DV01	1400	Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 5	3	T6	7:00:00	9:30:00	Phòng 028 - CS Thành Thái	Danh Xuong	Van
2431	1587	GE102DV01	1500	Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 5	9	T4T6	7:00:00	9:30:00	Phòng 029 - CS Thành Thái	Đinh Thị Hồng	Ân
2431	1588	GE102DV01	1600	Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 5	6	T6	7:00:00	9:30:00	Phòng 030 - CS Thành Thái	Nguyễn Tuấn	Minh
2431	1589	GE102DV01	1700	Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 5	1	T7	13:00:00	15:30:00	Phòng 025 - CS Thành Thái	Duong Nam	Pham
2431	1590	GE102DV01	1800	Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 5	8	T5T7	13:00:00	15:30:00	Phòng 026 - CS Thành Thái	Lê Kim	Hòa
2431	1591	GE102DV01	1900	Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 5	4	T5	13:00:00	15:30:00	Phòng 027 - CS Thành Thái	Duong Nam	Pham
2431	1592	GE102DV01	2000	Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 5	2	T7	13:00:00	15:30:00	Phòng 028 - CS Thành Thái	Piad Johnrey	Limpag
2431	1593	GE102DV01	2100	Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 5	6	T7	13:00:00	15:30:00	Phòng 029 - CS Thành Thái	Marianne Caminade	Dignos
2431	1594	GE102DV01	2200	Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 5	1	T5T7	13:00:00	15:30:00	Phòng 030 - CS Thành Thái	Trần Thị Thu	Hiền
2431	1595	GE102DV01	2300	Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 5	11	T5T7	13:00:00	15:30:00	Phòng 031 - CS Thành Thái	Võ Thị Minh	Hạnh
2431	1596	GE102DV01	2400	Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 5	6	T7	9:50:00	12:20:00	Phòng 025 - CS Thành Thái	Robin De	Silva
2431	1597	GE102DV01	2500	Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 5	8	T5	9:50:00	12:20:00	Phòng 026 - CS Thành Thái	Manuel	Inahid
2431	1598	GE102DV01	2600	Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 5	4	T7	9:50:00	12:20:00	Phòng 027 - CS Thành Thái	Manuel	Inahid
2431	1599	GE102DV01	2700	Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 5	3	T5T7	9:50:00	12:20:00	Phòng 028 - CS Thành Thái	Võ Thị Minh	Hạnh
2431	1600	GE102DV01	2800	Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 5	10	T7	7:00:00	9:30:00	Phòng 025 - CS Thành Thái	Manuel	Inahid
2431	1601	GE102DV01	2900	Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 5	7	T5	7:00:00	9:30:00	Phòng 026 - CS Thành Thái	Marianne Caminade	Dignos
2431	1602	GE102DV01	3000	Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 5	4	T7	7:00:00	9:30:00	Phòng 027 - CS Thành Thái	Piad Johnrey	Limpag
2431	1603	GE102DV01	3100	Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 5	6	T5T7	7:00:00	9:30:00	Phòng 028 - CS Thành Thái	Nguyễn Châu Hồng	Liên
2431	1604	GE102DV01	3200	Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 5	9	T5	7:00:00	9:30:00	Phòng 029 - CS Thành Thái	Robin De	Silva
2431	1606	GLAW102DV01	0100	Luật Kinh tế	40	T6	9:50:00	12:20:00	Phòng 604 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Trường	Ngọc
2431	1147	GLAW202DE02	0100	International Trade & Bus. Law	10	T6	7:00:00	9:30:00	Phòng 606 - Nguyễn Văn Tráng	Phạm Dương Hoàng	Phúc
2431	1607	GLAW202DV02	0100	Luật Thương mại & KD Quốc tế	3	T6	9:50:00	12:20:00	Phòng 505 - Nguyễn Văn Tráng	Phạm Dương Hoàng	Phúc
2431	1608	GLAW202DV02	0200	Luật Thương mại & KD Quốc tế	9	T2	13:00:00	15:30:00	Phòng 601 - Nguyễn Văn Tráng	Phạm Dương Hoàng	Phúc
2431	1609	GLAW204DV01	0100	Hệ thống CT & các VB Pháp luật	26	T4	13:00:00	15:30:00	Phòng 024 - CS Thành Thái	Đỗ Thanh	Hương
2431	1610	GLAW204DV01	0200	Hệ thống CT & các VB Pháp luật	9	T3	9:50:00	12:20:00	Phòng 030 - CS Thành Thái	Đào Duy	Tân
2431	1611	GLAW301DV01	0100	Luật vận tải & các công ước QT	31	T5	18:30:00	21:00:00	Phòng 301 - Nguyễn Văn Tráng	Hà Thị Ngọc	Oanh
2431	1612	GLAW301DV01	0200	Luật vận tải & các công ước QT	22	T3	18:30:00	21:00:00	Phòng 301 - Nguyễn Văn Tráng	Hà Thị Ngọc	Oanh
2431	1613	GS109DV02	0100	Thống kê ứng dụng	4	T3	7:00:00	9:30:00	Phòng 108 - CS Quang Trung 2	Phạm Văn	Minh
2431	1615	GS109DV02	0300	Thống kê ứng dụng	2	T3	9:50:00	12:20:00	Phòng 108 - CS Quang Trung 2	Phạm Văn	Minh
2431	1616	GS110DV01	0100	Xác suất Thống kê cho Kỹ sư	27	T6	13:00:00	15:30:00	Phòng 048 - CS Thành Thái	Đặng Công	Tiên
2431	1617	GS110DV01	0200	Xác suất Thống kê cho Kỹ sư	14	T4	7:00:00	9:30:00	Phòng 048 - CS Thành Thái	Nguyễn Lê	Duy
2431	1618	GS110DV01	0300	Xác suất Thống kê cho Kỹ sư	21	T4	9:50:00	12:20:00	Phòng 048 - CS Thành Thái	Nguyễn Lê	Duy
2431	1619	GS110DV01	0400	Xác suất Thống kê cho Kỹ sư	19	T3	13:00:00	15:30:00	Phòng 047 - CS Thành Thái	Đặng Công	Tiên
2431	1620	HAN101DV01	0100	Tiếng Hàn 1	3	T3T5	7:00:00	9:30:00	Phòng 407 - Nguyễn Văn Tráng	Trần Thị Thủy	Hằng
2431	1621	HAN102DV01	0100	Tiếng Hàn 2	2	T3T5	9:50:00	12:20:00	Phòng 407 - Nguyễn Văn Tráng	Trần Thị Thủy	Hằng
2431	1623	HAN103DV01	0100	Tiếng Hàn 3	8	T3T5	13:00:00	15:30:00	Phòng 404 - Nguyễn Văn Tráng	Trần Ngọc Thủy	Tiên
2431	2106	HC450DV01	0100	Thực tập tốt nghiệp	198	T2T3T4T5T6	7:00:00	17:30:00		Nguyễn Quốc	Sĩ
2431	2150	HM204EL01	0100	Industrial placement 2	24	T2T3T4T5T6	7:00:00	17:30:00		Nguyễn Thiên	Trường
2431	1625	HM301DV01	0100	Quản lý Cơ sở vật chất KS-NH	9	T2	9:50:00	12:20:00	Phòng 117 - CS Quang Trung 2	Nguyễn Thành	Nam
2431	1151	HM302DE01	0200	HR Development in Hospi&Tours	6	T7	13:00:00	15:30:00	Phòng 307 - Nguyễn Văn Tráng	Trần Hải	Đặng
2431	1152	HM305DE01	0100	Front Office Managament	9	T4	7:50:00	11:30:00	Phòng 117 - CS Quang Trung 2	Trần Việt	Vương
2431	1153	HM305DE01	0101	Front Office Managament	7	T4	13:00:00	16:40:00	Phòng 011 - CS Quang Trung 2	Trần Việt	Vương

2431	1154	HM305DE01	0102	Front Office Managament	2	T4	7:50:00	11:30:00	Phòng 011 - CS Quang Trung 2	Trần Việt	Vương
2431	1155	HM305DE01	0200	Front Office Managament	2	T2	7:50:00	11:30:00	Phòng 204 - CS Quang Trung 2	Nguyễn Thiên	Trường
2431	1156	HM305DE01	0201	Front Office Managament	2	T2	7:50:00	11:30:00	Phòng 013 - CS Quang Trung 2	Nguyễn Thiên	Trường
2431	2070	HM307EL01	0100	Industrial placement 3	14	T2T3T4T5T6	7:00:00	17:30:00		Nguyễn Thiên	Trường
2431	1158	HM308DE01	0100	Hospitality Sales Coach	2	T3	7:00:00	9:30:00	Phòng 506 - Nguyễn Văn Tráng	Ngô Tuyết Diễm	Khánh
2431	1159	HM308DE01	0200	Hospitality Sales Coach	5	T5	9:50:00	12:20:00	Phòng 506 - Nguyễn Văn Tráng	Ngô Tuyết Diễm	Khánh
2431	1160	HM309DE01	0100	Contemporary Issues in HI	8	T7	9:50:00	12:20:00	Phòng 504 - Nguyễn Văn Tráng	Vòng Chánh	Kiều
2431	1161	HM401DE01	0100	Man. Skills&Leadership in Hos.	1	T4	13:00:00	15:30:00	Phòng 305 - Nguyễn Văn Tráng	Võ Thị	Nga
2431	1162	HM401DE01	0200	Man. Skills&Leadership in Hos.	12	T4	15:50:00	18:20:00	Phòng 305 - Nguyễn Văn Tráng	Võ Thị	Nga
2431	1626	HM402DV01	0100	Tài chính trong KSNH	11	T3	9:50:00	12:20:00	Phòng 022 - CS Thành Thái	Mai Thị Thùy	Trang
2431	1164	HM404DE01	0100	Room Division Management	18	T6	7:00:00	9:30:00	Phòng 020 - CS Thành Thái	Trần Việt	Vương
2431	1627	HM450DV01	0100	Thực tập tốt nghiệp	124	T2T3T4T5T6	13:00:00	17:30:00		Ngô Tuyết Diễm	Khánh
2431	1387	HM451EL01	0100	Graduation Report	18	T2T3T4T5T6	13:00:00	17:30:00		Nguyễn Thiên	Trường
2431	1165	HRM203DE01	0100	Human Resource Management	1	T5	9:50:00	12:20:00	Phòng 301 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Ngọc	Uyên
2431	1166	HRM203DE01	0200	Human Resource Management	22	T6	15:50:00	18:20:00	Phòng 301 - Nguyễn Văn Tráng	Lê Trần Tuấn	Anh
2431	1167	HRM203DE01	0300	Human Resource Management	11	T3	13:00:00	15:30:00	Phòng 401 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Thùy	Giang
2431	1168	HRM203DE01	0400	Human Resource Management	4	T5	13:00:00	15:30:00	Phòng 402 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Ngọc	Uyên
2431	2101	HRM203DE01	0500	Human Resource Management	5	T4	9:50:00	12:20:00	Phòng 401 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Quốc	Sĩ
2431	1628	HRM203DV01	0200	Quản trị Nhân sự	11	T6	9:50:00	12:20:00	Phòng 106 - CS Quang Trung 2	Nguyễn Thanh	Vân
2431	1629	HRM203DV01	0300	Quản trị Nhân sự	40	T6	7:00:00	9:30:00	Phòng 106 - CS Quang Trung 2	Nguyễn Thanh	Vân
2431	1169	HRM204DE01	0100	Corporate Culture	5	T4	9:50:00	12:20:00	Phòng 302 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Ngọc	Uyên
2431	1630	HRM302DV01	0100	Lương, Thưởng và Phúc lợi	30	T2	13:00:00	15:30:00	Phòng 504 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Thị	Bê
2431	1170	HRM305DE01	0100	Performance Management	8	T6	13:00:00	15:30:00	Phòng 301 - Nguyễn Văn Tráng	Lê Trần Tuấn	Anh
2431	1171	HRM306DE01	0100	Labor Relations	8	T3	9:50:00	12:20:00	Phòng 301 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Thùy	Giang
2431	2126	HRM307DV01	0100	Tâm lý học nhân sự	36	T5	7:00:00	9:30:00	Phòng 023 - CS Thành Thái	Nguyễn Thanh	Vân
2431	1631	HRM308DV01	0100	Kinh tế nguồn Nhân lực	27	T3	15:50:00	18:20:00	Phòng 302 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Thị	Bê
2431	1172	HRM310DE01	0100	Recruitment and Selection	12	T4	9:50:00	12:20:00	Phòng 603 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Thùy	Giang
2431	1174	HRM404DE01	0100	Strategic Human Resource Manag	25	T3	13:00:00	15:30:00	Phòng 503 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Thị	Bê
2431	1632	HRM450DV01	0100	Thực tập Tốt nghiệp	162	T2T3T4T5T6	13:00:00	17:30:00		Nguyễn Quốc	Sĩ
2431	1176	IB201DE02	0100	International Trade	2	T2	9:50:00	12:20:00	Phòng 507 - Nguyễn Văn Tráng	Lê Đức	Nhã
2431	1177	IB201DE02	0200	International Trade	16	T2	13:00:00	15:30:00	Phòng 501 - Nguyễn Văn Tráng	Lê Đức	Nhã
2431	1636	IB201DV02	0200	Thương mại quốc tế	1	T3	9:50:00	12:20:00	Phòng 023 - CS Thành Thái	Lê Đức	Nhã
2431	1637	IB202DV01	0100	Hội nhập & các Cam kết Quốc tế	1	T7	13:00:00	15:30:00	Phòng 601 - Nguyễn Văn Tráng	Hà Thị Ngọc	Oanh
2431	1178	IB301DE01	0100	International Investment	15	T4	7:00:00	9:30:00	Phòng 602 - Nguyễn Văn Tráng	Nguy Thị Sao	Chi
2431	1638	IB301DV01	0100	Đầu tư Quốc tế	9	T5	9:50:00	12:20:00	Phòng 507 - Nguyễn Văn Tráng	Tô Thị Tú	Trang
2431	1639	IB301DV01	0600	Đầu tư Quốc tế	1	T2	13:00:00	15:30:00	Phòng 407 - Nguyễn Văn Tráng	Tô Thị Tú	Trang
2431	1640	IB301DV01	0700	Đầu tư Quốc tế	22	T2	15:50:00	18:20:00	Phòng 407 - Nguyễn Văn Tráng	Tô Thị Tú	Trang
2431	1179	IB303DE01	0100	Franchising	8	T4	13:00:00	15:30:00	Phòng 502 - Nguyễn Văn Tráng	Trần	Phong
2431	1642	IB303DV01	0100	Nhượng quyền Kinh doanh	3	T6	15:50:00	18:20:00	Phòng 505 - Nguyễn Văn Tráng	Vũ Hải	Nam
2431	1643	IB303DV01	0200	Nhượng quyền Kinh doanh	25	T4	15:50:00	18:20:00	Phòng 502 - Nguyễn Văn Tráng	Trần	Phong
2431	2078	IB304DV01	0100	Đề án chuyên ngành	206					Vũ Hải	Nam
2431	2149	IB304DV01	0200	Đề án chuyên ngành	109					Châu Thị Kiều	Phương
2431	1644	IB305DV01	0100	Nghị quyết vụ Ngoại thương	31	T2	9:50:00	12:20:00	Phòng 601 - Nguyễn Văn Tráng	Tô Thị Tú	Trang
2431	1180	IB306DE01	0100	International Payment	3	T5	9:50:00	12:20:00	Phòng 405 - Nguyễn Văn Tráng	Nguy Thị Sao	Chi
2431	1181	IB306DE01	0200	International Payment	7	T3	13:00:00	15:30:00	Phòng 505 - Nguyễn Văn Tráng	Nguy Thị Sao	Chi
2431	1645	IB306DV01	0100	Thanh toán Quốc tế	23	T5	13:00:00	15:30:00	Phòng 301 - Nguyễn Văn Tráng	Tô Thị Tú	Trang
2431	1646	IB308DV01	0100	Thị trường đầu tư quốc tế	17	T2	13:00:00	15:30:00	Phòng 502 - Nguyễn Văn Tráng	Trường Đơn	vị
2431	1647	IB309DV01	0100	Đàm phán & HĐ kinh doanh QT	11	T3	9:50:00	12:20:00	Phòng 503 - Nguyễn Văn Tráng	Nguy Thị Sao	Chi
2431	1182	IB401DE01	0100	International Business Managem	13	T4	9:50:00	12:20:00	Phòng 507 - Nguyễn Văn Tráng	Lê Đức	Nhã

2431	1183	IB401DE01	0400	International Business Managem	19	T3	7:00:00	9:30:00	Phòng 502 - Nguyễn Văn Tráng	Nguy Thị Sao	Chi
2431	1184	IB401DE01	0500	International Business Managem	9	T4	13:00:00	15:30:00	Phòng 407 - Nguyễn Văn Tráng	Lê Đức	Nhã
2431	1648	IB401DV01	0100	Quản trị Kinh doanh Quốc tế	3	T7	13:00:00	15:30:00	Phòng 401 - Nguyễn Văn Tráng	Vũ Hải	Nam
2431	1649	IB401DV01	0200	Quản trị Kinh doanh Quốc tế	13	T7	15:50:00	18:20:00	Phòng 401 - Nguyễn Văn Tráng	Vũ Hải	Nam
2431	2104	IB402DE01	0100	Import-Export Management	11	T4	9:50:00	12:20:00	Phòng 404 - CS Cao Thắng	Nguy Thị Sao	Chi
2431	1650	IB402DV01	0100	Quản trị Xuất Nhập Khẩu	4	T5	7:00:00	9:30:00	Phòng 507 - Nguyễn Văn Tráng	Tô Thị Tú	Trang
2431	1651	IB402DV01	0200	Quản trị Xuất Nhập Khẩu	2	T4	18:30:00	21:00:00	Phòng 504 - Nguyễn Văn Tráng	Tô Thị Tú	Trang
2431	1652	IB450DV01	0100	Thực tập Tốt nghiệp	82	T2T3T4T5T6	13:00:00	17:30:00		Lê Đức	Nhã
2431	2148	IB451DV01	0100	Khóa luận tốt nghiệp	99	T2T3T4T5T6	7:00:00	17:30:00		Lê Đức	Nhã
2431	1185	ILAW302DE01	0100	International Private	7	T6	9:50:00	12:20:00	Phòng 601 - Nguyễn Văn Tráng	Trưởng Đơn	vị
2431	1186	ILAW306DE01	0100	Laws on International Payment	23	T3	9:50:00	12:20:00	Phòng 303 - Nguyễn Văn Tráng	Trưởng Đơn	vị
2431	1653	ILAW308DV01	0100	Pháp luật về Nhượng quyền TMQT	20	T4	9:50:00	12:20:00	Phòng 504 - Nguyễn Văn Tráng	Trưởng Đơn	vị
2431	1654	ILAW401DV01	0100	Luật Đầu tư	20	T5	15:50:00	18:20:00	Phòng 405 - Nguyễn Văn Tráng	Phạm Dương Hoàng	Phúc
2431	1655	ILAW402DV01	0100	Trọng tài thương mại quốc tế	17	T2	15:50:00	18:20:00	Phòng 305 - Nguyễn Văn Tráng	Phạm Dương Hoàng	Phúc
2431	1656	IT201DV01	0100	Cơ sở Dữ liệu	5	T5	7:00:00	8:40:00	Phòng 204 - CS Quang Trung 2	Võ Thị Thu	Hà
2431	1657	IT201DV01	0101	Cơ sở Dữ liệu	5	T5	10:40:00	12:20:00	Phòng 215 - CS Quang Trung 2	Võ Thị Thu	Hà
2431	1661	IT205DV01	0100	Thực hành Công nghệ Thông tin3	1	T4	9:50:00	11:30:00	Phòng 039 - CS Thành Thái	Trần Thị Trường	Thi
2431	1668	IT208DV01	0100	PT, TK&PT HT hướng đối tượng	18	T4	13:00:00	15:30:00	e-Learning 010	Nguyễn Văn	Son
2431	1669	IT208DV01	0101	PT, TK&PT HT hướng đối tượng	6	T3	13:00:00	15:30:00	Phòng 037 - CS Thành Thái	Nguyễn Văn	Son
2431	1670	IT208DV01	0102	PT, TK&PT HT hướng đối tượng	12	T3	15:50:00	18:20:00	Phòng 037 - CS Thành Thái	Nguyễn Văn	Son
2431	1671	IT208DV01	0200	PT, TK&PT HT hướng đối tượng	13	T7	9:50:00	12:20:00	Phòng 031 - CS Thành Thái	Phạm Thị Kim	Ngôn
2431	1672	IT208DV01	0201	PT, TK&PT HT hướng đối tượng	8	T7	13:00:00	15:30:00	Phòng 039 - CS Thành Thái	Phạm Thị Kim	Ngôn
2431	1673	IT208DV01	0202	PT, TK&PT HT hướng đối tượng	5	T7	15:50:00	18:20:00	Phòng 039 - CS Thành Thái	Phạm Thị Kim	Ngôn
2431	1674	IT208DV01	0300	PT, TK&PT HT hướng đối tượng	18	T5	9:50:00	12:20:00	e-Learning 001	Nguyễn Bá	Trung
2431	1675	IT208DV01	0301	PT, TK&PT HT hướng đối tượng	6	T2	13:00:00	15:30:00	Phòng 038 - CS Thành Thái	Nguyễn Bá	Trung
2431	1676	IT208DV01	0302	PT, TK&PT HT hướng đối tượng	12	T2	15:50:00	18:20:00	Phòng 038 - CS Thành Thái	Nguyễn Bá	Trung
2431	1677	IT208DV01	0400	PT, TK&PT HT hướng đối tượng	10	T5	9:50:00	12:20:00	Phòng 029 - CS Thành Thái	Trần Thị Trường	Thi
2431	1678	IT208DV01	0401	PT, TK&PT HT hướng đối tượng	5	T5	13:00:00	15:30:00	Phòng 039 - CS Thành Thái	Trần Thị Trường	Thi
2431	1679	IT208DV01	0402	PT, TK&PT HT hướng đối tượng	5	T5	15:50:00	18:20:00	Phòng 039 - CS Thành Thái	Trần Thị Trường	Thi
2431	1187	IT305DE01	0100	Interaction Design	32	T7	13:00:00	14:40:00	Phòng 038 - CS Thành Thái	Lê Thanh	Tùng
2431	1188	IT305DE01	0101	Interaction Design	2	T7	14:40:00	16:40:00	Phòng 038 - CS Thành Thái	Lê Thanh	Tùng
2431	1190	IT306DE01	0100	Emerging Technologies	6	T5	7:00:00	9:30:00	Phòng 024 - CS Thành Thái	Nguyễn Ngọc	Tú
2431	1681	IT314DV01	0100	KT phát triển kho dữ liệu	32	T4	9:50:00	12:20:00	Phòng 105 - CS Quang Trung 2	Võ Thị Thu	Hà
2431	2097	IT450DV01	0100	Thực tập Tốt nghiệp	170	T2T3T4T5T6	7:00:00	17:30:00		Trang Hồng	Son
2431	2152	IT451DV01	0100	Khóa luận Tốt nghiệp	23	T2T3T4T5T6	7:00:00	17:30:00		Trang Hồng	Son
2431	2976	JPS105DV01	0100	ĐAI Ứng dụng Nhật Bản học	199					Trần Thị Cẩm	Tú
2431	1682	JPS401DV01	0100	Tiếng Nhật 7	12	T7	7:00:00	9:30:00	Phòng 304 - Nguyễn Văn Tráng	Trần Thị Ngọc	Thúy
2431	1683	JPS402DV02	0100	Lịch sử Nhật Bản	14	T6	7:00:00	9:30:00	Phòng 304 - Nguyễn Văn Tráng	Trưởng Đơn	vị
2431	1684	JPS450DV01	0100	Thực tập tốt nghiệp	23	T2T3T4T5T6	13:00:00	17:30:00		Trần Thị Cẩm	Tú
2431	1686	KT204DV02	0100	Nguyên lý Kế toán	5	T6	13:00:00	15:30:00	Phòng 044 - CS Thành Thái	Lê Thị Bích	Thảo
2431	1687	KT204DV02	1000	Nguyên lý Kế toán	7	T6	15:50:00	18:20:00	Phòng 043 - CS Thành Thái	Lê Thị Bích	Thảo
2431	1688	KT204DV02	1100	Nguyên lý Kế toán	8	T3	7:00:00	9:30:00	Phòng 047 - CS Thành Thái	Lê Thị Bích	Thảo
2431	1689	KT204DV02	1200	Nguyên lý Kế toán	13	T3	9:50:00	12:20:00	Phòng 003 - CS Thành Thái	Lê Thị Bích	Thảo
2431	1690	KT204DV02	1300	Nguyên lý Kế toán	7	T4	7:00:00	9:30:00	Hội trường 302 - CS Thành Thái	Lê Thị Bích	Thảo
2431	1691	KT204DV02	1400	Nguyên lý Kế toán	6	T6	7:00:00	9:30:00	Phòng 022 - CS Thành Thái	Lê Thị Bích	Thảo
2431	1692	KT204DV02	1500	Nguyên lý Kế toán	5	T6	13:00:00	15:30:00	Phòng 022 - CS Thành Thái	Đinh Thanh	Lan
2431	1693	KT204DV02	1600	Nguyên lý Kế toán	5	T6	15:50:00	18:20:00	Phòng 022 - CS Thành Thái	Đinh Thanh	Lan
2431	1694	KT204DV02	1700	Nguyên lý Kế toán	5	T2	9:50:00	12:20:00	Phòng 049 - CS Thành Thái	Bùi Phương	Uyên
2431	1695	KT204DV02	1800	Nguyên lý Kế toán	6	T4	13:00:00	15:30:00	Phòng 049 - CS Thành Thái	Bùi Phương	Uyên

2431	1697	KT204DV02	2000	Nguyên lý Kế toán	14	T4	9:50:00	12:20:00	Phòng 047 - CS Thành Thái	Bùi Phương	Uyên
2431	1698	KT204DV02	2100	Nguyên lý Kế toán	9	T3	7:00:00	9:30:00	Phòng 023 - CS Thành Thái	Mai Thị Thùy	Trang
2431	1699	KT204DV02	2200	Nguyên lý Kế toán	7	T4	9:50:00	12:20:00	Phòng 049 - CS Thành Thái	Mai Thị Thùy	Trang
2431	1700	KT204DV02	2300	Nguyên lý Kế toán	19	T4	7:00:00	9:30:00	Phòng 049 - CS Thành Thái	Mai Thị Thùy	Trang
2431	1701	KT204DV02	2400	Nguyên lý Kế toán	11	T4	9:50:00	12:20:00	Phòng 003 - CS Thành Thái	Trần Thị Hoàng	Phượng
2431	1702	KT204DV02	2500	Nguyên lý Kế toán	19	T4	7:00:00	9:30:00	Phòng 003 - CS Thành Thái	Trần Thị Hoàng	Phượng
2431	1703	KT204DV02	2600	Nguyên lý Kế toán	10	T5	7:00:00	9:30:00	Phòng 003 - CS Thành Thái	Đinh Thanh	Lan
2431	1704	KT204DV02	2700	Nguyên lý Kế toán	2	T5	9:50:00	12:20:00	Phòng 003 - CS Thành Thái	Đinh Thanh	Lan
2431	1705	KT204DV02	2800	Nguyên lý Kế toán	3	T4	15:50:00	18:20:00	Phòng 049 - CS Thành Thái	Phùng Thế	Vinh
2431	1706	KT204DV02	2900	Nguyên lý Kế toán	16	T4	9:50:00	12:20:00	Phòng 023 - CS Thành Thái	Đinh Thanh	Lan
2431	1194	KT210DE02	0100	Financial accounting 1 (IA1)	27	T5	13:00:00	16:40:00	Phòng 302 - Nguyễn Văn Tráng	Bùi Phương	Uyên
2431	1195	KT212DE02	0100	Taxation	18	T3	7:00:00	9:30:00	Phòng 112 - CS Quang Trung 2	Phùng Thế	Vinh
2431	1196	KT303DE01	0100	Accounting Information System	19	T5	7:00:00	9:30:00	Phòng 218 - CS Quang Trung 2	Trần Thị Hoàng	Phượng
2431	2109	KT303DV01	0100	Hệ thống thông tin kế toán	27	T3	9:50:00	12:20:00	Phòng 033 - CS Thành Thái	Trần Thị Hoàng	Phượng
2431	1710	KT304DV04	0100	Kế toán Tài chính Việt Nam 2	36	T5	9:50:00	12:20:00	Phòng 102 - CS Quang Trung 2	Trần Thị Hoàng	Phượng
2431	1198	KT307DE02	0100	Digital Accounting Software	7	T5	7:00:00	9:30:00	Phòng 216 - CS Quang Trung 2	Phùng Thế	Vinh
2431	1200	KT309DE02	0100	Auditing & assurance service 1	7	T6	7:00:00	9:30:00	Phòng 303 - Nguyễn Văn Tráng	Đỗ Thị Lệ	Thu
2431	1201	KT310DE01	0100	Mngment Accounting&Decision 1	11	T4	7:00:00	9:30:00	Phòng 024 - CS Thành Thái	Bùi Phương	Uyên
2431	1711	KT402DV01	0100	Kế toán Ngân hàng	10	T4	15:50:00	18:20:00	Phòng 301 - Nguyễn Văn Tráng	Đỗ Thị Hồng	Hà
2431	2124	KT405DE01	0100	Project:Auditing Process on FR	170					Lê Thị Bích	Thảo
2431	1712	KT408DV02	0100	Kế toán Quốc tế 2	28	T7	13:00:00	16:40:00	Phòng 024 - CS Thành Thái	Bùi Phương	Uyên
2431	2140	KT450DE01	0100	Graduation Internship	29	T2T3T4T5T6	13:00:00	17:30:00		Đỗ Thị Lệ	Thu
2431	2133	KT450DV01	0100	Thực tập Tốt nghiệp	194	T2T3T4T5T6	7:00:00	17:30:00		Đỗ Thị Lệ	Thu
2431	1713	LAW108DV01	0100	Luật Thuế	17	T7	9:50:00	12:20:00	Phòng 301 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Huỳnh	Hiệp
2431	1714	LAW109DV01	0100	Luật Hình sự & Luật TT Hình sự	19	T6	13:00:00	15:30:00	Phòng 307 - Nguyễn Văn Tráng	Huỳnh Thị Yến	Nguyệt
2431	1208	LAW112DE01	0200	Laws on Com. Entities & Bank.	5	T4	13:00:00	15:30:00	Phòng 601 - Nguyễn Văn Tráng	Trưởng Đơn	vị
2431	1715	LAW115DV01	0100	Luật Hành chính&Luật Hình sự	9	T5	13:00:00	15:30:00	Phòng 023 - CS Thành Thái	Nguyễn Hoài	Nam
2431	1716	LAW203DV01	0100	Pháp luật về Bảo đảm Nghĩa vụ	3	T7	13:00:00	15:30:00	Phòng 301 - Nguyễn Văn Tráng	Trưởng Đơn	vị
2431	1209	LAW204DE01	0100	Advanced Contract	5	T2	9:50:00	12:20:00	Phòng 405 - Nguyễn Văn Tráng	Trưởng Đơn	vị
2431	1717	LAW206DV01	0100	Luật Sở hữu Trí tuệ	36	T2	7:00:00	9:30:00	Phòng 601 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Thị Lâm	Nghi
2431	1719	LAW210DV01	0100	Luật Dân sự I	10	T3	7:00:00	9:30:00	Phòng 044 - CS Thành Thái	Đào Duy	Tân
2431	1720	LE101DV01	0100	Phương pháp Học Đại học	1	T2	13:00:00	15:30:00	Hội trường 302 - CS Thành Thái	Nguyễn Thị	Tịnh
2431	1721	LE101DV01	0200	Phương pháp Học Đại học	4	T2	15:50:00	18:20:00	Hội trường 302 - CS Thành Thái	Nguyễn Thị	Tịnh
2431	1722	LE103DV01	0100	Giới & Phát triển tại Việt Nam	5	T6	13:00:00	15:30:00	Hội trường 302 - CS Thành Thái	Doãn Thị	Ngọc
2431	1723	LE103DV01	0200	Giới & Phát triển tại Việt Nam	18	T6	15:50:00	18:20:00	Hội trường 302 - CS Thành Thái	Doãn Thị	Ngọc
2431	1724	LE103DV01	0300	Giới & Phát triển tại Việt Nam	3	T3	13:00:00	15:30:00	Phòng 406 - Nguyễn Văn Tráng	Doãn Thị	Ngọc
2431	1726	LE131DV01	0100	Kỹ năng hội nhập quốc tế	5	T5	13:00:00	15:30:00	Phòng 406 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Thị	Tịnh
2431	1727	LE202DV01	0100	Tư duy Phân biện	45	T7	7:00:00	9:30:00	Hội trường 302 - CS Thành Thái	Nguyễn Hoàng	Tuấn
2431	1728	LE202DV01	0200	Tư duy Phân biện	35	T3	7:00:00	9:30:00	Hội trường 302 - CS Thành Thái	Nguyễn Hoàng	Tuấn
2431	1729	LE202DV01	0400	Tư duy Phân biện	3	T3	9:50:00	12:20:00	Hội trường 302 - CS Thành Thái	Nguyễn Hoàng	Tuấn
2431	1730	LE202DV01	0500	Tư duy Phân biện	20	T7	9:50:00	12:20:00	Hội trường 302 - CS Thành Thái	Nguyễn Hoàng	Tuấn
2431	1733	LE208DV01	0100	Giao tiếp liên Văn hoá	9	T7	7:00:00	9:30:00	Phòng 406 - Nguyễn Văn Tráng	Doãn Thị	Ngọc
2431	1734	LE208DV01	0200	Giao tiếp liên Văn hoá	2	T7	9:50:00	12:20:00	Phòng 406 - Nguyễn Văn Tráng	Doãn Thị	Ngọc
2431	1735	LG201DV01	0100	Quản trị Nhà kho và Tồn kho	25	T2	13:00:00	15:30:00	Phòng 024 - CS Thành Thái	Phạm Lệ	Dung
2431	1211	LG202DE01	0100	Logistics	4	T5	7:00:00	9:30:00	Phòng 502 - Nguyễn Văn Tráng	Phạm Lệ	Dung
2431	1212	LG203DE01	0100	Procurement Management	25	T3	7:00:00	9:30:00	Phòng 405 - Nguyễn Văn Tráng	Đặng Huỳnh Anh	Duy
2431	1736	LG203DV01	0100	Quản trị Thu mua	4	T4	7:00:00	9:30:00	Phòng 505 - Nguyễn Văn Tráng	Đặng Huỳnh Anh	Duy
2431	1213	LG205DE01	0100	Warehouse & IM (FIATA)	5	T4	15:50:00	18:20:00	Phòng 405 - Nguyễn Văn Tráng	Phạm Lệ	Dung
2431	1214	LG206DE01	0100	Principles of Logistics & SCM	6	T5	9:50:00	12:20:00	Phòng 505 - Nguyễn Văn Tráng	Đặng Huỳnh Anh	Duy

2431	1215	LG206DE01	0200	Principles of Logistics & SCM	7	T5	7:00:00	9:30:00	Phòng 505 - Nguyễn Văn Tráng	Đặng Huỳnh Anh	Duy
2431	1737	LG301DV01	0100	Vận tải và Bảo hiểm Quốc tế	2	T2	7:00:00	9:30:00	Phòng 306 - Nguyễn Văn Tráng	Châu Thị Kiều	Phương
2431	1738	LG303DV01	0100	QL và Khai thác Cảng biển	5	T2	9:50:00	12:20:00	Phòng 501 - Nguyễn Văn Tráng	Đặng Huỳnh Anh	Duy
2431	1739	LG304DV01	0100	Hệ thống Thông tin Logistics	28	T5	15:50:00	18:20:00	Phòng 401 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Phương	Liên
2431	1217	LG305DE01	0100	International Transport	25	T6	7:00:00	9:30:00	Phòng 407 - Nguyễn Văn Tráng	Đặng Huỳnh Anh	Duy
2431	1740	LG305DV01	0100	Vận tải Quốc tế	2	T3	9:50:00	12:20:00	Phòng 405 - Nguyễn Văn Tráng	Đặng Huỳnh Anh	Duy
2431	1745	LG306DV01	0300	Giao nhận HH và khai báo HQ	7	T4	9:50:00	12:20:00	Phòng 502 - Nguyễn Văn Tráng	Châu Thị Kiều	Phương
2431	1746	LG306DV01	0301	Giao nhận HH và khai báo HQ	7	T4	9:50:00	12:20:00		Châu Thị Kiều	Phương
2431	1747	LG308DV01	0100	Vận tải thủy	31	T2	13:00:00	15:30:00	Phòng 405 - Nguyễn Văn Tráng	Châu Thị Kiều	Phương
2431	1748	LG309DV01	0100	Hàng hóa & BH trong VTQT	17	T5	9:50:00	12:20:00	Phòng 502 - Nguyễn Văn Tráng	Phạm Lệ	Dung
2431	1219	LG312DE01	0300	Forwarder and Customs (FIATA)	17	T4	7:00:00	9:30:00	Phòng 507 - Nguyễn Văn Tráng	Trần Thị Trúc	Lan
2431	1220	LG312DE01	0301	Forwarder and Customs (FIATA)	17	T4	7:00:00	9:30:00		Trần Thị Trúc	Lan
2431	1221	LG316DE01	0100	Logistics Inform Sys (FIATA)	1	T5	13:00:00	15:30:00	Phòng 401 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Phương	Liên
2431	1749	LG318DV01	0100	Vận tải hàng hóa nguy hiểm	12	T2	9:50:00	12:20:00	Phòng 407 - Nguyễn Văn Tráng	Châu Thị Kiều	Phương
2431	3011	LG321DE01	0200	Aviation Logistics (FIATA)	30	T4	18:30:00	21:00:00	Phòng 405 - Nguyễn Văn Tráng	Phạm Lệ	Dung
2431	2080	LG322DV01	0100	Đề án chuyên ngành Logistics	184					Châu Thị Kiều	Phương
2431	1750	LG450DV01	0100	Thực tập tốt nghiệp	123	T2T3T4T5T6	13:00:00	17:30:00		Phạm Lệ	Dung
2431	1751	MIS102DV01	0100	Nhập môn Hệ thống Thông tin QL	1	T4	9:50:00	12:20:00	Phòng 216 - CS Quang Trung 2	Nguyễn Thị Thanh	Tâm
2431	1752	MIS102DV01	0200	Nhập môn Hệ thống Thông tin QL	3	T2	7:00:00	9:30:00	Phòng 216 - CS Quang Trung 2	Nguyễn Thị Thanh	Tâm
2431	1753	MIS102DV01	0300	Nhập môn Hệ thống Thông tin QL	1	T2	9:50:00	12:20:00	Phòng 216 - CS Quang Trung 2	Nguyễn Thị Thanh	Tâm
2431	1754	MIS102DV01	0400	Nhập môn Hệ thống Thông tin QL	3	T4	13:00:00	15:30:00	Phòng 215 - CS Quang Trung 2	Phạm Thị Thanh	Tâm
2431	1755	MIS102DV01	0500	Nhập môn Hệ thống Thông tin QL	1	T4	15:50:00	18:20:00	Phòng 215 - CS Quang Trung 2	Phạm Thị Thanh	Tâm
2431	1756	MIS103DV02	0100	Nhập môn Cơ sở Dữ liệu	8	T6	9:50:00	12:20:00	Phòng 039 - CS Thành Thái	Trần Thị Trường	Thi
2431	2129	MIS203DV01	0200	Thiết kế Web và Đồ họa	8	T5	13:00:00	15:30:00	Phòng 037 - CS Thành Thái	Phạm Thị Kim	Ngôn
2431	2146	MIS214DV01	0100	Phân tích định lượng	19	T5	9:50:00	12:20:00	Phòng 043 - CS Thành Thái	Bùi Ngọc	Lê
2431	1758	MIS215DV01	0100	TH ứng dụng khối ngành Kinh tế	3	T2	13:00:00	15:30:00	Phòng 215 - CS Quang Trung 2	Trần Thùy	Nhiên
2431	1759	MIS215DV01	0200	TH ứng dụng khối ngành Kinh tế	6	T2	15:50:00	18:20:00	Phòng 215 - CS Quang Trung 2	Trần Thùy	Nhiên
2431	1760	MIS215DV01	0300	TH ứng dụng khối ngành Kinh tế	2	T5	7:00:00	9:30:00	Phòng 038 - CS Thành Thái	Bùi Ngọc	Lê
2431	1761	MIS215DV01	0400	TH ứng dụng khối ngành Kinh tế	4	T3	7:00:00	9:30:00	Phòng 038 - CS Thành Thái	Nguyễn Thị Thanh	Thanh
2431	1762	MIS215DV01	0500	TH ứng dụng khối ngành Kinh tế	2	T3	9:50:00	12:20:00	Phòng 038 - CS Thành Thái	Nguyễn Thị Thanh	Thanh
2431	1763	MIS215DV01	0700	TH ứng dụng khối ngành Kinh tế	3	T4	13:00:00	15:30:00	Phòng 216 - CS Quang Trung 2	Nguyễn Ngọc Như	Hằng
2431	1764	MIS216DV02	0100	THUD khối ngành Du lịch	2	T4	7:00:00	9:30:00	Phòng 216 - CS Quang Trung 2	Nguyễn Thị Thanh	Tâm
2431	2081	MIS304DV02	0100	Đồ án Chuyên ngành HTTT	12					Nguyễn Thị Thanh	Tâm
2431	1765	MIS308DV02	0100	HTTT Quản lý chuỗi cung ứng	44	T2	13:00:00	15:30:00	Phòng 201 - CS Quang Trung 2	Phạm Thị Thanh	Tâm
2431	1223	MIS404DE02	0100	Strategic Development of BIS	22	T4	7:00:00	9:30:00	Phòng 407 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Thị Thanh	Thanh
2431	2082	MIS490DV01	0100	Thực tập Tốt nghiệp	196	T2T3T4T5T6	7:00:00	17:30:00		Nguyễn Thị Thanh	Thanh
2431	1224	MK202DE02	0100	Customer Behavior	4	T2	7:00:00	9:30:00	Phòng 402 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Quốc	Sĩ
2431	1225	MK202DE02	0200	Customer Behavior	2	T2	9:50:00	12:20:00	Phòng 402 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Quốc	Sĩ
2431	1766	MK202DV02	0100	Hành vi khách hàng	3	T2	9:50:00	12:20:00	Phòng 306 - Nguyễn Văn Tráng	Đinh Như	Ý
2431	1767	MK202DV02	0200	Hành vi khách hàng	4	T6	7:00:00	9:30:00	Phòng 501 - Nguyễn Văn Tráng	Mai Thị Thùy	Trang
2431	1226	MK203DE01	0100	Introduction to Marketing	13	T3	7:00:00	9:30:00	Phòng 601 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Quốc	Sĩ
2431	1227	MK203DE01	0200	Introduction to Marketing	4	T3	9:50:00	12:20:00	Phòng 601 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Quốc	Sĩ
2431	1768	MK203DV01	0100	Marketing Căn bản	12	T2	9:50:00	12:20:00	Phòng 047 - CS Thành Thái	Phan Minh	Tuấn
2431	1769	MK203DV01	0200	Marketing Căn bản	5	T2	13:00:00	15:30:00	Phòng 023 - CS Thành Thái	Trần Ngọc	Quỳnh
2431	1770	MK203DV01	0400	Marketing Căn bản	9	T2	7:00:00	9:30:00	Phòng 049 - CS Thành Thái	Trần Ngọc	Quỳnh
2431	1771	MK203DV01	0500	Marketing Căn bản	8	T7	13:00:00	15:30:00	Phòng 003 - CS Thành Thái	Nguyễn Thanh	Vân
2431	1772	MK203DV01	0600	Marketing Căn bản	9	T4	15:50:00	18:20:00	Phòng 047 - CS Thành Thái	Trương Đơn	vị
2431	1773	MK203DV01	0700	Marketing Căn bản	7	T5	7:00:00	9:30:00	Phòng 022 - CS Thành Thái	Nguyễn Minh	Trưởng
2431	1774	MK203DV01	0800	Marketing Căn bản	6	T5	13:00:00	15:30:00	Phòng 022 - CS Thành Thái	Nguyễn Thị	Duyên

2431	1775	MK203DV01	0900	Marketing Căn bản	6	T5	15:50:00	18:20:00	Phòng 022 - CS Thành Thái	Đinh Như	Ý
2431	1776	MK203DV01	1000	Marketing Căn bản	12	T7	7:00:00	9:30:00	Phòng 003 - CS Thành Thái	Trần Thị Tường	Vi
2431	1777	MK203DV01	1100	Marketing Căn bản	12	T7	9:50:00	12:20:00	Phòng 003 - CS Thành Thái	Trần Kim	Ngọc
2431	1778	MK203DV01	1200	Marketing Căn bản	5	T2	13:00:00	15:30:00	Phòng 049 - CS Thành Thái	Phan Minh	Tuấn
2431	1779	MK203DV01	1300	Marketing Căn bản	6	T5	13:00:00	15:30:00	Phòng 049 - CS Thành Thái	Mai Thị Thùy	Trang
2431	1780	MK203DV01	1400	Marketing Căn bản	4	T5	15:50:00	18:20:00	Phòng 049 - CS Thành Thái	Mai Thị Thùy	Trang
2431	1781	MK203DV01	1500	Marketing Căn bản	13	T7	7:00:00	9:30:00	Phòng 049 - CS Thành Thái	Dương Định	Quốc
2431	1782	MK203DV01	1600	Marketing Căn bản	13	T7	9:50:00	12:20:00	Phòng 049 - CS Thành Thái	Dương Định	Quốc
2431	1783	MK203DV01	1700	Marketing Căn bản	44	T3	15:50:00	18:20:00	Phòng 047 - CS Thành Thái	Mai Thị Thùy	Trang
2431	1784	MK203DV01	1800	Marketing Căn bản	8	T7	9:50:00	12:20:00	Phòng 048 - CS Thành Thái	Nguyễn Ngọc Huy	Cường
2431	1785	MK203DV01	1900	Marketing Căn bản	12	T6	7:00:00	9:30:00	Phòng 003 - CS Thành Thái	Vô Thị	Nga
2431	1786	MK203DV01	2000	Marketing Căn bản	14	T6	9:50:00	12:20:00	Phòng 048 - CS Thành Thái	Trương Đơn	vi
2431	1787	MK203DV01	2100	Marketing Căn bản	9	T5	15:50:00	18:20:00	Phòng 047 - CS Thành Thái	Trương Đơn	vi
2431	1788	MK203DV01	2200	Marketing Căn bản	13	T6	9:50:00	12:20:00	Phòng 047 - CS Thành Thái	Vô Thị	Nga
2431	1228	MK208DE01	0200	Marketing Research	5	T2	9:50:00	12:20:00	Phòng 404 - Nguyễn Văn Tráng	Trần Thị Tường	Vi
2431	1229	MK208DE01	0300	Marketing Research	11	T6	13:00:00	15:30:00	Phòng 306 - Nguyễn Văn Tráng	Trần Thị Tường	Vi
2431	1789	MK208DV01	0100	Nghiên cứu Marketing	21	T2	13:00:00	15:30:00	Phòng 221 - CS Quang Trung 2	Đỗ Trọng	Danh
2431	1790	MK208DV01	0300	Nghiên cứu Marketing	2	T6	15:50:00	18:20:00	Phòng 402 - Nguyễn Văn Tráng	Trần Thị Mỹ	Hạnh
2431	1231	MK302DE01	0200	International Marketing	12	T2	9:50:00	12:20:00	Phòng 307 - Nguyễn Văn Tráng	Đặng Trương Thùy	Anh
2431	1232	MK302DE01	0300	International Marketing	2	T5	7:00:00	9:30:00	Phòng 405 - Nguyễn Văn Tráng	Đinh Như	Ý
2431	1233	MK302DE01	0400	International Marketing	3	T6	9:50:00	12:20:00	Phòng 501 - Nguyễn Văn Tráng	Trần Thị Tường	Vi
2431	1791	MK302DV01	0500	Marketing Quốc tế	4	T2	9:50:00	12:20:00	Phòng 502 - Nguyễn Văn Tráng	Huỳnh Thị Thùy	Dương
2431	1234	MK303DE02	0100	Direct & Data DM	4	T4	18:30:00	21:00:00	Phòng 301 - Nguyễn Văn Tráng	Đỗ Huỳnh Lâm	Thịnh
2431	1237	MK305DE02	0200	Marketing Channels Management	18	T2	9:50:00	12:20:00	Phòng 116 - CS Quang Trung 2	Trương Quang	Cầm
2431	1794	MK305DV02	0200	Quản trị kênh Marketing	26	T3	9:50:00	12:20:00	Phòng 116 - CS Quang Trung 2	Lê Anh	Chung
2431	1795	MK306DV01	0100	Quản trị Bán lẻ	19	T7	9:50:00	12:20:00	Phòng 602 - Nguyễn Văn Tráng	Bùi Ngọc Tuấn	Anh
2431	1238	MK307DE01	0100	Product management	1	T6	7:00:00	9:30:00	Phòng 306 - Nguyễn Văn Tráng	Dương Định	Quốc
2431	1241	MK307DE01	0500	Product management	4	T4	9:50:00	12:20:00	Phòng 221 - CS Quang Trung 2	Phan Minh	Tuấn
2431	1796	MK307DV01	0200	Quản trị Sản phẩm	23	T5	7:00:00	9:30:00	Phòng 305 - Nguyễn Văn Tráng	Phạm Văn	Phát
2431	1242	MK308DE03	0300	Integrated Marketing Com Manag	3	T5	7:00:00	9:30:00	Phòng 401 - Nguyễn Văn Tráng	Trương Quang	Vinh
2431	1243	MK308DE03	0400	Integrated Marketing Com Manag	3	T3	15:50:00	18:20:00	Phòng 501 - Nguyễn Văn Tráng	Đặng Trương Thùy	Anh
2431	1244	MK308DE03	0500	Integrated Marketing Com Manag	7	T6	13:00:00	15:30:00	Phòng 602 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Trần Kiều	Vân
2431	1246	MK308DE03	1000	Integrated Marketing Com Manag	1	T4	15:50:00	18:20:00	Phòng 507 - Nguyễn Văn Tráng	Trần Thị Mỹ	Hạnh
2431	1247	MK308DE03	1100	Integrated Marketing Com Manag	2	T5	9:50:00	12:20:00	Phòng 501 - Nguyễn Văn Tráng	Trương Quang	Vinh
2431	1799	MK308DV03	0300	QT truyền thông Mkt. tích hợp	21	T3	18:30:00	21:00:00	Phòng 305 - Nguyễn Văn Tráng	Lý Thị Mỹ	Hạnh
2431	1800	MK309DV01	0100	Quản trị Marketing	1	T3	7:00:00	9:30:00	Phòng 306 - Nguyễn Văn Tráng	Đỗ Duy	Khương
2431	1248	MK310DE01	0100	Sales Management	4	T5	7:00:00	9:30:00	Phòng 306 - Nguyễn Văn Tráng	Phan Minh	Tuấn
2431	1250	MK310DE01	0300	Sales Management	2	T2	7:00:00	9:30:00	Phòng 507 - Nguyễn Văn Tráng	Nghiêm Tấn	Phong
2431	1801	MK310DV01	0100	Quản trị Bán hàng	19	T4	7:00:00	9:30:00	Phòng 501 - Nguyễn Văn Tráng	Dương Định	Quốc
2431	2083	MK315DV02	0100	Đề án: Dự án Marketing	132					Phạm Văn	Phát
2431	1252	MK316DE01	0300	Pricing Strategy	16	T4	13:00:00	15:30:00	Phòng 221 - CS Quang Trung 2	Trương Quang	Cầm
2431	1253	MK316DE01	0500	Pricing Strategy	3	T6	9:50:00	12:20:00	Phòng 407 - Nguyễn Văn Tráng	Nghiêm Tấn	Phong
2431	1803	MK316DV01	0200	Chiến lược Định giá	10	T3	9:50:00	12:20:00	Phòng 112 - CS Quang Trung 2	Phùng Thử	Vinh
2431	1804	MK316DV01	0300	Chiến lược Định giá	1	T6	13:00:00	15:30:00	Phòng 502 - Nguyễn Văn Tráng	Trương Quang	Cầm
2431	1805	MK316DV01	0400	Chiến lược Định giá	25	T6	15:50:00	18:20:00	Phòng 502 - Nguyễn Văn Tráng	Trương Quang	Cầm
2431	1256	MK317DE01	0200	Marketing Strategy	7	T6	7:00:00	9:30:00	Phòng 302 - Nguyễn Văn Tráng	Trương Quang	Cầm
2431	1806	MK317DV01	0100	Chiến lược Marketing	4	T7	9:50:00	12:20:00	Phòng 407 - Nguyễn Văn Tráng	Trương Quang	Cầm
2431	1257	MK318DE01	0100	Social Media Marketing	9	T3	13:00:00	15:30:00	Phòng 502 - Nguyễn Văn Tráng	Đặng Trương Thùy	Anh
2431	1258	MK318DE01	0200	Social Media Marketing	2	T3	18:30:00	21:00:00	Phòng 307 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Hồ Đăng	Khương

2431	1810	MK318DV01	0300	PT truyền thông Marketing XH	8	T4	13:00:00	15:30:00	Phòng 507 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Tuấn	Khoa
2431	1259	MK319DE01	0100	Creative Process	15	T3	7:00:00	9:30:00	Phòng 606 - Nguyễn Văn Tráng	Phạm Thụy Thanh	Vi
2431	1811	MK319DV01	0100	Quá trình sáng tạo	13	T3	9:50:00	12:20:00	Phòng 606 - Nguyễn Văn Tráng	Huỳnh Thị Thùy	Dương
2431	1260	MK401DE02	0100	Brand Management	15	T5	7:00:00	9:30:00	Phòng 030 - CS Thành Thái	Huỳnh Thị Thanh	Thúy
2431	1261	MK401DE02	0200	Brand Management	5	T2	7:00:00	9:30:00	Phòng 401 - Nguyễn Văn Tráng	Trần Thị Tường	Vi
2431	1262	MK401DE02	0300	Brand Management	7	T7	9:50:00	12:20:00	Phòng 405 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Thị	Bê
2431	1263	MK401DE02	0500	Brand Management	10	T7	13:00:00	15:30:00	Phòng 405 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Thị	Bê
2431	1812	MK401DV02	0100	Quản trị Thương hiệu	8	T5	9:50:00	12:20:00	Phòng 023 - CS Thành Thái	Nguyễn Thanh	Vân
2431	1813	MK401DV02	0200	Quản trị Thương hiệu	3	T6	7:00:00	9:30:00	Phòng 601 - Nguyễn Văn Tráng	Lê Anh	Chung
2431	1814	MK401DV02	0300	Quản trị Thương hiệu	21	T5	18:30:00	21:00:00	Phòng 405 - Nguyễn Văn Tráng	Lý Thị Mỹ	Hạnh
2431	1264	MK402DE01	0300	B2B Marketing Management	27	T4	13:00:00	15:30:00	Phòng 606 - Nguyễn Văn Tráng	Huỳnh Thị Thanh	Thúy
2431	1817	MK402DV01	0300	Quản trị Marketing B2B	1	T5	13:00:00	15:30:00	Phòng 602 - Nguyễn Văn Tráng	Huỳnh Thị Thanh	Thúy
2431	1267	MK403DE02	0800	Customer Service & Management	5	T6	7:00:00	9:30:00	Phòng 602 - Nguyễn Văn Tráng	Trương Quang	Vinh
2431	1818	MK403DV02	0100	Quản lý và chăm sóc khách hàng	1	T6	9:50:00	12:20:00	Phòng 606 - Nguyễn Văn Tráng	Trương Quang	Vinh
2431	1819	MK403DV02	0200	Quản lý và chăm sóc khách hàng	4	T2	13:00:00	15:30:00	Phòng 306 - Nguyễn Văn Tráng	Phùng Thế	Vinh
2431	1820	MK403DV02	0300	Quản lý và chăm sóc khách hàng	2	T6	15:50:00	18:20:00	Phòng 601 - Nguyễn Văn Tráng	Lý Thị Mỹ	Hạnh
2431	1821	MK403DV02	0400	Quản lý và chăm sóc khách hàng	13	T2	15:50:00	18:20:00	Phòng 507 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Thị Hữu	Hạnh
2431	1822	MK403DV02	0500	Quản lý và chăm sóc khách hàng	1	T3	7:00:00	9:30:00	Phòng 116 - CS Quang Trung 2	Lê Anh	Chung
2431	1823	MK403DV02	0600	Quản lý và chăm sóc khách hàng	11	T3	13:00:00	15:30:00	Phòng 402 - Nguyễn Văn Tráng	Huỳnh Thị Thanh	Thúy
2431	1268	MK404DE01	0100	Service Marketing	3	T3	13:00:00	15:30:00	Phòng 601 - Nguyễn Văn Tráng	Huỳnh Thị Thùy	Dương
2431	1824	MK404DV01	0100	Marketing Dịch vụ	6	T3	13:00:00	15:30:00	Phòng 407 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Thị	Duyên
2431	1826	MK404DV01	0300	Marketing Dịch vụ	10	T7	13:00:00	15:30:00	Phòng 305 - Nguyễn Văn Tráng	Lý Thị Mỹ	Hạnh
2431	1269	MK406DE01	0100	Content Marketing	2	T4	18:30:00	21:00:00	Phòng 305 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Vũ Thành	Tâm
2431	1270	MK406DE01	0200	Content Marketing	22	T5	18:30:00	21:00:00	Phòng 302 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Trần Kiều	Vân
2431	1827	MK406DV01	0100	Marketing nội dung	8	T6	18:30:00	21:00:00	Phòng 301 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Vũ Thành	Tâm
2431	1828	MK406DV01	0200	Marketing nội dung	5	T7	15:50:00	18:20:00	Phòng 601 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Thành	Lữ
2431	1272	MK407DE01	0300	Events & Sponsors Management	1	T2	18:30:00	21:00:00	Phòng 402 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Thị Trung	Trình
2431	1274	MK407DE01	1200	Events & Sponsors Management	1	T3	9:50:00	12:20:00	Phòng 404 - Nguyễn Văn Tráng	Vô Thị	Nga
2431	1830	MK407DV01	0200	Quản trị tài trợ và sự kiện	17	T7	13:00:00	15:30:00	Phòng 023 - CS Thành Thái	Trần Trung	Việt
2431	1832	MK407DV01	0400	Quản trị tài trợ và sự kiện	5	T4	15:50:00	18:20:00	Phòng 602 - Nguyễn Văn Tráng	Trần Trung	Việt
2431	1834	MK409DV01	0100	Marketing nền tảng di động	5	T6	9:50:00	12:20:00	Phòng 401 - Nguyễn Văn Tráng	Đỗ Trọng	Danh
2431	1835	MK409DV01	0200	Marketing nền tảng di động	15	T6	7:00:00	9:30:00	Phòng 301 - Nguyễn Văn Tráng	Đỗ Trọng	Danh
2431	1836	MK410DV01	0100	Phân tích dữ liệu Marketing ĐT	1	T3	13:00:00	15:30:00	Phòng 501 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Thành	Lữ
2431	1837	MK410DV01	0200	Phân tích dữ liệu Marketing ĐT	1	T3	15:50:00	18:20:00	Phòng 305 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Vũ Diệu	Linh
2431	1838	MK411DV01	0100	Quản trị khuyến mãi	3	T6	15:50:00	18:20:00	Phòng 404 - Nguyễn Văn Tráng	Phan Trọng Nhân	Đệ
2431	1277	MK412DE01	0100	B2B Sales Management	13	T7	7:00:00	9:30:00	Phòng 404 - Nguyễn Văn Tráng	Lý Thị Mỹ	Hạnh
2431	1839	MK412DV01	0100	Quản trị bán hàng B2B	9	T7	9:50:00	12:20:00	Phòng 401 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Thanh	Vân
2431	1840	MK412DV01	0300	Quản trị bán hàng B2B	4	T6	9:50:00	12:20:00	Phòng 602 - Nguyễn Văn Tráng	Lê Anh	Chung
2431	1841	MK413DV01	0100	Điều hành bán hàng đa kênh	1	T6	9:50:00	12:20:00	Phòng 404 - Nguyễn Văn Tráng	Huỳnh Thị Thanh	Thúy
2431	1842	MK413DV01	0200	Điều hành bán hàng đa kênh	4	T6	15:50:00	18:20:00	Phòng 307 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Thị Hữu	Hạnh
2431	1843	MK413DV01	0300	Điều hành bán hàng đa kênh	6	T6	18:30:00	21:00:00	Phòng 307 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Thị Hữu	Hạnh
2431	1844	MK450DV01	0100	Thực tập Tốt nghiệp	58	T2T3T4T5T6	13:00:00	17:30:00		Phạm Văn	Phát
2431	1845	NHAT101DV02	0100	Tiếng Nhật 1	11	T3T5	7:00:00	9:30:00	Phòng 304 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Thùy	Dương
2431	1846	NHAT102DV03	0100	Tiếng Nhật 2	7	T2T4	9:50:00	12:20:00	Phòng 110 - CS Quang Trung 2	Trần Thị	Huệ
2431	1849	PB450DV01	0100	Thực tập tốt nghiệp	184	T2T3T4T5T6	13:00:00	17:30:00		Phạm Nhật Bảo	Quyên
2431	1851	PE104DV01	0100	Bóng đá	5	T2	7:00:00	9:30:00	Sân Phú Thọ 1	Nguyễn Thanh	Quang
2431	1853	PE104DV01	0300	Bóng đá	15	T4	7:00:00	9:30:00	Sân Phú Thọ 1	Nguyễn Thanh	Quang
2431	1854	PE104DV01	0400	Bóng đá	9	T4	9:50:00	12:20:00	Sân Phú Thọ 1	Nguyễn Thanh	Quang
2431	1855	PE105DV01	0100	Bóng rổ	4	T2	13:00:00	15:30:00	Sân 046A - CS Thành Thái	Vũ Hữu Trí	Đăng

2431	1856	PE105DV01	0200	Bóng rổ	4	T3	13:00:00	15:30:00	Sân 046A - CS Thành Thái	Vũ Hữu Trí	Đăng
2431	1857	PE105DV01	0300	Bóng rổ	3	T4	13:00:00	15:30:00	Sân 046A - CS Thành Thái	Vũ Hữu Trí	Đăng
2431	1858	PE105DV01	0400	Bóng rổ	3	T5	13:00:00	15:30:00	Sân 046A - CS Thành Thái	Vũ Hữu Trí	Đăng
2431	1859	PE107DV01	0100	Karatedo	26	T3	9:50:00	12:20:00	Phòng 301 - CS Thành Thái	Phạm Hữu	Thành
2431	1860	PE107DV01	0200	Karatedo	20	T5	9:50:00	12:20:00	Phòng 301 - CS Thành Thái	Phạm Hữu	Thành
2431	1863	PE109DV01	0100	Cầu lông	1	T2	7:00:00	9:30:00	Sân 046B - CS Thành Thái	Nguyễn Thanh	Tuyên
2431	1864	PE109DV01	0200	Cầu lông	2	T2	9:50:00	12:20:00	Sân 046B - CS Thành Thái	Nguyễn Thanh	Tuyên
2431	1865	PE109DV01	0300	Cầu lông	1	T4	7:00:00	9:30:00	Sân 046B - CS Thành Thái	Nguyễn Thanh	Tuyên
2431	1866	PE109DV01	0400	Cầu lông	1	T4	9:50:00	12:20:00	Sân 046B - CS Thành Thái	Nguyễn Thanh	Tuyên
2431	1867	PE109DV01	0500	Cầu lông	5	T3	7:00:00	9:30:00	Sân 046C - CS Thành Thái	Bùi Bảo	Trung
2431	1868	PE109DV01	0600	Cầu lông	5	T3	9:50:00	12:20:00	Sân 046C - CS Thành Thái	Bùi Bảo	Trung
2431	1870	PE109DV01	0800	Cầu lông	3	T5	9:50:00	12:20:00	Sân 046C - CS Thành Thái	Bùi Bảo	Trung
2431	1871	PE110DV01	0100	Taekwondo	4	T5	13:00:00	15:30:00	Phòng 301 - CS Thành Thái	Nguyễn Phú	Cường
2431	1873	PE110DV01	0300	Taekwondo	16	T4	9:50:00	12:20:00	Phòng 301 - CS Thành Thái	Nguyễn Phú	Cường
2431	1874	PE110DV01	0400	Taekwondo	19	T3	13:00:00	15:30:00	Phòng 301 - CS Thành Thái	Nguyễn Phú	Cường
2431	1876	PE114DV01	0200	Kickboxing	18	T4	9:50:00	12:20:00	Sân Phú Thọ 2	Giáp Trung	Thang
2431	1877	PE114DV01	0300	Kickboxing	23	T6	9:50:00	12:20:00	Sân Phú Thọ 2	Giáp Trung	Thang
2431	2062	PE115DV01	0100	Marathon	7	T4	7:00:00	9:30:00	Sân 046C - CS Thành Thái	Bùi Bảo	Trung
2431	1881	PE120DV01	0100	Gym/Fitness	1	T2	9:50:00	12:20:00	Phòng GYMONE 2 -26A Lê Quý Đôn	Huỳnh Minh	Toàn
2431	1882	PE120DV01	0200	Gym/Fitness	1	T3	13:00:00	15:30:00	Phòng GYMONE 2 -26A Lê Quý Đôn	Huỳnh Minh	Toàn
2431	1884	PE120DV01	0400	Gym/Fitness	2	T5	13:00:00	15:30:00	Phòng GYMONE 2 -26A Lê Quý Đôn	Huỳnh Minh	Toàn
2431	1887	PE126DV01	0100	Bơi lội	24	T2	7:00:00	9:30:00	Hồ bơi Phú Thọ 1	Nguyễn Cẩm	Hằng
2431	1888	PE126DV01	0200	Bơi lội	13	T4	7:00:00	9:30:00	Hồ bơi Phú Thọ 1	Nguyễn Cẩm	Hằng
2431	1889	PE126DV01	0300	Bơi lội	13	T5	13:00:00	15:30:00	Hồ bơi Phú Thọ 1	Nguyễn Cẩm	Hằng
2431	1890	PE126DV01	0400	Bơi lội	22	T3	13:00:00	15:30:00	Hồ bơi Phú Thọ 1	Nguyễn Cẩm	Hằng
2431	1891	PE128DV01	0100	Bắn cung	1	T3	9:50:00	12:20:00	Sân tập bắn cung Nhà VHTN 2	Đoàn Thị	Lệ
2431	1893	PE128DV01	0300	Bắn cung	2	T5	9:50:00	12:20:00	Sân tập bắn cung Nhà VHTN 2	Đoàn Thị	Lệ
2431	1898	PHAP101DV02	0100	Tiếng Pháp 1	7	T2T4	13:00:00	15:30:00	Phòng 209 - CS Quang Trung 2	Vô Thị Tâm	Phúc
2431	1900	PHAP103DV02	0100	Tiếng Pháp 3	10	T3T5	7:00:00	9:30:00	Phòng 110 - CS Quang Trung 2	Vô Thị Tâm	Phúc
2431	1903	PHI117DV01	0200	Triết học trong Cuộc sống	5	T6	15:50:00	18:20:00	Phòng 406 - Nguyễn Văn Tráng	Bùi Nguyên	Hân
2431	1904	PR101DV02	0100	Viết bình luận và tranh luận	7	T2	7:50:00	11:30:00	Phòng 032 - CS Thành Thái	Dương Thị Vân	Anh
2431	1905	PR101DV02	0200	Viết bình luận và tranh luận	12	T5	7:50:00	11:30:00	Phòng 032 - CS Thành Thái	Dương Thị Vân	Anh
2431	1279	PR202DE01	0100	Introduction to Public Re.	18	T7	9:50:00	12:20:00	Phòng 601 - Nguyễn Văn Tráng	Mai Quyết	Thắng
2431	1906	PR202DV01	0100	Nhập môn Quan hệ công chúng	30	T7	13:00:00	15:30:00	Phòng 602 - Nguyễn Văn Tráng	Mai Quyết	Thắng
2431	1908	PR203DV01	0200	Sản xuất tin tức & phóng sự	10	T6	9:50:00	12:20:00	Hội trường tầng 3	Nguyễn Thị	Mai
2431	1280	PR204DE01	0100	Visual Communication	8	T3	13:00:00	15:30:00	Phòng 603 - Nguyễn Văn Tráng	Đào Nguyên Thạch	Thảo
2431	1281	PR204DE01	0101	Visual Communication	8	T3	13:00:00	15:30:00		Đào Nguyên Thạch	Thảo
2431	1282	PR204DE01	0200	Visual Communication	10	T3	15:50:00	18:20:00	Phòng 603 - Nguyễn Văn Tráng	Đào Nguyên Thạch	Thảo
2431	1283	PR204DE01	0201	Visual Communication	10	T3	15:50:00	18:20:00		Đào Nguyên Thạch	Thảo
2431	1909	PR301DV01	0100	Kỹ năng nói trước công chúng	9	T6	18:30:00	21:00:00	Phòng 302 - Nguyễn Văn Tráng	Mai Quyết	Thắng
2431	1911	PR304DV01	0100	Kỹ năng viết nâng cao cho QHCC	8	T4	9:50:00	12:20:00	Phòng 604 - Nguyễn Văn Tráng	Phạm Tấn	Thông
2431	1913	PR309DV01	0100	Đề án: KH và triển khai QHCC	5	T3	13:00:00	15:30:00	Phòng 604 - Nguyễn Văn Tráng	Dư Trần Ý	Nhi
2431	1914	PR402DV01	0100	Quản lý khủng hoảng TT	1	T6	13:00:00	15:30:00	Phòng 402 - Nguyễn Văn Tráng	Phạm Tấn	Thông
2431	1915	PR402DV01	0200	Quản lý khủng hoảng TT	3	T6	9:50:00	12:20:00	Phòng 307 - Nguyễn Văn Tráng	Phạm Tấn	Thông
2431	1917	PSY111DV01	0100	PP nghiên cứu & T/Kê trong TLH	12	T6	13:00:00	15:30:00	Phòng 024 - CS Thành Thái	Nguyễn Minh	Thành
2431	1918	PSY111DV01	0200	PP nghiên cứu & T/Kê trong TLH	5	T4T6	15:50:00	18:20:00	Phòng 030 - CS Thành Thái	Nguyễn Minh	Thành
2431	1919	PSY201DV02	0100	Đánh giá và Trắc nghiệm Tâm lý	1	T3	13:00:00	15:30:00	Phòng 606 - Nguyễn Văn Tráng	Vương Nguyễn Toà	Thiện
2431	1284	PSY202DE01	0100	Ethics in Psychology	10	T2	7:00:00	9:30:00	Phòng 405 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Hồng	Ân
2431	2084	PSY203DV01	0100	ĐA1: UD Tâm lý vào MT sống	174					Nguyễn Minh	Thành

2431	1920	PSY205DV01	0100	Lý thuyết về Nhân cách	22	T2	9:50:00	12:20:00	Phòng 024 - CS Thành Thái	Vương Nguyễn Toà	Thiện
2431	1921	PSY205DV01	0200	Lý thuyết về Nhân cách	17	T2	13:00:00	15:30:00	Phòng 030 - CS Thành Thái	Vương Nguyễn Toà	Thiện
2431	1922	PSY210DV01	0100	Tâm lý học trong Doanh nghiệp	41	T7	13:00:00	15:30:00	Phòng 302 - Nguyễn Văn Tráng	Trưởng Đơn	vị
2431	2085	PSY301DV01	0100	ĐA 2: ƯD Tâm lý Chuyên ngành	157					Phạm Thị Kim	Mai
2431	1285	PSY302DE01	0100	Theories and Techniques of Cou	1	T2	15:50:00	18:20:00	Phòng 606 - Nguyễn Văn Tráng	Huỳnh Công	Du
2431	1286	PSY306DE01	0100	Health Psychology	3	T3	7:00:00	9:30:00	Phòng 602 - Nguyễn Văn Tráng	Phạm Thị Kim	Mai
2431	1287	PSY307DE02	0100	Biopsychology&Behavioral Neu.	4	T4	13:00:00	15:30:00	Phòng 402 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Hồng	Ân
2431	1924	PSY307DV02	0200	Tâm lý sinh học & TK học về HV	11	T3	13:00:00	15:30:00	Phòng 033 - CS Thành Thái	Nguyễn Hồng	Ân
2431	1925	PSY307DV02	0300	Tâm lý sinh học & TK học về HV	22	T3	15:50:00	18:20:00	Phòng 033 - CS Thành Thái	Nguyễn Hồng	Ân
2431	1288	PSY309DE01	0100	School Counseling	10	T2	13:00:00	15:30:00	Phòng 606 - Nguyễn Văn Tráng	Trưởng Đơn	vị
2431	1290	PSY313DE01	0100	Cognitive Behavioural TherapyI	4	T6	9:50:00	12:20:00	Phòng 301 - Nguyễn Văn Tráng	Huỳnh Công	Du
2431	1926	PSY403DV01	0100	Trị liệu Nghệ thuật	5	T6	13:00:00	15:30:00	Phòng 505 - Nguyễn Văn Tráng	Trưởng Đơn	vị
2431	1927	PSY450DV01	0100	Thực tập nghề nghiệp	93	T2T3T4T5T6	7:00:00	17:30:00		Nguyễn Minh	Thành
2431	1928	PSY451DV01	0100	Khóa luận Tốt nghiệp	11	T2T3T4T5T6	7:00:00	17:30:00		Nguyễn Hồng	Ân
2431	1929	PSY452DV01	0100	Thực tập tốt nghiệp (SB)	98	T2T3T4T5T6	13:00:00	17:30:00		Nguyễn Thiện Than	Toàn
2431	1291	RM101DE01	0100	F&B Service Operation	4	T5	15:50:00	18:20:00	Phòng 021 - CS Thành Thái	Đặng Bá	Hoài
2431	1292	RM101DE01	0101	F&B Service Operation	4	T5	13:00:00	15:30:00	Phòng 014 - CS Quang Trung 2	Đặng Bá	Hoài
2431	1293	RM101DE01	0102	F&B Service Operation	5	T5	15:50:00	18:20:00	Phòng 014 - CS Quang Trung 2	Đặng Bá	Hoài
2431	1294	RM101DE01	0200	F&B Service Operation	24	T4	13:00:00	15:30:00	Phòng 033 - CS Thành Thái	Đặng Bá	Hoài
2431	1295	RM101DE01	0201	F&B Service Operation	9	T4	13:00:00	15:30:00	Phòng 014 - CS Quang Trung 2	Đặng Bá	Hoài
2431	1297	RM201DE01	0100	F&B Management	23	T3	9:50:00	12:20:00	Phòng 031 - CS Thành Thái	Đặng Bá	Hoài
2431	1300	RM201DE01	0200	F&B Management	3	T6	13:00:00	15:30:00	Phòng 601 - Nguyễn Văn Tráng	Đặng Bá	Hoài
2431	1301	RM201DE01	0201	F&B Management	1	T6	13:00:00	15:30:00	Phòng 014 - CS Quang Trung 2	Đặng Bá	Hoài
2431	1302	RM201DE01	0202	F&B Management	2	T6	15:50:00	18:20:00	Phòng 014 - CS Quang Trung 2	Đặng Bá	Hoài
2431	2122	RM203DV01	0100	Văn hóa Âm thực	3	T2	13:00:00	15:30:00	Phòng 102 - CS Quang Trung 2	Vô Thị Thu	Hà
2431	2123	RM203DV01	0101	Văn hóa Âm thực	3	T2	13:00:00	15:30:00	Phòng 015 - CS Quang Trung 2	Vô Thị Thu	Hà
2431	2107	RM205DV01	0100	An toàn và Vệ sinh	31	T3	13:00:00	15:30:00	Phòng 105 - CS Quang Trung 2	Vô Thị Thu	Hà
2431	1930	RM304DV01	0100	Kỹ thuật làm bánh	15	T4	13:00:00	16:40:00	Phòng 116 - CS Quang Trung 2	Vô Thị Thu	Hà
2431	1931	RM304DV01	0101	Kỹ thuật làm bánh	7	T4	13:00:00	17:30:00	Phòng 015 - CS Quang Trung 2	Vô Thị Thu	Hà
2431	1303	RM305DE01	0100	Oenology	1	T4	9:50:00	12:20:00	Phòng 606 - Nguyễn Văn Tráng	Trần Quốc	Thanh
2431	1305	RM401DE01	0100	Restaurant Planning and Design	5	T3	9:50:00	12:20:00	Phòng 506 - Nguyễn Văn Tráng	Ngô Tuyết Diễm	Khánh
2431	1933	RM450DV01	0100	Thực tập tốt nghiệp	157	T2T3T4T5T6	13:00:00	17:30:00		Nguyễn Thiện Than	Toàn
2431	2130	SW205DV01	0200	Đồ án Thực tập Lập trình A	13	T5	9:50:00	12:20:00	Phòng 020 - CS Thành Thái	Phan Hồng	Trung
2431	1938	SW206DV01	0200	Phân tích&thiết kế giải thuật	35	T6	7:00:00	8:40:00	Phòng 220 - CS Quang Trung 2	Trưởng Đơn	vị
2431	1939	SW206DV01	0201	Phân tích&thiết kế giải thuật	5	T6	8:40:00	10:40:00	Phòng 203 - CS Quang Trung 2	Trưởng Đơn	vị
2431	1941	SW206DV01	0300	Phân tích&thiết kế giải thuật	32	T2	13:00:00	14:40:00	Phòng 021 - CS Thành Thái	Nguyễn Hữu	Phát
2431	2086	SW206DV01	0301	Phân tích&thiết kế giải thuật	2	T2	14:40:00	16:40:00	Phòng 034 - CS Thành Thái	Nguyễn Hữu	Phát
2431	1307	SW210DE01	0200	Software Engineering	3	T5	9:50:00	12:20:00	Phòng 601 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Văn	Son
2431	1943	SW211DV01	0100	Cấu trúc DL & TK giải thuật	14	T5	7:00:00	9:30:00	e-Learning 004	Phan Hồng	Trung
2431	1944	SW211DV01	0101	Cấu trúc DL & TK giải thuật	4	T2	13:00:00	15:30:00	Phòng 039 - CS Thành Thái	Phan Hồng	Trung
2431	1945	SW211DV01	0102	Cấu trúc DL & TK giải thuật	10	T2	15:50:00	18:20:00	Phòng 039 - CS Thành Thái	Phan Hồng	Trung
2431	1946	SW211DV01	0200	Cấu trúc DL & TK giải thuật	17	T4	9:50:00	12:20:00	e-Learning 002	Nguyễn Thị Thu	Dự
2431	1947	SW211DV01	0201	Cấu trúc DL & TK giải thuật	11	T4	13:00:00	15:30:00	Phòng 037 - CS Thành Thái	Nguyễn Thị Thu	Dự
2431	1948	SW211DV01	0202	Cấu trúc DL & TK giải thuật	6	T4	15:50:00	18:20:00	Phòng 037 - CS Thành Thái	Nguyễn Thị Thu	Dự
2431	1949	SW211DV01	0300	Cấu trúc DL & TK giải thuật	11	T6	9:50:00	12:20:00	Phòng 031 - CS Thành Thái	Vũ Đình	Khôi
2431	1950	SW211DV01	0301	Cấu trúc DL & TK giải thuật	4	T6	13:00:00	15:30:00	Phòng 039 - CS Thành Thái	Vũ Đình	Khôi
2431	1951	SW211DV01	0302	Cấu trúc DL & TK giải thuật	7	T6	15:50:00	18:20:00	Phòng 039 - CS Thành Thái	Vũ Đình	Khôi
2431	1952	SW211DV01	0400	Cấu trúc DL & TK giải thuật	16	T7	9:50:00	12:20:00	e-Learning 002	Nguyễn Hữu	Phát
2431	1953	SW211DV01	0401	Cấu trúc DL & TK giải thuật	5	T4	13:00:00	15:30:00	Phòng 039 - CS Thành Thái	Nguyễn Hữu	Phát

2431	1954	SW211DV01	0402	Cấu trúc DL & TK giải thuật	11	T4	15:50:00	18:20:00	Phòng 039 - CS Thành Thái	Nguyễn Hữu	Phát
2431	1955	SW305DV01	0100	Phát triển Web	11	T6	13:00:00	14:40:00	Phòng 031 - CS Thành Thái	Phạm Thị Kim	Ngôn
2431	1956	SW305DV01	0101	Phát triển Web	3	T6	14:40:00	16:40:00	Phòng 038 - CS Thành Thái	Phạm Thị Kim	Ngôn
2431	1957	SW305DV01	0102	Phát triển Web	18	T6	16:40:00	18:20:00	Phòng 038 - CS Thành Thái	Phạm Thị Kim	Ngôn
2431	1958	SW307DV01	0100	PT Web với Servlets & JSP	43	T6	7:00:00	8:40:00	Phòng 023 - CS Thành Thái	Phan Hồng	Trung
2431	1959	SW307DV01	0101	PT Web với Servlets & JSP	18	T6	8:40:00	10:40:00	Phòng 038 - CS Thành Thái	Phan Hồng	Trung
2431	1961	SW310DV01	0100	PT ứng dụng trên TB di động	36	T4	13:00:00	14:40:00	Phòng 204 - CS Quang Trung 2	Bùi Ngọc	Lê
2431	1962	SW310DV01	0101	PT ứng dụng trên TB di động	6	T4	14:40:00	16:40:00	Phòng 202 - CS Quang Trung 2	Bùi Ngọc	Lê
2431	1964	SW312DV01	0100	Phát triển phần mềm ứng dụng	37	T4	13:00:00	14:40:00	Phòng 038 - CS Thành Thái	Dương Tô	Hương
2431	1965	SW312DV01	0101	Phát triển phần mềm ứng dụng	7	T4	14:40:00	16:40:00	Phòng 038 - CS Thành Thái	Dương Tô	Hương
2431	1312	SW318DE01	0100	Software Requirement Engineeri	15	T7	9:50:00	12:20:00	Phòng 021 - CS Thành Thái	Lê Thanh	Tùng
2431	1313	SW318DE01	0300	Software Requirement Engineeri	10	T4	13:00:00	15:30:00	Phòng 021 - CS Thành Thái	Lê Thanh	Tùng
2431	1314	SW319DE01	0100	Software and System Security	33	T3	7:00:00	8:40:00	Phòng 204 - CS Quang Trung 2	Nguyễn Ngọc	Tú
2431	1315	SW319DE01	0101	Software and System Security	3	T3	8:40:00	10:40:00	Phòng 215 - CS Quang Trung 2	Nguyễn Ngọc	Tú
2431	1317	SW402DE01	0100	Software Architecture	3	T7	7:00:00	8:40:00	Phòng 048 - CS Thành Thái	Phạm Hồng	Thanh
2431	1318	SW402DE01	0101	Software Architecture	1	T7	8:40:00	10:40:00	Phòng 037 - CS Thành Thái	Phạm Hồng	Thanh
2431	1319	SW402DE01	0102	Software Architecture	2	T7	10:40:00	12:20:00	Phòng 037 - CS Thành Thái	Phạm Hồng	Thanh
2431	1320	SW402DE01	0200	Software Architecture	28	T5	13:00:00	14:40:00	Phòng 038 - CS Thành Thái	Nguyễn Ngọc	Tú
2431	1323	SW403DE01	0100	Software Project Management	13	T2	9:50:00	12:20:00	Phòng 021 - CS Thành Thái	Nguyễn Ngọc	Tú
2431	1325	SW403DE01	0300	Software Project Management	1	T4	7:00:00	9:30:00	Phòng 503 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Văn	Son
2431	1971	SW403DV01	0100	Quản trị Dự án Phần mềm	25	T5	7:00:00	9:30:00	Phòng 114 - CS Quang Trung 2	Nguyễn Phương	Hoàng
2431	2102	SW450DV01	0100	Thực tập tốt nghiệp	192	T2T3T4T5T6	7:00:00	17:30:00		Nguyễn Văn	Son
2431	1326	TC202DE01	0100	Corporate Finance	1	T3	9:50:00	12:20:00	Phòng 306 - Nguyễn Văn Tráng	Phùng Thái Minh	Trang
2431	1327	TC202DE01	0200	Corporate Finance	1	T5	9:50:00	12:20:00	Phòng 602 - Nguyễn Văn Tráng	Phùng Thái Minh	Trang
2431	1329	TC202DE01	0400	Corporate Finance	1	T6	13:00:00	15:30:00	Phòng 021 - CS Thành Thái	Trần Linh	Đặng
2431	1330	TC202DE01	0500	Corporate Finance	3	T6	9:50:00	12:20:00	Phòng 102 - CS Quang Trung 2	Phạm Nhật Bảo	Quyên
2431	1972	TC202DV01	0100	Tài chính Doanh nghiệp	6	T4	13:00:00	15:30:00	Phòng 302 - Nguyễn Văn Tráng	Lê Hồng	Nam
2431	1973	TC202DV01	0300	Tài chính Doanh nghiệp	5	T3	7:00:00	9:30:00	Phòng 305 - Nguyễn Văn Tráng	Đinh Thị Thúy	Hằng
2431	1974	TC202DV01	0400	Tài chính Doanh nghiệp	13	T4	7:00:00	9:30:00	Phòng 405 - Nguyễn Văn Tráng	Đinh Thị Thúy	Hằng
2431	1331	TC203DE02	0100	International Finance	15	T6	13:00:00	15:30:00	Phòng 108 - CS Quang Trung 2	Phạm Nhật Bảo	Quyên
2431	1332	TC203DE02	0200	International Finance	9	T4	9:50:00	12:20:00	Phòng 306 - Nguyễn Văn Tráng	Trần Thị Hoàng	Vi
2431	1975	TC203DV02	0100	Tài chính Quốc tế	39	T2	13:00:00	15:30:00	Phòng 117 - CS Quang Trung 2	Phạm Nhật Bảo	Quyên
2431	1333	TC210DE01	0100	Securities Market	18	T4	13:00:00	15:30:00	Phòng 307 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Minh	Triết
2431	1335	TC302DE01	0100	Financial Statement Analysis	1	T6	13:00:00	15:30:00	Phòng 401 - Nguyễn Văn Tráng	Trần Thị Hoàng	Vi
2431	1978	TC302DV01	0100	Phân tích Báo cáo Tài chính	15	T6	7:00:00	9:30:00	Phòng 405 - Nguyễn Văn Tráng	Nghiêm Tấn	Phong
2431	1336	TC303DE01	0100	Portfolio Management	6	T5	7:00:00	9:30:00	Phòng 402 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Phương	Quỳnh
2431	1979	TC303DV01	0100	Quản trị Danh mục Đầu tư	22	T3	9:50:00	12:20:00	Phòng 402 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Phương	Quỳnh
2431	1337	TC304DE02	0100	Financial Management	10	T3	9:50:00	12:20:00	Phòng 401 - Nguyễn Văn Tráng	Phan Trần Minh	Hung
2431	1980	TC304DV02	0100	Quản trị Tài chính	9	T6	9:50:00	12:20:00	Phòng 302 - Nguyễn Văn Tráng	Lê Hồng	Nam
2431	1981	TC304DV02	0200	Quản trị Tài chính	13	T6	13:00:00	15:30:00	Phòng 302 - Nguyễn Văn Tráng	Lê Hồng	Nam
2431	1982	TC304DV02	0400	Quản trị Tài chính	15	T5	7:00:00	9:30:00	Phòng 307 - Nguyễn Văn Tráng	Đinh Thị Thúy	Hằng
2431	1340	TC306DE02	0100	Risk Management	10	T4	9:50:00	12:20:00	Phòng 405 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Minh	Triết
2431	1984	TC309DV01	0100	Quản trị Dự án Đầu tư	35	T3	13:00:00	15:30:00	Phòng 504 - Nguyễn Văn Tráng	Trần Linh	Đặng
2431	1341	TC319DE01	0100	Behavioral Finance	20	T5	9:50:00	12:20:00	Phòng 604 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Phương	Quỳnh
2431	1986	TC325DV01	0100	Nhập môn về C/nghệ tài chính	42	T6	15:50:00	18:20:00	Phòng 401 - Nguyễn Văn Tráng	Phan Trần Minh	Hung
2431	1343	TC401DE02	0200	Quantitative Method in Finance	18	T2	7:00:00	9:30:00	Phòng 305 - Nguyễn Văn Tráng	Đinh Thị Thúy	Hằng
2431	1988	TC401DV02	0100	Ppháp định lượng trong t/chính	1	T2	13:00:00	15:30:00	Phòng 402 - Nguyễn Văn Tráng	Trần Thị Hoàng	Vi
2431	1990	TC402DV01	0100	Các Mô hình Tài chính	1	T7	9:50:00	12:20:00	Phòng 038 - CS Thành Thái	Nguyễn Tường	Minh
2431	1995	TC419DV01	0200	Tài chính Tập đoàn Đa Quốc gia	13	T6	9:50:00	12:20:00	Phòng 504 - Nguyễn Văn Tráng	Đỗ Thị Hồng	Hà

2431	2143	TC422DE02	0100	Applied Project	97					Nguyễn Phương	Quỳnh
2431	2087	TC422DV02	0100	Đề án ứng dụng	140					Nguyễn Phương	Quỳnh
2431	1996	TC430DV01	0100	Tạo lập Giá trị Doanh nghiệp	4	T4	13:00:00	15:30:00	Phòng 401 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Tường	Minh
2431	2144	TC450DE01	0100	Graduation Internship	198	T2T3T4T5T6	7:00:00	17:30:00		Lê Hồng	Nam
2431	1997	TC450DV01	0100	Thực tập Tốt nghiệp	158	T2T3T4T5T6	13:00:00	17:30:00		Lê Hồng	Nam
2431	2117	TC451DV01	0100	Khóa luận Tốt nghiệp	22	T2T3T4T5T6	7:00:00	17:30:00		Lê Hồng	Nam
2431	2108	TDSV101DE03	0100	Trao đổi sinh viên (mùa thu)	26						
2431	1998	TK116DV01	0100	Xử lý bề mặt vật liệu	5	T6	13:00:00	16:40:00	Phòng 802 - CS Cao Thắng	La Thị Tuyết	Mai
2431	1999	TK116DV01	0200	Xử lý bề mặt vật liệu	7	T3	13:00:00	16:40:00	Phòng 702 - CS Cao Thắng	La Thị Tuyết	Mai
2431	2000	TK117DV01	0100	Nền tảng thiết kế thời trang	4	T5	13:00:00	17:30:00	Phòng 802 - CS Cao Thắng	Phan Đức	Thọ
2431	2001	TK117DV01	0200	Nền tảng thiết kế thời trang	8	T7	13:00:00	17:30:00	Phòng 802 - CS Cao Thắng	Phan Đức	Thọ
2431	1344	TK313DE01	0100	Fashion Design (Women's wear)	3	T7	7:50:00	11:30:00	Phòng 803 - CS Cao Thắng	Thái Trung	Tín
2431	1345	TK313DE01	0200	Fashion Design (Women's wear)	4	T7	13:00:00	16:40:00	Phòng 803 - CS Cao Thắng	Thái Trung	Tín
2431	1346	TK315DE02	0100	FD (Children wear, Underwear &	11	T4T6	13:00:00	15:30:00	Phòng 803 - CS Cao Thắng	Thái Trung	Tín
2431	2002	TK318DV02	0100	Tiếp thị Thời trang	9	T5	8:40:00	12:20:00	Phòng 703 - CS Cao Thắng	Trịnh Hà	Anh
2431	2003	TK323DV03	0100	Toán học cho Kinh doanh TT	1	T6	13:00:00	16:40:00	Phòng 402 - CS Cao Thắng	Mai Quỳnh	My
2431	1348	TK326DE02	0100	Intergrated Fashion Marketing	13	T5	13:00:00	16:40:00	Phòng 402 - CS Cao Thắng	Trịnh Hà	Anh
2431	1349	TK329DE01	0100	Fashion Design (Childrenwear)	8	T7	13:50:00	17:30:00	Phòng 702 - CS Cao Thắng	Phạm Hồng	Vân
2431	2004	TK402DV04	0100	Phmềm tạo mẫu & tkế thời trang	11	T2	7:50:00	11:30:00	Phòng 039 - CS Thành Thái	Đinh Thị Hải	Yến
2431	1350	TK403DE01	0100	Technology of ProducingFashion	21	T2	13:00:00	15:30:00	Phòng 803 - CS Cao Thắng	Trần Minh	Nhựt
2431	2141	TK403DE01	0200	Technology of ProducingFashion	9	T2	9:50:00	12:20:00	Phòng 803 - CS Cao Thắng	Trần Minh	Nhựt
2431	2005	TK409DV01	0100	Đồ án tiền TN TKTT	6	T3	13:00:00	16:40:00	Phòng 803 - CS Cao Thắng	Trần Minh	Nhựt
2431	2006	TK409DV01	0200	Đồ án tiền TN TKTT	10	T3	7:50:00	11:30:00	Phòng 803 - CS Cao Thắng	Trần Minh	Nhựt
2431	2007	TM104DV01	0100	Tạo mẫu Căn bản	7	T4	13:00:00	17:30:00	Phòng 802 - CS Cao Thắng	La Thị Tuyết	Mai
2431	2008	TM104DV01	0200	Tạo mẫu Căn bản	7	T2	13:00:00	17:30:00	Phòng 802 - CS Cao Thắng	La Thị Tuyết	Mai
2431	2009	TM202DV04	0100	Kỹ thuật Draping	7	T3	7:50:00	12:20:00	Phòng 802 - CS Cao Thắng	Lê Kim	Thủy
2431	2010	TM202DV04	0200	Kỹ thuật Draping	7	T3	13:50:00	18:20:00	Phòng 802 - CS Cao Thắng	Lê Kim	Thủy
2431	2011	TM403DV01	0100	Tạo mẫu Trang phục Cao cấp	8	T4	7:50:00	11:30:00	Phòng 803 - CS Cao Thắng	Lê Kim	Thủy
2431	2012	TN102DV03	0100	Tin học Nội thất 1-(NMAutoCAD)	6	T7	13:50:00	17:30:00	Phòng 406 - CS Cao Thắng	Nguyễn Khắc Trung	Đồng
2431	1352	TN111DE01	0100	Sustainable Design	2	T3	13:00:00	15:30:00	Phòng 003 - CS Cao Thắng	Trương Đơn	vi
2431	2013	TN117DV01	0100	Kỹ thuật trình bày bản vẽ	4	T5	13:50:00	17:30:00	Phòng 302 - CS Cao Thắng	Hà Thị Hoài	Thu
2431	2014	TN118DV01	0100	Trang trí cơ sở ngành NT	12	T3	13:50:00	17:30:00	Phòng 302 - CS Cao Thắng	Nguyễn Khắc Trung	Đồng
2431	2132	TN118DV01	0101	Trang trí cơ sở ngành NT	12	T3	13:50:00	17:30:00		Nguyễn Khắc Trung	Đồng
2431	2016	TN201DV01	0200	Tin học Nội thất 2 (PhotoShop)	7	T5	9:50:00	12:20:00	Phòng 704 - CS Cao Thắng	Nguyễn Thị Thúy	Hà
2431	2017	TN203DV01	0100	Tin học Nội thất 4 (3D Max)	7	T5	13:00:00	16:40:00	Phòng 607 - CS Cao Thắng	Nguyễn Thị Thúy	Hà
2431	2018	TN302DV02	0100	Trang thiết bị Nội thất	7	T6	13:00:00	16:40:00	Phòng 302 - CS Cao Thắng	Trương Đơn	vi
2431	2019	TN302DV02	0200	Trang thiết bị Nội thất	14	T7	13:00:00	16:40:00	Phòng 302 - CS Cao Thắng	Trương Đơn	vi
2431	1354	TN316DE01	0100	D. S.: Ser. & Ent. Int. Design	5	T2	9:50:00	12:20:00	Phòng 304 - CS Cao Thắng	Trương Đơn	vi
2431	2022	TN317DV01	0100	Trang trí sự kiện	8	T2	7:50:00	11:30:00	Phòng 302 - CS Cao Thắng	Nguyễn Bảo Cúc	Phương
2431	2023	TN317DV01	0200	Trang trí sự kiện	4	T4	7:50:00	11:30:00	Phòng 302 - CS Cao Thắng	Nguyễn Thị Thúy	Hà
2431	1355	TN402DE02	0100	Design Studio: Hospitality ID	3	T3	13:00:00	16:40:00	Phòng 304 - CS Cao Thắng	Dương Ngọc Quỳnh	Lâm
2431	1356	TN402DE02	0200	Design Studio: Hospitality ID	4	T5	13:00:00	16:40:00	Phòng 304 - CS Cao Thắng	Dương Ngọc Quỳnh	Lâm
2431	1357	TN403DE02	0100	Design Studio: Cultural ID	4	T3	7:50:00	11:30:00	Phòng 304 - CS Cao Thắng	Dương Ngọc Quỳnh	Lâm
2431	1358	TN403DE02	0200	Design Studio: Cultural ID	4	T5	7:50:00	11:30:00	Phòng 304 - CS Cao Thắng	Dương Ngọc Quỳnh	Lâm
2431	2024	TO102DV01	0100	Kinh tế học trong DL và KS-NH	5	T3	7:00:00	9:30:00	Phòng 033 - CS Thành Thái	Nguyễn Thành	Nam
2431	2088	TO201DV01	0100	Đề án 1: Khảo sát ý kiến KH	135					Vô Thị Thu	Hà
2431	2025	TO202DV01	0100	Lịch sử và Văn hóa Việt Nam	12	T3	9:50:00	12:20:00	Phòng 029 - CS Thành Thái	Nguyễn Thành	Nam
2431	2089	TO304DV01	0100	Đề án: Quản lý dự án Du lịch	121					Đậu Thị Ngọc	Phụng
2431	1360	TO312DE01	0100	Vietnam’s Itineraries and Dest	14	T7	9:50:00	12:20:00	Phòng 304 - Nguyễn Văn Tráng	Phù Trường	Thắng

2431	1364	TO402DE01	0100	Travel Management	19	T4	7:00:00	9:30:00	Phòng 301 - Nguyễn Văn Tráng	Lê Minh	Phuong
2431	1365	TO403DE01	0100	Tourism Product Development	22	T3	18:30:00	21:00:00	Phòng 302 - Nguyễn Văn Tráng	Trương Đơn	vi
2431	1367	TO450DE01	0100	Graduation Internship	174	T2T3T4T5T6	13:00:00	17:30:00		Ngô Tuyết Diễm	Khánh
2431	2147	TO451DV01	0100	Khóa luận Tốt nghiệp	199	T2T3T4T5T6	7:00:00	17:30:00		Ngô Tuyết Diễm	Khánh
2431	2068	TO452DE01	0100	Graduation Internship	47	T2T3T4T5T6	7:00:00	17:30:00		Ngô Tuyết Diễm	Khánh
2431	2026	TQ101DV02	0100	Tiếng Trung 1	5	T3T5	7:00:00	9:30:00	Phòng 501 - Nguyễn Văn Tráng	Trương Đơn	vi
2431	2027	TQ101DV02	0200	Tiếng Trung 1	14	T3T5	9:50:00	12:20:00	Phòng 117 - CS Quang Trung 2	Nguyễn Thị	Dung
2431	2028	TQ102DV03	0100	Tiếng Trung 2	13	T3T5	15:50:00	18:20:00	Phòng 117 - CS Quang Trung 2	Trần Thử	Hà
2431	2029	TQ102DV03	0200	Tiếng Trung 2	13	T3T5	13:00:00	15:30:00	Phòng 117 - CS Quang Trung 2	Trần Thử	Hà
2431	2030	TQ102DV03	0300	Tiếng Trung 2	2	T2T4	9:50:00	12:20:00	Phòng 506 - Nguyễn Văn Tráng	Lý Hồng	Dung
2431	2031	TQ103DV03	0100	Tiếng Trung 3	6	T2T4	7:00:00	9:30:00	Phòng 506 - Nguyễn Văn Tráng	Lã Thị Thùy	Phuong
2431	2032	TQ201DV03	0100	Tiếng Trung 4	14	T2T4	9:50:00	12:20:00	Phòng 304 - Nguyễn Văn Tráng	Du Quế	Tiên
2431	2033	TQ201DV03	0200	Tiếng Trung 4	2	T2T4	13:00:00	15:30:00	Phòng 503 - Nguyễn Văn Tráng	Lý Hồng	Dung
2431	2992	TT104DV02	0100	Tổng quan về truyền thông	46	T3	9:50:00	12:20:00	Phòng 905 - Nguyễn Văn Tráng	Trần Vi Mai	Châu
2431	2034	TT105DV01	0100	Truyền thông và Xã hội	7	T7	9:50:00	12:20:00	Phòng 302 - Nguyễn Văn Tráng	Lê Vũ Phương	Thùy
2431	2035	TT204DV01	0100	Cơ sở pháp lý TTNN	4	T5	15:50:00	18:20:00	Phòng 023 - CS Thành Thái	Huỳnh Thị Yến	Nguyệt
2431	2037	TT205DV02	0100	Quy trình SX sản phẩm TTNN	3	T6	7:00:00	9:30:00	Phòng 032 - CS Thành Thái	Chu Văn	Hòa
2431	2038	TT205DV02	0200	Quy trình SX sản phẩm TTNN	4	T6	9:50:00	12:20:00	Phòng 032 - CS Thành Thái	Chu Văn	Hòa
2431	2039	TT205DV02	0300	Quy trình SX sản phẩm TTNN	10	T3	13:00:00	15:30:00	Phòng 022 - CS Thành Thái	Quản Phương	Thanh
2431	2040	TT205DV02	0400	Quy trình SX sản phẩm TTNN	11	T3	15:50:00	18:20:00	Phòng 022 - CS Thành Thái	Quản Phương	Thanh
2431	2041	TT205DV02	0500	Quy trình SX sản phẩm TTNN	6	T5	13:00:00	15:30:00	Phòng 024 - CS Thành Thái	Chu Văn	Hòa
2431	2042	TT212DV01	0100	Quy trình sáng tạo	4	T2	9:50:00	12:20:00	Phòng 703 - CS Cao Thắng	Trần Vi Mai	Châu
2431	2043	TT212DV01	0200	Quy trình sáng tạo	14	T2	7:00:00	9:30:00	Phòng 703 - CS Cao Thắng	Trần Vi Mai	Châu
2431	2044	TT214DV02	0100	Kỹ năng viết truyền thông	13	T7	13:00:00	15:30:00	Phòng 407 - Nguyễn Văn Tráng	Lê Vũ Phương	Thùy
2431	2045	TT216DV01	0100	Văn hóa đại chúng Châu Á	24	T3	13:00:00	15:30:00	Phòng 302 - Nguyễn Văn Tráng	Lê Vũ Phương	Thùy
2431	2046	TT218DV01	0100	Kỹ năng tạo lập văn bản TT	7	T3	7:50:00	11:30:00	Phòng 020 - CS Thành Thái	Dương Thị Vân	Anh
2431	2047	TT218DV01	0200	Kỹ năng tạo lập văn bản TT	9	T4	7:50:00	11:30:00	Phòng 020 - CS Thành Thái	Dương Thị Vân	Anh
2431	1368	TT302DE02	0100	TV Program Production	2	T2	15:50:00	18:20:00	Phòng 103 - CS Cao Thắng	Bùi Thị	Hòa
2431	1369	TT302DE02	0200	TV Program Production	1	T4	18:30:00	21:00:00	Phòng 103 - CS Cao Thắng	Bùi Thị	Hòa
2431	2048	TT302DV02	0100	Sản xuất Chương trình Giải trí	12	T4	13:00:00	15:30:00	Phòng 023 - CS Thành Thái	Dương Thị Vân	Anh
2431	1371	TT304DE02	0200	TVC and New Media Production	3	T7	15:50:00	18:20:00	Phòng 103 - CS Cao Thắng	Đặng Ánh	Thu
2431	2090	TT306DV02	0100	Đề án: Quản lý SX sản phẩm TTN	25					Quản Phương	Thanh
2431	2091	TT306DV02	0200	Đề án: Quản lý SX sản phẩm TTN	14					Đoàn Tuấn	Đức
2431	2051	TT307DV02	0100	Cấu trúc Khung Chương trình	1	T4	9:50:00	12:20:00	Phòng 501 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Thị Long	Hòa
2431	1372	TT308DE01	0100	Radio Program Production	2	T4	17:30:00	21:00:00	Phòng 307 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Minh	Đức
2431	1373	TT308DE01	0101	Radio Program Production	2	T4	17:30:00	21:00:00		Nguyễn Minh	Đức
2431	2052	TT308DV01	0100	SX CT giải trí phát thanh	9	T7	8:40:00	12:20:00	Phòng 305 - Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Minh	Đức
2431	1376	TT309DE01	0100	Media Project Management	3	T4	13:00:00	16:40:00	Phòng 202 - CS Cao Thắng	Nguyễn Thị Anh	Thư
2431	1377	TT309DE01	0200	Media Project Management	1	T2	13:00:00	16:40:00	Phòng 202 - CS Cao Thắng	Dư Trần Ý	Nhi
2431	2053	TT309DV01	0100	Quản trị Dự án Truyền thông	14	T6	13:00:00	16:40:00	Phòng 202 - CS Cao Thắng	Nguyễn Thị Anh	Thư
2431	2054	TT317DV01	0100	Viết lời quảng cáo	1	T6	15:50:00	18:20:00	Phòng 305 - Nguyễn Văn Tráng	Đào Nguyễn Thạch	Thảo
2431	2131	TT317DV01	0200	Viết lời quảng cáo	29	T5	13:00:00	15:30:00	Phòng 606 - Nguyễn Văn Tráng	Đào Nguyễn Thạch	Thảo
2431	2055	TT321DV01	0200	Truyền thông gia đình	4	T3	9:50:00	12:20:00	Phòng 502 - Nguyễn Văn Tráng	Lê Vũ Phương	Thùy
2431	2056	TT322DV01	0100	Quản lý dự án nghệ thuật	3	T6	7:50:00	11:30:00	Phòng 202 - CS Cao Thắng	Trần Vi Mai	Châu
2431	2057	TT325DV01	0100	Nội dung phương tiện T/thông	7	T2T4	13:00:00	15:30:00	Phòng 031 - CS Thành Thái	Đoàn Tuấn	Đức
2431	2058	TT325DV01	0200	Nội dung phương tiện T/thông	16	T2T4	15:50:00	18:20:00	Phòng 031 - CS Thành Thái	Phạm Thu	Hằng
2431	2059	TT325DV01	0300	Nội dung phương tiện T/thông	3	T3T6	13:00:00	15:30:00	Phòng 404 - CS Cao Thắng	Phạm Thu	Hằng
2431	1378	TT402DE01	0100	Media Selling	1	T2	7:50:00	11:30:00	Phòng 202 - CS Cao Thắng	Dư Trần Ý	Nhi
2431	1380	TT402DE01	0300	Media Selling	7	T4	7:50:00	11:30:00	Phòng 202 - CS Cao Thắng	Nguyễn Thị Anh	Thư

[illegible]